



FIGURES & EVENTS REVIEW  
OF THE GSO (MPI)

# TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - Số 678 / Kỳ I - 10/2024



**BỨC TRANH KINH TẾ - XÃ HỘI  
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 -  
NHỮNG ĐIỂM SÁNG NỔI BẬT**



**CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI  
GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI XÃ HỘI  
GIÀ HÓA Ở VIỆT NAM**



**XÓA NHÀ DỘT NÁT, NHÀ TẠM  
TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN**



**DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI  
QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

# Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Ảng: NỖ LỰC PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Những năm gần đây, phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) huyện Mường Ảng (Điện Biên) tiến hành rà soát, sắp xếp lại quy mô mạng lưới trường, lớp ở tất cả các cấp học theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đưa học sinh lớp 3, 4, 5 từ các điểm trường về trường trung tâm; bố trí, sắp xếp tăng số học sinh/lớp, giảm số lớp, trường. Sau quá trình triển khai, quy mô mạng lưới trường, lớp các cấp học: Mầm non, Tiểu học và THCS của Huyện được duy trì ổn định, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Tính đến năm học 2023-2024, trên địa bàn huyện Mường Ảng có 34 trường, trong đó, cấp Mầm non có 12 trường, 167 lớp với 3.739 trẻ; cấp Tiểu học có 12 trường, 211 lớp, với 5.596 học sinh; cấp THCS có 10 trường, 107 lớp, với 4.204 học sinh.

Về cơ sở vật chất, toàn Huyện hiện có 581 phòng học và phòng hỗ trợ học tập, gồm 386 phòng kiên cố, 174 phòng bán kiên cố, 21 phòng tạm. Trong đó, có 469 phòng học thông thường và 112 phòng học bộ môn; 133 phòng nội trú; 56 phòng công vụ (trong đó 9 phòng kiên cố, 45 phòng bán kiên cố và 2 phòng tạm); đáp ứng 96,4% nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Cùng với đó, thực hiện Chương trình xây dựng trường chuẩn Quốc gia gắn với xây dựng Nông thôn mới, đến nay, toàn Huyện đã có 29/34 trường đạt chuẩn Quốc gia.

Để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa các trường học, Phòng GD&ĐT đã tham mưu cho UBND huyện Mường Ảng và các địa phương trên địa bàn lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và kiên cố hóa các trường học đảm bảo đáp ứng việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phù hợp với kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2021-2022 đến nay đã xây dựng được 36 phòng học từ nguồn vốn Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; tham mưu UBND huyện Mường Ảng tiến hành xây mới 10 phòng học, 24 phòng nội trú, 8 nhà



*Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng được đầu tư xây dựng khang trang, rộng rãi, đáp ứng nhu cầu học tập và vui chơi của trẻ*

hiệu bộ và các công trình phụ trợ khác; mua sắm 98 bộ đồ dùng thiết bị dạy học... cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học tại các nhà trường.

Mặc dù đời sống của Nhân dân trên địa bàn huyện Mường Ảng còn gặp nhiều khó khăn, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn; việc vận dụng phương pháp giảng dạy mới cũng còn nhiều hạn chế, nhất là với đối tượng học sinh vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, những năm gần đây chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn của ngành GD&ĐT huyện Mường Ảng vẫn được ghi nhận có sự chuyển biến tích cực. Quy mô học sinh cơ bản ổn định ở các cấp học; tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi đến trường đạt chỉ tiêu, kế hoạch cấp trên giao.

Tính đến tháng 12/2023, toàn Huyện đảm bảo duy trì phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2, trong đó có 6/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 (tăng 2 xã so với năm 2021). Tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh tốt nghiệp luôn ở mức cao; công tác đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi có bước tiến về chất và lượng. Hằng năm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; tốt nghiệp THPT đạt gần 100%... Cùng với đó, huyện Mường Ảng chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi.

Chất lượng thi học sinh giỏi các môn văn hóa ngày càng nâng lên. Năm học 2023-2024, có 103 học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện (trong đó: 9 giải Nhì, 20 giải Ba và 74 giải Khuyến khích); 45 học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (trong đó: 3 giải Nhì, 15 giải Ba và 27 giải Khuyến khích).

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được rà soát sắp xếp cơ bản đảm bảo số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, có tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, gắn bó với nghề, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đến cuối năm học 2023-2024, huyện Mường Ảng có tổng số 1.166 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Toàn Huyện hiện có 251 giáo viên dạy giỏi cấp huyện gồm: 72 giáo viên cấp Mầm non, 100 giáo viên cấp Tiểu học và 67 giáo viên cấp THCS. Trong đó có 48/251 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh gồm: 12 giáo viên cấp Mầm non, 18 giáo viên cấp Tiểu học và 18 giáo viên cấp THCS.

Năm học 2024-2025, ngành GD&ĐT huyện Mường Ảng đặt mục tiêu duy trì bền vững các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Phần đầu 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3./.

**Minh Hằng**



# TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỢP BÁO CÔNG BỐ SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2024

**S**áng ngày 06/10/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì họp báo.

Tham dự họp báo trực tiếp tại điểm cầu Tổng cục Thống kê có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến; Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; các cơ quan báo chí, truyền thông. Họp báo được kết nối trực tuyến đến điểm cầu của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại buổi Họp báo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã công bố những số liệu thống kê cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam trong quý III và 9 tháng năm 2024. Theo Báo cáo, mặc dù tình hình thế giới bất ổn và thiệt hại nặng nề từ cơn bão số 3 ở trong nước, song với quyết tâm nhanh chóng khắc phục hậu quả của bão lũ, sớm ổn định đời sống của Nhân dân, đẩy mạnh khôi phục sản xuất kinh doanh, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục hậu quả bão số 3; phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024. Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, địa phương đã theo dõi chặt chẽ những biến động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đặt ra, từ đó tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Nhờ đó, kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024 của nước ta tiếp tục xu hướng tích cực, tạo đà tăng trưởng cho những tháng còn lại của năm.



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2024 ước tính tăng 7,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, đóng góp 4,08% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,88%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 11,41%, đây là mức tăng cao nhất của cùng kỳ các năm trong 6 năm gần đây; khu vực dịch vụ tăng 7,51%, đóng góp 47,04%.

GDP 9 tháng năm 2024 ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%.

Bước sang quý IV/2024, dự báo kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu nhiều tác động trước những rủi ro, bất ổn trên thế giới về kinh tế, chính trị, thiên tai, dịch bệnh... Mục tiêu tăng trưởng từ 6,8%-7% của năm 2024 là thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và Nhân dân cả nước. Do đó, Tổng cục Thống kê khuyến nghị

một số nhóm giải pháp chủ yếu để đạt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới như: (1) Tiếp tục kiên trì, kiên định mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát giá cả, thị trường, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; (2) Đẩy mạnh tiêu dùng, tập trung phát triển thị trường trong nước; (3) Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, khai thác tối đa thị trường thế giới; (4) Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024, thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao; (5) Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, bão lũ, sạt lở đất để kịp thời triển khai các giải pháp phòng, chống, ứng phó phù hợp; (6) Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp.

Tại Họp báo, dưới sự chủ trì của Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, đại diện lãnh đạo các Vụ chuyên môn của TCTK đã giải đáp các câu hỏi của phóng viên về các nội dung xoay quanh tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024, các vấn đề liên quan đến công nghiệp, nông nghiệp, lao động và đặc biệt là về tác động của cơn bão số 3 tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024 trong những tháng cuối năm 2024.../.

**Minh Châu**

## ĐOÀN THANH NIÊN TỔNG CỤC THỐNG KÊ TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN THANH NIÊN HÀN QUỐC

**S**áng ngày 01/10/2024, tại Hà Nội, Đoàn Thanh niên Tổng cục Thống kê có buổi tiếp và làm việc với Đoàn Thanh niên Hàn Quốc. Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc đại diện lãnh đạo TCTK chủ trì buổi tiếp đón.

Về phía khách mời có ông Rhee Jong Kook, Phó Chủ tịch điều hành Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc; ông Hoàng Quốc Long, Vụ trưởng Vụ Công tác thanh niên, Bộ Nội vụ tại Việt Nam; các đoàn viên thanh niên cơ quan Tổng cục Thống kê và Hàn Quốc.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc vui mừng chào đón ông Rhee Jong Kook và các thành viên Đoàn Thanh niên Hàn Quốc đã dành thời gian đến thăm và trao đổi kinh nghiệm về công tác thống kê trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thanh niên với Tổng cục Thống kê.

Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc cho biết, Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao được hơn 30 năm. Trong khuôn khổ quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia, quan hệ hợp tác giữa Tổng cục Thống kê Việt Nam (TCTK) và Cơ quan Thống kê Hàn Quốc cũng ngày càng bền chặt. Hai cơ quan thống kê đã ký Biên bản hợp tác song phương từ năm 2002 và triển khai hiệu quả hợp tác trong những năm qua. Đây là cơ sở để hai cơ quan thống kê quốc gia thường xuyên trao đổi đoàn cấp cao với mục tiêu: Thúc đẩy trao đổi song phương và mở rộng các hoạt động hợp tác; Chuyển giao phương pháp luận thống kê tiên tiến và chia sẻ kinh nghiệm thống kê; Khai thác các dự án ODA thông qua trao đổi song phương và huy động vốn hỗ trợ phát triển.

Trong lĩnh vực thống kê, những hỗ trợ nhiều mặt và có hiệu quả



của Hàn Quốc cho Việt Nam đã và đang nâng cao năng lực, vị thế của Thống kê Việt Nam trong khu vực và thế giới, giúp TCTK từng bước đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Qua hơn 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng gắn bó, được cụ thể hóa bằng các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao, dự án hỗ trợ phát triển và xây dựng năng lực và được coi là hình mẫu hợp tác, phát triển trong khu vực. “Trong thành phần Đoàn công tác hôm nay phần lớn là các công chức trẻ ở Trung ương và địa phương của Hàn Quốc, tôi rất tin tưởng với thế hệ trẻ công chức hai nước sẽ đóng vai trò trung tâm trong hợp tác giữa hai quốc gia hiện tại và tương lai vì sự phồn vinh và gắn kết giữa hai dân tộc”, Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc nhấn mạnh.

Phát biểu tại buổi làm việc, ông Rhee Jong Kook, Phó Chủ tịch điều hành Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc đánh giá cao công tác thống kê của ngành Thống kê Việt Nam trong thời gian qua và tin tưởng vào các số liệu thống kê cũng như những hợp tác về thống kê giữa hai nước. Ông cũng mong muốn

trong buổi làm việc này, hai bên sẽ tiếp tục bàn những phương hướng và các hạng mục có thể hợp tác trong tương lai...

Ông Hoàng Quốc Long, Vụ trưởng Vụ Công tác thanh niên, Bộ Nội vụ tại Việt Nam cho biết, đây là lần thứ hai Bộ tổ chức cho đoàn thanh niên Hàn Quốc sang Việt Nam giao lưu, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm làm việc; đồng thời mong muốn buổi làm việc tại TCTK sẽ giúp các đoàn viên thanh niên hai nước hiểu và cùng nhau trao đổi, chia sẻ những thông tin về kinh tế - xã hội cũng như thống kê phục vụ tốt hơn cho công việc...

Tại buổi làm việc, Đoàn thanh niên Hàn Quốc và TCTK đã trao đổi, thảo luận giao lưu về các nội dung như: Tầm quan trọng của các số liệu thống kê, công tác thanh niên, công tác đào tạo, công tác thống kê về già hóa dân số...

Cũng trong khuôn khổ buổi làm việc, Đoàn Thanh niên Hàn Quốc đã được thăm quan và nghe giới thiệu về phòng truyền thống của TCTK.

Kết thúc buổi làm việc, thay mặt lãnh đạo TCTK, Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc đã tặng quà và chụp ảnh lưu niệm với Đoàn thanh niên Việt Nam và Hàn Quốc./

**Thu Hoàng**

# KHAI GIẢNG KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THỐNG KÊ CHO NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ Ở CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

**N**hằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp cho Hệ thống thống kê Nhà nước theo nhiệm vụ, giải pháp được đặt ra trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (CLTK 2021-2030), ngày 30/9/2024 tại Viện Khoa học Thống kê, Tổng cục Thống kê đã tổ chức khai giảng Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho người làm công tác thống kê ở các Bộ, ngành Trung ương. Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu chủ trì buổi Lễ.

Tham dự Lễ Khai giảng có Lãnh đạo, chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ, Viện Khoa học Thống kê; Giảng viên PGS.TS Trần Thị Kim Thu, nguyên Trưởng khoa Thống kê, trường Đại học Kinh tế quốc dân và gần 40 học viên là công chức, viên chức đến từ 7 Bộ, ngành Trung ương và 3 Sở, ngành địa phương ở khu vực phía Bắc.

Phát biểu khai mạc Lễ Khai giảng, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cho biết, trong thời đại ngày nay, nhu cầu sử dụng thông tin kinh tế - xã hội ngày càng tăng. Nắm bắt xu hướng này, cơ quan thống kê các quốc gia và tổ chức thống kê quốc tế đã phối hợp chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực thống kê, góp phần nâng cao khả năng cung cấp thông tin thống kê, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng sử dụng. Ở Việt Nam, CLTK 2021-2030 cũng đề ra nhiệm vụ, giải pháp tập trung nguồn lực để phát triển nguồn nhân lực cho hệ thống thống kê Nhà nước gồm: Hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố; Chi cục Thống kê các huyện, khu vực)



và Hệ thống thống kê phân tán (bộ phận thống kê của các Bộ, ngành ở Trung ương, các Sở, ngành ở địa phương và các cơ quan chuyên môn ở các huyện, xã).

Theo nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của CLTK 2021-2030, một trong những nội dung để phát triển nguồn nhân lực cho hệ thống thống kê Nhà nước trong giai đoạn tới là đổi mới và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực theo hướng nâng cao cấp độ đào tạo cũng như chương trình, nội dung, hình thức đào tạo, từ đó, đào tạo nguồn nhân lực thống kê đủ về số lượng với chất lượng ngày càng cao, góp phần quan trọng nâng cao khả năng cung cấp thông tin kinh tế - xã hội, phục vụ tốt sự lãnh đạo, điều hành của Đảng, Chính phủ và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin khác.

Trong những năm qua, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về thống kê ngày càng được tăng cường. Hoạt động thống kê Nhà nước từng bước được thực hiện nhịp nhàng, đồng bộ giữa Cơ quan Thống kê Trung ương với thống kê các Bộ, ngành và địa phương. Tuy nhiên, đối với công tác thống kê Bộ, ngành ở Trung ương và sở, ngành địa phương vẫn còn một số

tồn tại: Một số Bộ, ngành chưa có tổ chức thống kê chuyên trách, nhân lực làm thống kê còn thiếu về số lượng; người làm công tác thống kê phần lớn kiêm nhiệm, chưa được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Do đó, khóa Bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê này được tổ chức nhằm nâng cao năng lực của người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành Trung ương và các Sở ngành ở địa phương. Theo đó, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu yêu cầu các học viên tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học, thực hiện tốt quy chế lớp học để đạt kết quả học tập cao nhất.

Khóa bồi dưỡng kiến thức thống kê cho người làm công tác thống kê ở các Bộ, ngành Trung ương sẽ diễn ra trong 05 ngày, từ ngày 30/9 đến 04/10/2024. Các học viên sẽ được các giảng viên của Khoa Thống kê, Trường Đại học Kinh tế quốc dân trình bày, trao đổi, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về thống kê qua một số chuyên đề như: Những vấn đề chung về thống kê; Điều tra; Trình bày dữ liệu; Phân tích, chỉ số thống kê... Các học viên đồng thời được hướng dẫn thực hành để có thể vận dụng những kiến thức được học trong thực tiễn./.

**Tin: Bích Ngọc**  
**Ảnh: Viện Khoa học Thống kê**

# HỘI THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

## Chương trình điều tra thống kê quốc gia

**C**hiều ngày 24/9/2024, tại trụ sở ở Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc và đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục.

Ngày 07/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP. Sau đó, Văn phòng Chính phủ có thông báo số 5487/VPCP-KTTH về việc triển khai thực hiện Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ, trong đó quy định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2024 theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện nhiệm vụ, Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê (PPCĐ) đã xây dựng dự thảo Quyết định Chương trình điều tra thống kê quốc gia, nhằm thu thập, biên soạn công bố, phổ biến thông tin thống kê theo đúng quy định của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP; hoàn thiện hành lang pháp lý về xây dựng các hình thức thu thập thông tin thống kê bảo đảm đồng bộ, phù hợp



với các quy định của Luật Thống kê; khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg hiện hành.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, sau khi Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành, TCTK tập trung sửa đổi một số văn bản pháp lý liên quan đến công tác thu thập thông tin thống kê theo quy định mới. Tổng cục trưởng yêu cầu tại hội thảo, các đại biểu tập trung rà soát, xem xét các nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện, thảo luận các nội dung chưa thống nhất để hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng công cụ hiệu quả đảm bảo thu thập thông tin theo quy định của Nghị định 62 mới được ban hành.

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe Vụ trưởng Vụ PPCĐ Nguyễn Đình Khuyến trình bày một số nội dung về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Dự thảo Quyết định được xây dựng với quan điểm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, chính xác, đồng bộ

với các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê; cụ thể hóa các cuộc điều tra đã được quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bên cạnh đó, các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê phải bảo đảm tính phù hợp, khả thi, tránh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các hình thức thu thập thông tin, đồng thời bảo đảm tính kế thừa từ những cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê đã ban hành.

Dự thảo Quyết định gồm 05 điều (quy định Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Chương trình điều tra thống kê quốc gia; Tổ chức thực hiện; Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành) và 01 phụ lục Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

So với Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023, dự thảo Quyết định Chương trình điều tra thống kê quốc gia tăng 02 điều và bỏ phần quy định chung, gộp vào dự thảo Quyết định.



Điểm mới của dự thảo Quyết định là về tổ chức thực hiện, quy định Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng cục Thống kê ban hành kế hoạch các cuộc điều tra thống kê hằng năm, phương án điều tra của từng cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận các nội dung về căn cứ pháp lý xây dựng quyết định, bổ sung hoặc bỏ một số cuộc điều tra, điều chỉnh tên cuộc điều tra...

Cho ý kiến tại Hội thảo, các Phó Tổng cục trưởng: Lê Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc cùng quan điểm cho rằng cần có hành lang pháp lý cho khai thác cơ sở dữ liệu hành chính trong điều tra thống kê; có phương pháp luận, thống nhất cách thức tiếp cận trong xây dựng dự thảo quyết định... để có cơ sở triển khai thu thập thông tin thống kê theo đúng quy định, hợp lý, hợp pháp, từ đó có công cụ hiệu quả, đảm bảo công tác thống kê thực hiện theo xu hướng chung của thế giới và phù hợp với thực tế ở Việt Nam.

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị các đơn vị thuộc Tổng cục tiếp tục cùng tập trung làm rõ nội hàm trong Quyết định; thống nhất giữ nguyên các cuộc điều tra nhưng làm rõ nội hàm để chuyển dẫn từ điều tra truyền thống sang thu thập dữ liệu hành chính. Vụ PPCĐ chủ trì làm việc với các đơn vị chuyên môn, các Bộ, ngành để làm rõ các nội dung chi tiết của từng cuộc điều tra; rà soát dự thảo sau xin ý kiến các đơn vị để hoàn thiện dự thảo, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12/2024.

**B.N**

## HỘI THẢO DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI THỐNG KÊ THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ



**C**hiều ngày 25/9/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo xin ý kiến Dự thảo Thông tư hướng dẫn phân loại thống kê theo loại hình kinh tế. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu và Đỗ Thị Ngọc cùng đại diện lãnh đạo, chuyên viên các vụ liên quan thuộc Cơ quan Tổng cục.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, những năm gần đây, loại hình kinh tế được quan tâm rất nhiều. Việc xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn phân loại thống kê theo loại hình kinh tế có nội dung phức tạp. Do đó, Tổng cục trưởng đề nghị các đại biểu tập trung cho ý kiến vào các nội dung dự thảo.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe Vụ trưởng Vụ PPCĐ Nguyễn Đình Khuyến trình bày dự thảo Thông tư hướng dẫn phân loại thống kê theo loại hình kinh tế.

Kết cấu Dự thảo Thông tư hướng dẫn phân loại thống kê theo loại hình kinh tế gồm 6 điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 2. Đơn vị thể chế; Điều 3. Mục đích phân loại; Điều 4. Nguyên tắc phân loại; Điều 5. Phân loại thống kê theo loại hình kinh tế; Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Danh mục phân loại thống kê theo loại hình kinh tế gồm 03 cấp: Cấp 1 gồm 04 loại hình kinh tế được mã hóa lần lượt từ 1 đến 4 (loại hình kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài); Cấp 2 gồm 15 loại hình kinh tế, mỗi loại hình được mã hóa bằng hai chữ số theo cấp 1 tương ứng; Cấp 3 gồm 35 loại hình kinh tế, mỗi loại hình được mã hóa bằng 3 chữ số theo cấp 2 tương ứng...

Thảo luận tại Hội thảo, các đại biểu tập trung cho ý kiến vào đơn vị thể chế, doanh nghiệp tư nhân, loại hình kinh tế tập thể, khái niệm về từ ngữ...

Kết thúc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu tại Hội thảo và yêu cầu Vụ PPCĐ tiếp thu ý kiến và tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh các nội dung để hoàn thiện nội dung Thông tư./.

**M.T**

# Bức tranh kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2024

## NHỮNG ĐIỂM SÁNG NỔI BẬT

**Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024 của của Tổng cục Thống kê cho thấy, nền kinh tế tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho những tháng còn lại của năm.**

### GDP ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước

Tính chung 9 tháng năm 2024, GDP ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế 9 tháng năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, (đóng góp 5,37%), chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024 do chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cơn bão số 3 trong tháng 9/2024 nên tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ các năm trước; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19% (đóng góp 46,22%), trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng với tốc độ tăng 9,76%; Khu vực dịch vụ tăng 6,95% (đóng góp 48,41%), trong đó một số ngành dịch vụ thị trường duy trì đà tăng trưởng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,56% so với cùng kỳ năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 11,03%; hoạt động tài chính, ngân hàng

và bảo hiểm tăng 6,47%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,48%.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,10%; khu vực dịch vụ chiếm 42,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,46% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2023 là 11,80%; 36,98%; 42,61%; 8,61%).

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,18% so với cùng kỳ năm 2023, đóng góp 62,66% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 6,86%, đóng góp 36,68%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,94%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,05%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 0,66%.

### Sản xuất nông nghiệp duy trì tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu

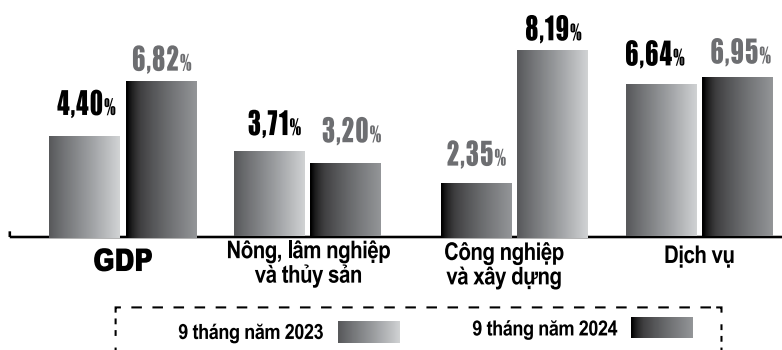
Sản xuất lúa vụ đông xuân và hè thu đạt kết quả khá. Tính đến

20/9/2024, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.464,9 nghìn ha, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 996,6 nghìn ha, bằng 99,1%; các địa phương phía Nam đạt 468,3 nghìn ha, bằng 100,5%. Đến nay, lúa mùa tại các địa phương phía Bắc đang trong giai đoạn trổ bông, một số trà lúa sớm ở giai đoạn vào chắc, chín và đã cho thu hoạch 141,9 nghìn ha, chiếm 14,2% diện tích gieo cấy và bằng 110,4% cùng kỳ năm trước.

Các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 815 nghìn ha ngô, bằng 99,0% cùng kỳ năm trước; 74,1 nghìn ha khoai lang, bằng 101,8%; 27,9 nghìn ha đậu tương, bằng 95,3%; 142,1 nghìn ha lạc, bằng 97,7%; 1.022,8 nghìn ha rau đậu các loại, bằng 100,4%.

Sản lượng một số cây ăn quả tăng khá so với cùng kỳ năm trước do khai thác tối đa thị trường xuất khẩu. Sản lượng thu hoạch một số cây ăn quả đều tăng khá: Sầu riêng đạt 984,8 nghìn tấn, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước; xoài đạt 858,4 nghìn tấn,

Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước



tăng 3,6%; cam đạt 1.084,4 nghìn tấn, tăng 2,3%; thanh long đạt 692,8 nghìn tấn, tăng 1,3%.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản duy trì tăng trưởng. Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2024 ước đạt 7.019,1 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2024 ước đạt 2.638,4 nghìn tấn, tăng 2,2%), bao gồm: Cá đạt 4.918,3 nghìn tấn, tăng 2,3%; tôm đạt 1.081,7 nghìn tấn, tăng 4,1%; thủy sản khác đạt 1.019,1 nghìn tấn, tăng 1,2%.

### **Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng tích cực**

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2024 ước tính tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,47%; quý II tăng 8,78%; quý III tăng 9,59%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,76% (quý I tăng 7,21%; quý II tăng 10,39%; quý III tăng 11,41%), đóng góp 2,44 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,11%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,83%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7,01%, làm giảm 0,22 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Thép thanh, thép góc tăng 26,7%; xăng dầu tăng 20,3%; thép cán tăng 16,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 15,9%; đường kính tăng 13,5%; phân hỗn hợp NPK tăng 13,3%; sữa bột tăng 12,1%; ô tô tăng 11,9%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2024 giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung

9 tháng năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,6%).

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2024 tăng 5,2% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 8,5% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 19,4%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân chín tháng năm 2024 là 76,8% (bình quân 9 tháng năm 2023 là 85,3%).

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/9/2024 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 5,2% so với cùng thời điểm năm trước.

### **Thương mại, dịch vụ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế**

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ từ đầu năm đến nay.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành quý III/2024 ước đạt 1.591,0 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% so với quý trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4.703,4 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,1%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,8% (cùng kỳ năm 2023 tăng 7,6%).

Theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2024 ước đạt 3.630,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ

lưu trú, ăn uống ước đạt 543,0 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 45,6 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 484,6 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2%.

Trong 9 tháng năm 2024, vận tải hành khách ước đạt 3.660,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 13,2%) và luân chuyển đạt 204,6 tỷ lượt khách.km, tăng 12,2% (cùng kỳ năm trước tăng 26,7%). Vận tải hàng hóa ước đạt 1.917,9 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 14,6%) và luân chuyển 393,4 tỷ tấn.km, tăng 10,5% (cùng kỳ năm trước tăng 11,3%).

9 tháng năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 12,7 triệu lượt người, tăng 43,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số 12,7 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 9 tháng năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt gần 10,8 triệu lượt người, chiếm 84,9% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 38,7% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt gần 1,8 triệu lượt người, chiếm 13,8% và tăng 68,1%; bằng đường biển đạt gần 165,7 nghìn lượt người, chiếm 1,3% và tăng 158,7%.

### **Thu hút đầu tư FDI tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước**

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: vốn đăng ký cấp mới có 2.492 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt gần 13,55 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 11,3% về số vốn đăng ký; có 1.027 lượt dự án đã cấp

phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 7,64 tỷ USD, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm trước; có 2.471 lượt đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 3,59 tỷ USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, có 932 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,86 tỷ USD; 1.539 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,73 tỷ USD).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 9 tháng năm 2024 ước đạt 17,34 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

#### **Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,79 tỷ USD**

Tính chung 9 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 299,63 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 83,47 tỷ USD, tăng 20,7%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 216,16 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 72,1%. Có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,4%).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 278,84 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 100,85 tỷ USD, tăng 18,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 177,99 tỷ USD, tăng 16,5%. Có 40 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,5% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 3 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 45%).

Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ 9 tháng xuất siêu 20,79 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 22,1 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,38 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 38,17 tỷ USD.

#### **Thị trường lao động việc làm tiếp tục khởi sắc**

Tính chung 9 tháng năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,5 triệu người, tăng 210,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động có việc làm là 51,4 triệu người, tăng 212 nghìn người; thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng 519 nghìn đồng; tỷ lệ thất nghiệp là 2,26%, giảm 0,02 điểm phần trăm và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,99%, giảm 0,03 điểm phần trăm.

Lao động có việc làm quý III/2024 ước tính là 51,6 triệu người, tăng 114,6 nghìn người so với quý trước và tăng 244,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2024, lao động có việc làm là 51,4 triệu người, tăng 212 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 914,1 nghìn người, giảm 8,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,99%, giảm 0,03 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,26%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực thành thị là 2,55%; khu vực nông thôn là 2,07%.

#### **Đời sống dân cư được cải thiện, bảo đảm an sinh xã hội**

Theo kết quả sơ bộ Khảo sát mức sống dân cư năm 2024 tình hình đời sống dân cư trong 9 tháng năm 2024 được cải thiện hơn.

Thu nhập bình quân đầu người một tháng trong kỳ 9 tháng năm nay ước đạt gần 5,4 triệu đồng/người/tháng, trong đó thành thị đạt gần 6,7 triệu đồng/người/tháng và nông thôn là gần 4,7 triệu đồng/người/tháng. So với năm 2023, thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2024 tăng 7,8%, cao hơn mức tăng thu nhập năm 2023 so với 2022 (tăng 6,2%).

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, các ngành và địa phương thực hiện kịp thời, hiệu quả. Theo báo cáo từ địa phương, trong 9 tháng năm nay (tính đến ngày 25/9/2024), lãnh đạo Trung ương và địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho nhiều đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 19,6 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo là hơn 4 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là gần 26,6 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là 1,84 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 26,6 triệu thẻ BHYT, sổ, thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 9 tháng năm 2024, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân gần 21,8 nghìn tấn gạo, trong đó: Chính phủ hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ hơn 5,9 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 396,3 nghìn nhân khẩu và 432,6 tấn gạo cho gần 28,9 nghìn nhân khẩu chịu ảnh hưởng do thiên tai.../.

*Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý 3 và 9 tháng năm 2024 của TCTK*

# Bão Yagi không cản trở ĐÀ TĂNG TRƯỞNG QUÝ III NĂM 2024

**Nguyễn Thị Mai Hạnh**

Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

Tháng Chín vừa qua, mặc dù các tỉnh phía Bắc chịu ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 3, đặc biệt là trong hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, song kinh tế cả nước quý III vẫn có mức tăng trưởng ấn tượng, tạo đà phát triển cho những tháng còn lại của năm và đưa Việt Nam hướng về đích mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm từ 6,5-7% theo Nghị quyết của Chính phủ.

**Q**uý III/2024, trong bối cảnh chung kinh tế thế giới đang dần phục hồi, kinh tế nước ta cũng có những chuyển biến tích cực, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho những tháng còn lại của năm.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,4%, trong đó: Khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) tăng 2,58%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm tăng trưởng; Khu vực II (công nghiệp và xây dựng) tăng 9,11%, đóng góp 3,7 điểm phần trăm; Khu vực III (dịch vụ) tăng 7,51%, đóng góp tăng 3,56 điểm phần trăm. Tính chung 9 tháng, GDP tăng 6,82%, trong đó: Khu vực I tăng 3,2%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm tăng trưởng; Khu vực II tăng 8,19%, đóng góp 3,23 điểm phần trăm; Khu vực III tăng 6,95%, đóng góp 3,39 điểm phần trăm.

*Tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sụt giảm do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết bất thường*

Nhìn vào đóng góp tăng trưởng của từng khu vực có thể thấy rõ khu

vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức đóng góp thấp nhất. Ảnh hưởng của bão số 3 đổ bộ trong tháng Chín đã tác động tới kết quả tăng trưởng chung của khu vực này. Theo tính toán, quý III năm nay, giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, chỉ cao hơn cùng kỳ năm 2021 nhưng thấp hơn các năm còn lại của giai đoạn 2020-2023<sup>1</sup>; trong đó hoạt động nông nghiệp tăng thấp nhất trong giai đoạn kể từ năm 2020 đến nay và các quý đầu năm 2024 (giá trị tăng thêm chỉ đạt 2,03%) do nhiều diện tích trồng lúa mùa sắp cho thu hoạch, đàn gia súc, gia cầm ở một số tỉnh miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Hồng bị mất trắng hoặc thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3. Tăng trưởng quý III của khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản sụt giảm đáng kể ở các tỉnh phía Bắc bị ảnh hưởng của bão số 3 vừa qua, cụ thể: Bắc Giang (giảm 12,94%), Thái Nguyên (giảm 10,81%), Quảng Ninh (giảm 6,97%),

1. Tốc độ tăng trưởng quý III của khu vực I các năm 2020-2023: 3,11%; 2,52%; 4,67%; 4,3%.

Hải Phòng (giảm 5,64%); Lào Cai (giảm 1,13%); Cao Bằng (giảm 1%), Hà Nam (giảm 0,94%), Thái Bình tăng nhẹ 0,08%, Phú Thọ tăng 2,13%, Hải Dương tăng 2,37%.

Ngược lại, ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn diễn biến tốt: Sản xuất lúa hè thu đạt khá; sản lượng cây lâu năm cho thu hoạch như cây ăn quả, sầu riêng, cà phê, cao su, điều tăng khá nhờ thời tiết tương đối thuận lợi và nhu cầu xuất khẩu tăng cao. Hoạt động lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản của các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại do bão lũ chiếm tỷ trọng thấp trong tổng giá trị tăng thêm nên không ảnh hưởng nhiều tới kết quả chung của hai nhóm ngành này. Do đó, hoạt động lâm nghiệp vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định, giá trị tăng thêm đạt 4,32% nhờ hoạt động trồng rừng tăng, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào các thị trường chính như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Châu Âu tăng trưởng tốt<sup>2</sup>;

2. 9 tháng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,6 tỷ USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ 2023.

giá gỗ nguyên liệu ở mức cao. Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long phục hồi mạnh mẽ nhờ tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) để mở rộng thị trường xuất khẩu, giá trị tăng thêm ngành thủy sản tăng 3,89%.

Do sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III bị ảnh hưởng bởi bão và hoàn lưu sau bão nên tính chung 9 tháng năm 2024, ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản không đạt mức tăng trưởng như dự kiến, chỉ cao hơn cùng kỳ năm 2020 và thấp hơn mức tăng của các năm từ 2021-2023<sup>3</sup> với 3,2%; trong đó hoạt động nông nghiệp tăng chậm lại, hoạt động lâm nghiệp và thủy sản đạt mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 2,92%; ngành lâm nghiệp tăng 4,96%; ngành thủy sản tăng 3,73%.

*Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng quý III của nền kinh tế*

Khu vực II (công nghiệp và xây dựng) có mức đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng chung của nền kinh tế trong quý III/2024. Tính riêng khu vực công nghiệp đạt 9,59% trong quý III năm nay, là mức tăng cao nhất trong 3 quý kể từ đầu năm. Trong đó, đóng góp lớn nhất về tăng trưởng của khu vực này phải kể đến ngành chế biến chế tạo với tốc độ tăng 11,41%, đây là mức tăng quý III cao nhất so cùng kỳ kể từ năm 2020. Có được mức tăng này một phần do thị trường xuất khẩu trên đà khởi sắc, nhà sản xuất nhận thêm nhiều đơn hàng mới cho những tháng cuối năm, mặt khác đây là con số được tính trên nền tăng trưởng khá thấp của năm 2023.

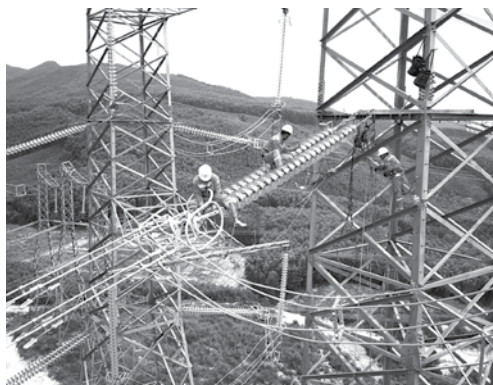
Ngành khai khoáng và ngành điện có tốc độ tăng lần lượt là -7,09% và 8,06%, thấp hơn mức tăng của 6 tháng đầu năm. Tuy hai ngành này cũng bị ảnh hưởng của bão Yagi nhưng một số yếu tố ngoài dự kiến đã hỗ trợ tăng trưởng các ngành công nghiệp như ngành lọc hóa dầu có tăng trưởng tốt sau thời kỳ nghỉ bão dưỡng; ngành điện tử có tăng trưởng tích cực; ngành dệt may tận dụng được những đơn hàng từ nước ngoài do thị trường quốc tế có những khó khăn, bất ổn; đường dây 500kV mạch 3 thông toàn tuyến góp phần duy trì nguồn điện cho sản xuất và tiêu dùng trên toàn quốc đã giúp tăng trưởng của khu vực công nghiệp không bị giảm so với kịch bản dự kiến mà còn đủ bù đắp những thiệt hại của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Tính chung 9 tháng, mặc dù ngành khai khoáng tiếp tục đà giảm âm kể từ năm 2023 nhưng toàn ngành công nghiệp vẫn tăng trưởng tích cực, đạt 8,34%. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 9,76% và ghi nhận nhiều hoạt động có chỉ số sản xuất IIP đạt mức hai con số như: Sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng trên 28%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng trên 24%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng trên 18%; sản xuất hóa chất, sản phẩm hóa chất tăng trên 16%;

sản xuất xe có động cơ và dệt, tăng khoảng 13%; hoạt động sản xuất kim loại, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng khoảng 12%. Ngành sản xuất, phân phối điện tăng trưởng trên 11%. Ngành Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải, nước thải cũng đạt 9,83%, cao nhất so với cùng kỳ các năm từ 2019 trở lại đây.

Đối với 26 tỉnh, thành phố bị tác động trực tiếp bởi cơn bão số 3, hoạt động công nghiệp cũng bị ảnh hưởng do nhà xưởng bị lật mái, hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị bị hư hại; mất điện, mất nước, mất thông tin liên lạc diện rộng; sản xuất một số nơi bị ngưng trệ tạm thời do mưa lụt nhưng mức độ thiệt hại không lớn do phần lớn khối doanh nghiệp đã có kế hoạch chủ động ứng phó với bão lũ. Các tỉnh có hoạt động công nghiệp phát triển mạnh như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Ninh đều ít bị tác động do bão Yagi, chỉ số IIP vẫn tăng khá tốt: Hà Nội tăng trên 5%, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Phòng tăng từ 7%-12%.

Ngành Xây dựng trong quý III có xu hướng tăng chậm lại do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) và hoàn lưu sau bão tại 26 tỉnh phía Bắc và cơn bão số 4 tại các tỉnh miền Trung trong tháng 9/2024,



3. Tốc độ tăng trưởng 9 tháng của khu vực I các năm 2021-2023: 3,84%; 3,66%; 3,71%.

khiến hoạt động này bị gián đoạn; nhiều công trình đang thi công dở dang trên các địa bàn bị bão đi qua bị hư hại nặng nề. Giá trị tăng thêm ngành xây dựng tăng 7,09%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 và 2023 (18,7% và 8,0%). Tính chung 9 tháng, giá trị tăng thêm ngành xây dựng đạt 7,48%, cao hơn cùng kỳ năm 2023 (hơn 6%) nhưng thấp hơn nhiều so với cùng kỳ 2022 (hơn 10%).

*Khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng*

Trong quý III/2024, hoạt động dịch vụ tiếp tục có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, trong đó, một số ngành có tăng trưởng tốt là: Vận tải kho bãi (tăng 11,07%); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (tăng 10,17%); Dịch vụ lưu trú, ăn uống (tăng 8,75%); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (tăng 7,97%). Ngoài một số ngành dịch vụ chịu tác động trực tiếp của cơn bão số 3 là dịch vụ du lịch, dịch vụ lưu trú ăn uống, vui chơi giải trí thì các ngành dịch vụ khác còn lại vẫn hoạt động ổn định. Tuy nhiên, tháng Chín không phải thời kỳ cao điểm du lịch (cao điểm hoạt động du lịch vào kỳ nghỉ lễ đầu tháng Chín và trước đó khi bão chưa xảy ra) do đó, khu vực III không bị ảnh hưởng quá tiêu cực từ cơn bão.

Nhìn chung, trong quý III và 9 tháng năm 2024, nền kinh tế

đạt được mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bị sụt giảm do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết bất thường nhưng được bù đắp bởi mức tăng khá ấn tượng của khu vực công nghiệp, khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì mức tăng khá nhờ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ổn định, tạo đà phát triển cho quý IV và cả năm.

Đạt được kết quả như trên, tăng trưởng kinh tế 9 tháng năm 2024 được hỗ trợ bởi một số yếu tố thuận lợi sau:

*Thứ nhất*, Chính phủ chủ động ban hành các chính sách kích cầu tiêu dùng về giảm, gia hạn thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân.

*Thứ hai*, kinh tế vĩ mô giữ ổn định, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ kết hợp hiệu quả đã giúp kiểm soát lạm phát ở vùng an toàn, lãi suất điều hành giảm dần là cơ sở để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất.

*Thứ ba*, thu hút vốn FDI đã tăng trở lại, các nhà đầu tư nước ngoài ổn định sản xuất và mở rộng hoạt động. Đối thoại kinh tế giữa Việt Nam và Mỹ diễn ra nhằm cụ thể hóa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Australia cũng mở ra nhiều cơ hội kinh tế vì đây là thị trường quen thuộc với đa số người dân và cộng đồng người Việt ở Australia cũng khá đông.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh tế quý III và 9 tháng năm 2024, Tổng cục Thống kê nhận định khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 theo Nghị quyết Chính phủ từ 6,5-7% là khả thi. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng cả năm 6,5% thì quý IV sẽ cần tăng 5,7%; mục tiêu 6,8% thì quý IV cần tăng 6,76%; mục tiêu 7%

thì quý IV cần tăng 7,5%. Với kết quả tăng trưởng của quý III và 9 tháng, cùng với nhận định về xu hướng tăng trưởng các tháng cuối năm, tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 khả năng cao đạt được mục tiêu cận trên của kịch bản tăng trưởng.

Tuy nhiên, để đạt mục tiêu tăng trưởng cần quan tâm một số yếu tố rủi ro:

*Thứ nhất*, hoạt động du lịch đã chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa xứng với tiềm năng, chưa thực sự đáp ứng được như kỳ vọng, cần được nghiêm túc khai thác bài bản các sản phẩm du lịch, hiệu quả để tạo cú hích cho tăng trưởng kinh tế.

*Thứ hai*, doanh nghiệp vẫn đối mặt với ba vấn đề lớn về thị trường, vốn và pháp lý; một số quy định, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện kinh doanh còn rườm rà, chưa được cắt giảm triệt để.

*Thứ ba*, doanh nghiệp phải đáp ứng tốt các tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững, tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG)... đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn, trong khi thời gian để chuyển đổi không còn nhiều (nhiều nước dự kiến áp dụng từ năm 2026).

*Thứ tư*, thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp... đã ổn định hơn, nhưng còn nhiều vấn đề cần tháo gỡ như: Tăng trưởng tín dụng; xử lý nợ xấu, ngân hàng yếu kém, ngân hàng "0 đồng"; tháo gỡ vướng mắc cho các dự án bất động sản, nhất là các dự án lớn; áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp; nâng hạng thị trường chứng khoán...

*Thứ năm*, biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng trở thành mối đe dọa nghiêm trọng đến con người, hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế./.



# Lạm phát bình quân 9 tháng năm 2024 TRONG TẦM KIỂM SOÁT

**Nguyễn Thu Oanh**

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá - TCTK

## **Lạm phát 9 tháng năm 2024**

Trong 9 tháng năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc. Thị trường tài chính, tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, hàng hóa, vận tải thế giới biến động mạnh, liên tục... Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế - xã hội. Xu hướng cắt giảm lãi suất của một số ngân hàng trung ương lớn trên thế giới tiếp tục mở rộng do lạm phát đang tiến gần đến mục tiêu 2%. Ngày 12/9/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ hai trong năm giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm xuống còn 3,5%/năm. Ngày 18/9/2024, lần đầu tiên sau hơn 4 năm Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75%-5%/năm, bắt đầu chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ trong bối cảnh cả bức tranh việc làm và lạm phát của Mỹ suy giảm. Ngân hàng Trung ương Ca-na-đa (CBC) cũng có hai đợt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong tháng Sáu và tháng Bảy năm nay xuống còn 4,25%/năm.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành,

địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đặc biệt, trong bối cảnh bão Yagi gây hậu quả nghiêm trọng đối với đời sống Nhân dân, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã sớm chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ Nhân dân bị ảnh hưởng bởi bão lũ, khẩn trương khắc phục hậu quả thiên tai, đẩy mạnh khôi phục sản xuất kinh doanh, tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giá cả hàng hóa nhanh chóng theo xu hướng trở về mức trước bão. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. Bình quân 9 tháng năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2023; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính của 9 tháng đầu năm, có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,34 điểm phần trăm. Bao gồm, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 14,23%, tác động làm CPI tăng 0,52 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 18,87% theo giá gạo xuất khẩu khi nguồn cung

gạo toàn cầu giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, bão lũ, tác động làm CPI chung tăng 0,48 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 2,31%, làm CPI chung tăng 0,49 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 4,03% do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nhân công tăng, làm CPI chung tăng 0,33 điểm phần trăm.

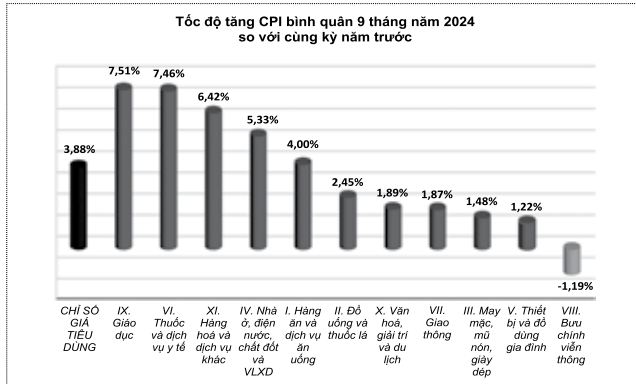
Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,61%, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 8,08% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân trong năm 2023, làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt bình quân 9 tháng tăng 9,42% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,51% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,46 điểm phần trăm.

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,46%, tác động làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 1,87%, tác động làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm, chủ yếu do giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 46,67%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 4,3%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông bình quân 9 tháng năm 2024 giảm 1,19% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.



Nguyên nhân chính giúp cho Việt Nam kiểm soát thành công lạm phát trong 9 tháng qua như sau:

**Thứ nhất**, sự hạ nhiệt của lạm phát thế giới đã tác động tới lạm phát của Việt Nam.

Tỷ lệ lạm phát của khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu tháng 9/2024 tăng 1,8%, thấp nhất trong ba năm rưỡi và dưới mức mục tiêu 2% của ECB. Trong tháng 8/2024, lạm phát của Mỹ tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; Tây Ban Nha tăng 2,3%; Đức tăng 1,9%; Pháp tăng 1,8%. Tại châu Á, lạm phát tháng 8/2024 của Ấn Độ tăng 3,7%; Phi-lip-pin tăng 3,3%; Nhật Bản tăng 3%; In-đô-nê-xi-a tăng 2,1% và Hàn Quốc tăng 2%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 9/2024 tăng 2,63% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát thế giới hạ nhiệt đã giúp cho Việt Nam giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát. Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa bình quân 9 tháng đầu năm nay giảm 1,73% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt trong đó phải kể đến mặt hàng xăng dầu, là một trong những mặt hàng chiếm tỷ trọng không nhỏ trong rổ hàng hóa tính CPI của Việt Nam trong khi giá mặt hàng này lại phụ thuộc chủ yếu vào giá của thế giới. Do đó, giá dầu thế giới giảm làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu trong nước quý III/2024 giảm 7,72% so với cùng kỳ năm trước, đã tác động làm CPI chung giảm 0,28 điểm phần trăm.

**Thứ hai**, trong thời gian vừa qua để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đề ra, Chính phủ

đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, cụ thể:

Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân.

Chú trọng tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trong thời điểm thiên tai, bão lũ, kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, cứu trợ người dân bị thiệt hại do bão lũ.

Đặc biệt, cơn bão số 3 và hoàn lưu bão đã khiến cho tại một số nơi, một số thời điểm xuất hiện hiện tượng khan hiếm hàng hóa như rau, củ quả, thực phẩm, nước uống dẫn đến tăng giá cục bộ, làm cho chỉ số giá tiêu dùng của một số địa phương tăng khá cao so với tháng trước như Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hải Phòng...

Để bù đắp nguồn cung hàng hóa bị thiếu hụt do ảnh hưởng của bão số 3, các doanh nghiệp đã tăng cường nhập hàng từ các địa phương phía Nam và Tây Nguyên (TP. Đà Lạt) nhằm giữ giá cả cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời có các Công điện chỉ đạo khẩn trương cung ứng hàng hóa, khắc phục hậu quả của bão số 3 nên hầu như không thiếu hàng hay tăng giá bất hợp lý. Nhờ đó, hoạt động thương mại của các địa phương bị ảnh hưởng của bão đã sớm trở lại bình thường và giá cả hàng hóa có xu hướng trở về mức trước bão.

Thêm vào đó, các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp được Chính phủ tiếp tục thực hiện như chính sách giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn; giảm 2% thuế VAT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ; giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; giảm mức thu đối với 36 khoản phí, lệ phí để hỗ trợ cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong năm 2024.

Ngoài ra, chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả cũng góp phần kiểm soát lạm phát.

### **Một số yếu tố cần được quan tâm để kiểm soát lạm phát những tháng cuối năm**

CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước cho thấy dư địa để đạt được mức lạm phát cả năm nay theo mục tiêu Quốc hội đề ra là khá lớn. Tuy nhiên, nếu chỉ số tiêu dùng những tháng cuối năm liên tục tăng cao sẽ tạo ra lạm phát kỳ vọng và tạo áp lực điều hành lạm phát cho năm 2025. Do đó, để có thể kiểm soát lạm phát trong những tháng cuối năm, cần quan tâm tới một số yếu tố như sau:

(Xem tiếp trang 19)

# Sản xuất nông nghiệp THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**ThS. Lê Thị Loan - ThS. Nguyễn Thu Hiền**  
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

## Sản xuất nông nghiệp trước tác động của biến đổi khí hậu

Trong những năm qua, đóng góp của ngành nông nghiệp vào nền kinh tế được khẳng định rõ nét. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, với vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, năm 2023 trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%. Đây là khu vực tăng trưởng tích cực, trong đó kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cao, chăn nuôi phát triển ổn định. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ hợp lý. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%.

Sự thay đổi của hệ thống khí hậu hiện nay như: Sự dịch chuyển dẫn những trạng thái khí hậu mới do sự nóng lên toàn cầu, hiện tượng nước biển dâng, mưa to, bão, lũ, lụt... đã tác động tới việc thay đổi cơ cấu cây trồng, chăn nuôi gia súc, năng suất sản phẩm nông nghiệp. Theo các nhà nghiên cứu, BĐKH dự kiến làm giảm khoảng 12% diện tích sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng và 24% ở đồng bằng sông Cửu Long. Về năng suất, nếu mực nước biển dâng cao 1m, năng suất canh tác lúa ở đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ giảm 40,5%. Năm 2050, kịch bản BĐKH trung bình dự báo tổng sản lượng lúa giảm 1.475.000 tấn; tổng sản lượng

Là trụ đỡ của nền kinh tế nhưng nông nghiệp là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). Để phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực trong những năm qua, đã có nhiều nghiên cứu, mô hình canh tác nông nghiệp mới thích ứng với BĐKH. Dự báo trong tương lai, các xu thế tác động BĐKH sẽ diễn ra nhanh và phức tạp hơn do đó ngành nông nghiệp vẫn rất cần và cần nhiều hơn nữa những nghiên cứu để tìm ra các phương pháp canh tác nông nghiệp thông minh, thích ứng với BĐKH tiếp tục hướng tới phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Nông nghiệp, biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, canh tác, thích ứng....

ngô giảm 880.000 tấn. Đến năm 2070 do tác động của mực nước biển dâng, phần lớn vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng sẽ bị chìm trong nước. Điều này gây ra những tác động bất lợi với ngành thủy sản khi nuôi trồng thủy sản trong ao, hồ có thể bị thiệt hại hoàn toàn do nước biển dâng. Ngoài ra, BĐKH cũng làm giảm tính đa dạng

của các loại thủy sản và làm suy thoái chất lượng đất. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, thiên tai làm 158 người chết và mất tích; 130 người bị thương; 108,1 nghìn ha lúa và 43,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 98,3 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 30,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong năm 2023 ước tính gần 5.101,5 tỷ đồng, giảm 64,3% so với năm trước.

Tháng Chín và 9 tháng năm 2024, thiệt hại do thiên tai chủ yếu do ảnh hưởng mưa lũ và bão, đặc biệt là cơn bão số 3. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến ngày 30/9/2024, cơn bão số 3 làm 345 người chết, mất tích; 1.978 người bị thương; 4.713 nhà sập đổ; 401.275 nhà bị hư hại, ngập nước; khoảng 286,6 nghìn ha lúa, hơn 63,3 nghìn ha hoa màu bị hư hại; 44,5 nghìn con gia súc, hơn 5,76 triệu con gia cầm bị chết, cuốn trôi. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng của các địa phương nơi cơn bão đi qua và hoàn lưu sau bão cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng: Hệ thống giao thông bị chia cắt, thông tin liên lạc bị mất kết nối; trường, lớp học bị thiệt hại ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh, cây xanh đô thị bị gãy đổ nhiều... Ước tính giá trị thiệt hại lên tới 81,8 nghìn tỷ đồng.

Nhận thức rõ tính nghiêm trọng của BĐKH, những năm qua, nhiều chủ trương của Đảng

và chính sách của Nhà nước được ban hành đã thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với BĐKH, thiên tai khắc nghiệt, giảm phát thải khí nhà kính...; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để ra mục tiêu: "... *Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu...*". Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đưa ra giải pháp cho nông nghiệp về triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn, mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp

với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền; phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng và vật nuôi; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản...

Từ những chủ trương, chính sách được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) đã tham mưu Chính phủ đề ra những giải pháp trọng tâm nhằm xây dựng một ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, trong đó, chú trọng đưa khoa học công nghệ (KHCN) vào sản xuất, giảm tổn thất và nâng cao năng lực cho các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Đến nay, nhiều HTX nông nghiệp đã chủ động được kế hoạch trong sản xuất thích ứng với BĐKH từ đó tạo ra được những sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Các HTX nông nghiệp từng bước thay đổi tư duy sản xuất, kinh doanh, chuyển từ truyền thống sang sáng tạo và áp dụng KHCN để làm chủ quy trình sản xuất, hướng đến một nền nông nghiệp bền vững. Bộ NN&PTNT đã tăng cường các nhiệm vụ nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, tổng kết để có những dự báo chính xác hơn. Qua đó, khuyến cáo cho các tỉnh thành đảm bảo thời vụ, hiệu quả sản xuất, từ đó hạn chế ảnh hưởng của BĐKH, xâm nhập mặn.

Để ứng phó với sự khắc nghiệt của thời tiết, nhiều địa phương đã áp dụng mô hình canh tác thông minh, linh hoạt nhằm giúp ngành nông nghiệp thích ứng với BĐKH, đồng thời đem lại kinh tế cho bà con và đạt hiệu quả về mặt môi trường.

Để ứng phó với BĐKH, tỉnh Bến Tre xác định cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang kinh tế nông nghiệp... Nhờ đó, nông nghiệp dần giữ thế chủ động trước BĐKH. Đặc biệt, Tỉnh đã phát triển rất tốt mô hình lúa-tôm, giúp người dân phát triển kinh tế bền vững.

Tại Yên Bái, xây dựng hướng đi nông nghiệp thuận thiên, dựa trên thế mạnh của địa phương cũng đã phát huy hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản trên hồ Thác Bà của huyện Yên Bình với sản lượng lớn, chất lượng cao. Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đã cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu "Cá hồ Thác Bà đặc sản Yên Bái" cho địa phương. Ngoài ra, huyện Yên Bình cũng đã lập xong bản đồ phát triển thủy sản hồ Thác Bà định hướng đến năm 2030, đồng thời thực hiện dự án "Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cá nuôi trên hồ Thác Bà", dự án "Hỗ trợ chứng nhận cơ sở nuôi cá lồng theo tiêu chuẩn VietGAP".

Tại Sơn La, việc phát triển các mô hình canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu đang ngày càng phổ biến, đạt hiệu quả tích cực cả về mặt kinh tế - môi trường. Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, ngành Nông nghiệp đã phối hợp với Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD) triển khai dự án "Giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp tại vùng núi Tây Bắc". Thông qua Dự án, đã xây dựng được 51 mô hình về canh tác lúa, cà phê, khoai sọ tại 4 xã Nậm Lầu, Chiềng Pha, Muối Nọi, Bon Phặng của huyện Thuận Châu. Qua đó đã giúp các hộ dân thay đổi tư duy, phương thức



sản xuất, trong canh tác lúa giảm được 60-80% lượng giống; giảm 10-20% phân bón hóa học; giảm số lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật so với canh tác truyền thống. Biết cách bón phân vào từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và tác dụng của từng loại phân bón đối với cây trồng; nông dân nhận biết các loại sinh vật hại cho cây trồng và cách phòng trừ; chủ động canh tác, thích ứng với các biến đổi khí hậu, như hạn hán, mưa lũ. Tận dụng nguồn rơm rạ, phế phụ phẩm nông nghiệp vào sản xuất, giảm bớt khí phát thải vào môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao thu nhập.

Để có được những giải pháp cụ thể, mang tính đột phá trong thúc đẩy phát triển thích ứng với BĐKH ngành nông nghiệp, thì khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt và là một trong những động lực quan trọng đưa Việt Nam trở thành một trong 15 quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu nông sản. Những năm qua, nhiều đơn vị nghiên cứu khoa học đã tạo ra được nhiều giống cây trồng mới phù hợp hơn với điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, canh tác đem lại kết quả khả quan. Tại miền Trung có giải pháp mô hình công nghệ tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước; Tại miền núi phía Bắc ở những vùng sương giá nghiên cứu giống ngô và các loại cây lương thực phù hợp. Ngoài ra, nghiên cứu các loại trái cây phù hợp thổ nhưỡng để xây dựng vùng chuyên canh.

### **Giải pháp sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu trong thời gian tới**

Hiện ngành Nông nghiệp tại Việt Nam đang chịu nhiều tác động cực đoan từ biến đổi khí hậu, với nhiều nhân tố như:

Thời tiết, khí hậu, tài nguyên đất, nước, không khí và môi trường xung quanh. Dự báo trong tương lai, các xu thế tác động BĐKH sẽ diễn ra nhanh và phức tạp hơn. Để thích ứng tốt với BĐKH, trong thời gian tới ngành nông nghiệp cần tập trung vào các giải pháp như:

*Một là*, đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch sản xuất. Kết hợp giữa cơ cấu lại theo nhóm sản phẩm chủ lực với cơ cấu lại theo lĩnh vực và theo vùng. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Xây dựng quy trình canh tác cho các cây trồng chủ lực tại mỗi vùng, bảo đảm năng suất, bảo vệ đất, có khả năng thích ứng với BĐKH.

*Hai là*, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ứng phó với BĐKH, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; Mở rộng các dịch vụ trong nông nghiệp; Liên kết trong đầu tư, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Xây dựng và phát triển sinh kế thích ứng với BĐKH.

*Ba là*, các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH; chủ động đề xuất UBND tỉnh thực hiện lồng ghép, tích hợp các nội dung thích ứng với BĐKH vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển nông, lâm nghiệp và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

*Bốn là*, đổi mới tổ chức sản xuất và thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến. Khuyến khích dịch vụ hỗ trợ nông dân tiếp thu và áp dụng

khoa học công nghệ. Thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ nông nghiệp.

*Năm là*, quy hoạch lại hệ thống thủy lợi phù hợp với cơ chế giữ lũ, ngăn mặn linh hoạt hơn và phục vụ nhiều hệ thống canh tác khác nhau. Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và BĐKH; Nâng cao năng lực nghiên cứu, giám sát BĐKH, dự báo khí tượng, thủy văn và cảnh báo thiên tai; năng lực chủ động phòng tránh, giảm nhẹ, năng lực chống chịu và thích ứng với BĐKH.

*Sáu là*, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư vào nông nghiệp, thu hút nhiều hơn nữa tham gia của các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp nước ngoài, để nâng cao hiệu quả việc thực hiện nông nghiệp thông minh và phát triển nông nghiệp bền vững.

*Bảy là*, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp thông minh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh và phát triển nông nghiệp bền vững. Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH./.

### **Tài liệu tham khảo:**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Nghị quyết số 19-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê

# Chăm sóc người cao tuổi

## GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI XÃ HỘI GIÀ HÓA Ở VIỆT NAM

Quang Vinh

**T**heo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2009-2019, dân số cao tuổi tăng từ 7,45 triệu lên 11,41 triệu, tương ứng với tăng từ 8,68% lên 11,86% tổng dân số. Dân số cao tuổi tăng thêm chiếm gần 40% tổng dân số tăng thêm. Cũng trong giai đoạn này, dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm, cao hơn tốc độ tăng trung bình 1,14%/năm. Trong số người cao tuổi (NCT) tăng thêm, nhóm NCT sơ lão (từ 60-69 tuổi) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm NCT đại lão (từ 80 tuổi trở lên).

Già hóa dân số là một trong những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chăm sóc sức khỏe nói riêng. Song với tuổi thọ tăng và mức sinh thấp, Việt Nam được dự báo là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới

Già hóa dân số là một trong những xu hướng và đặc điểm quan trọng nhất của thế kỷ 21. Giống như nhiều nước trên thế giới, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 và là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới.

**Từ khóa:** Già hóa, người cao tuổi, chăm sóc, trợ cấp, chính sách

và sớm trở thành quốc gia dân số già vào năm 2038.

Như vậy, Việt Nam chỉ còn 14 năm để chuẩn bị cho giai đoạn dân số già. Bước nhảy vọt của tiến trình già hóa dân số sang dân số già ở Việt Nam đặt ra những thách thức rất lớn cho hệ thống an sinh xã hội, lao động việc làm, giao thông, vui chơi giải trí... đặc biệt

là hệ thống chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền lợi cho NCT ở nước ta và tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Với độ tuổi ngày càng tăng, NCT đang và sẽ còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các chức năng cơ bản như đi bộ, trí nhớ, sự tập trung và khả năng tự chăm sóc. Người càng cao tuổi, tỷ lệ gặp khó khăn càng cao. Đặc biệt, với nhóm NCT đại lão, tình trạng "khó khăn" và "không thể thực hiện" lớn hơn rất nhiều so với các nhóm NCT còn lại. Không chỉ vậy, trên thực tế, một bộ phận NCT còn đang đứng trước những tác động rủi ro của tuổi già không có tích lũy, không nơi nương tựa, không bảo hiểm y tế, thậm chí bị bạo hành, ngược đãi. Đời sống của một bộ phận NCT vẫn còn khó khăn, nhất là người cao tuổi ở vùng sâu, vùng xa.



Mỗi khó khăn mà NCT đang và sẽ phải đối mặt là một gợi mở để các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng các chính sách phù hợp. Để thích ứng với tốc độ già hóa dân số, phát huy truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng đặc biệt cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe và phát huy vai trò của NCT, trong đó đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều chủ chương, chính sách, chiến lược, chương trình, để án chăm sóc sức khỏe NCT.

Năm 2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành đồng thời 2 Nghị quyết là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Trong đó công tác NCT là một trong những nội dung trọng tâm.

Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành nhiều Chương trình, Đề án về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, điển hình là Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 phê duyệt Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.

Bên cạnh đó, Bộ Y tế cũng có Đề án chăm sóc sức khỏe NCT giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 7618/QĐ-BYT. Theo đó, chỉ đạo tổ chức thực hiện, phát triển chuyên ngành Lão khoa; đa dạng hóa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; tạo điều kiện cho người cao tuổi được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe với chất lượng tốt; đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người cao tuổi.

Gần đây nhất, ngày 24/11/2023, BCH TƯ Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW

Sáng 28/9 đã diễn ra Lễ phát động Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam năm 2024 do Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam tổ chức. Chủ đề của Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam năm 2024 là "Chung tay bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi". Ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10 năm nay của Liên Hợp Quốc có chủ đề "Già hóa cùng phẩm giá: Tâm quan trọng của việc tăng cường hệ thống hỗ trợ và chăm sóc người cao tuổi trên toàn thế giới". Đây là các chủ đề có ý nghĩa nhân văn rất sâu sắc, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam là quốc gia có tốc độ già hóa dân số rất nhanh, người cao tuổi ngày càng đông và là lực lượng quan trọng cần được tích cực phát huy.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh già hóa dân số, tiếp nối những giá trị cao đẹp của Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam kêu gọi NCT cả nước tiếp tục phát huy vai trò "Tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo.

về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, với mục tiêu xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, trong đó công tác NCT được xác định là một trong các chủ trương, định hướng lớn.

Nghị quyết 42 đặt mục tiêu đến năm 2030, 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; 100% hộ gia đình NCT thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định.

Hàng loạt giải pháp để chăm lo NCT được Nghị quyết 42 đưa ra là: Sớm hoàn thiện khung

chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hóa dân số; Tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho NCT; Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với NCT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; Phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ NCT. Bên cạnh đó, thực hiện quản lý các bệnh mạn tính đối với NCT; nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng NCT.

Ngày 26/9 mới đây, Bộ Y tế và Trung ương Hội người cao tuổi Việt Nam đã ký kết Chương trình phối hợp hoạt động về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi

giai đoạn 2024-2028, nhằm tăng cường phối hợp triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về chăm sóc và nâng cao sức khỏe NCT, thích ứng với già hóa dân số nhanh ở nước ta. Đảm bảo NCT được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng; phát huy vai trò, chủ động tham gia các hoạt động chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Hiện Bộ Y tế đang phối hợp cùng Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong thời gian sớm nhất.

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đang gấp rút hoàn thiện dự thảo Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trình Chính phủ trong quý IV/2024.

Thời điểm để Việt Nam bước vào giai đoạn dân số già đang đến gần. Xác định NCT là “nguồn lực” quý của xã hội và để chăm sóc và phát huy tốt hơn nữa vai trò của NCT, tại buổi Lễ phát động Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam năm 2024 mới đây, Phó Thủ tướng Lê Thành Long đề nghị các cấp, các ngành chung tay, tích cực, có nhiều hành động cụ thể, thiết thực vì NCT. Phó Thủ tướng đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các địa phương tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò NCT; tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chính sách, chế độ, pháp luật về NCT.

Phó Thủ tướng kêu gọi các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân tạo mọi điều kiện thuận lợi để NCT được bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò, kinh nghiệm, tham gia tích cực vào hoạt động chính trị - xã hội, kinh tế, khoa học, văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh trật tự, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hy vọng rằng, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng hàng loạt các chính sách cho NCT, công tác chăm sóc sức khỏe và đời sống NCT sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt NCT có hoàn cảnh khó khăn nhận được quan tâm hỗ trợ thiết thực hơn nữa của toàn xã hội, bảo đảm không một ai bị bỏ lại phía sau./.

## Lạm phát bình quân...

(Tiếp theo trang 13)

(1) Cần theo dõi sát tình hình thế giới để có những giải pháp phù hợp. Rủi ro lớn nhất gây áp lực lên lạm phát của Việt Nam trong thời gian tới là thế giới có thể xảy ra những cú sốc lạm phát, khi mà hiện nay cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự leo thang, khó lường, điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng một cách nặng nề, làm gia tăng chi phí vận tải, gây ra các rủi ro về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, đồng thời gây sức ép lên giá dầu thô và các nguyên vật liệu đầu vào chính cho sản xuất. Việt Nam có độ mở kinh tế lớn nên những rủi ro của lạm phát thế giới sẽ nhanh chóng tác động tới lạm phát của Việt Nam.

Thêm vào đó, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào của thế giới vẫn đang ở mức cao trong khi sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu từ bên ngoài, nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm hơn 90% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Chính vì vậy, khi giá hàng hóa trên thế giới cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát. Do đó, cần có kế hoạch để bảo đảm nguồn nguyên liệu sản xuất, nhất là những hàng hóa có khả năng bị ảnh hưởng bởi đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.

(2) Nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi sau đại dịch, dự báo nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và tiêu dùng sẽ tăng mạnh trong thời gian tới, gây áp lực lên lạm phát. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 10% sẽ tác động làm CPI tăng 0,33 điểm phần trăm.

(3) Việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, các chi phí thực hiện sẽ tác động làm tăng CPI. Do đó cần thận trọng về thời điểm cũng như mức độ điều chỉnh giá các mặt hàng do nhà nước quản lý cho phù hợp.

(4) Việc thực hiện các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát một cách hợp lý.

(5) Những rủi ro về thiên tai, thời tiết bất lợi có thể tác động làm tăng giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương. Đồng thời, theo quy luật tiêu dùng, vào các tháng cuối năm và dịp Lễ, Tết, giá lương thực, thực phẩm, đồ uống, may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình thường tăng, qua đó tác động làm tăng CPI./.

# Bức tranh lao động Việt Nam

## TRONG XU HƯỚNG GIA TĂNG THẤT NGHIỆP TOÀN CẦU

Minh Hà

**Tóm tắt:** Theo nhận định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang đối mặt với nhiều thách thức lớn đối với thị trường lao động và công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế thế giới đang dần phục hồi nhưng còn chậm, thị trường lao động vẫn duy trì tăng trưởng việc làm ở mức trung bình trong dài hạn và tỷ lệ thất nghiệp gần như không thay đổi. Trong bối cảnh gia tăng xu hướng thất nghiệp toàn cầu, bức tranh lao động Việt Nam có nhiều gam màu sáng tối đan xen.

**Từ khóa:** Lao động, thất nghiệp, việc làm, đào tạo, trình độ...

**Abstract:** According to the International Labour Organization (ILO), the Asia-Pacific region is facing significant challenges regarding the labor market and social equity. Global economic growth is gradually recovering but remains slow, with the labor market maintaining average job growth in the long term and the unemployment rate remaining almost unchanged. In the context of increasing global unemployment trends, the labor situation in Vietnam presents a mixed picture.

**Keywords:** Labor, unemployment, employment, training, qualifications...

### Bức tranh lao động Việt Nam đan xen gam màu sáng tối

Theo báo cáo “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra và triển vọng tạo ra việc làm mới ở thị trường lao động thế giới không có nhiều dấu hiệu lạc quan. Mặc dù tình trạng thất nghiệp và khoảng cách việc làm đều giảm xuống dưới mức trước đại dịch, nhưng tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu có thể sẽ tăng vào năm 2024 và năm 2025 ở hầu hết các nhóm thu nhập, nhất là ở những quốc gia vốn đã gặp khó khăn từ trước khi xảy ra đại dịch. Theo dự báo của ILO, năm 2024 có thêm 2 triệu lao động tìm kiếm việc làm,

khiến tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu tăng từ 5,1% vào năm 2023 lên 5,2%. Sự khác biệt lớn ở các tiêu chí lao động vẫn tồn tại giữa các quốc gia có thu nhập cao và các quốc gia có thu nhập trung bình thấp hơn.

Tại Việt Nam, ngay sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, cùng với các chính sách khôi phục nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết 06/NQ-CP xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2025: Tỷ trọng lao động nông nghiệp

trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động; duy trì tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức thấp dưới 3%...

Cùng với đó, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 6/1/2023 của Chính phủ nhằm phục hồi kinh tế đã mang lại những kết quả tích cực giúp thị trường lao động năm 2023 từng bước ổn định và hồi phục dần vào cuối năm 2023.

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam có 52,5 triệu lao động từ 15

tuổi trở lên, tăng 210,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm là 51,4 triệu người, tăng 212 nghìn người so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị là 19,7 triệu người, tăng 753,6 nghìn người; khu vực nông thôn là 31,7 triệu người, giảm 541,5 nghìn người.

### Lực lượng lao động quý III và 9 tháng đầu năm 2024

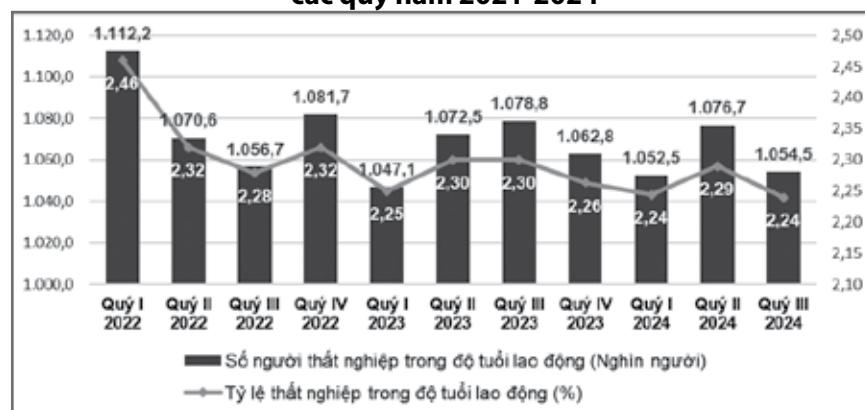
Nghìn người

|                                                  | Quý II<br>năm<br>2024 | Quý III<br>năm<br>2024 | Ước tính<br>9 tháng<br>năm<br>2024 | Tăng/giảm so với<br>cùng kỳ năm trước<br>Quý III<br>năm 2024 | 9 tháng<br>năm 2024 |
|--------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Lực lượng lao động<br/>từ 15 tuổi trở lên</b> | <b>52.540,8</b>       | <b>52.654,9</b>        | <b>52.529,3</b>                    | <b>238,8</b>                                                 | <b>210,6</b>        |
| <i>Phân theo giới tính</i>                       |                       |                        |                                    |                                                              |                     |
| Nam                                              | 27.881,3              | 28.061,6               | 27.932,9                           | 46,5                                                         | 88,9                |
| Nữ                                               | 24.659,5              | 24.593,3               | 24.596,4                           | 192,3                                                        | 121,7               |
| <i>Phân theo thành thị, nông thôn</i>            |                       |                        |                                    |                                                              |                     |
| Thành thị                                        | 20.240,6              | 20.401,1               | 20.239,6                           | 813,9                                                        | 736,5               |
| Nông thôn                                        | 32.300,2              | 32.253,8               | 32.289,7                           | -575,1                                                       | -525,9              |
| <b>Lực lượng lao<br/>động trong độ tuổi</b>      | <b>47.012,4</b>       | <b>47.084,2</b>        | <b>47.000,1</b>                    | <b>253,5</b>                                                 | <b>281,0</b>        |
| <i>Phân theo giới tính</i>                       |                       |                        |                                    |                                                              |                     |
| Nam                                              | 25.732,0              | 25.862,4               | 25.767,4                           | 35,0                                                         | 135,0               |
| Nữ                                               | 21.280,4              | 21.221,8               | 21.232,7                           | 218,5                                                        | 146,0               |
| <i>Phân theo thành thị, nông thôn</i>            |                       |                        |                                    |                                                              |                     |
| Thành thị                                        | 18.644,8              | 18.788,4               | 18.652,5                           | 718,2                                                        | 675,3               |
| Nông thôn                                        | 28.367,6              | 28.295,8               | 28.347,6                           | -464,7                                                       | -394,3              |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Riêng trong quý III/2024, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 68,5%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với quý trước; lao động có việc làm quý III năm 2024 đạt hơn 51,6 triệu người, tăng 114,6 nghìn người so với quý trước và tăng 244,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

### Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động các quý năm 2021-2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Có thể thấy, lao động có việc làm có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động phát triển chưa đạt được bền vững. Điều này thể hiện qua tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 68,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; đồng thời, số lao động có việc làm phi chính thức

chiếm tỷ trọng lớn. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,6%. Trong đó, khu vực thành thị là 49,3%, giảm 0,1 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 74,2%, tăng 0,2 điểm phần trăm; nam là 67,8%, giảm 0,2 điểm phần trăm và nữ là 60,3%, giảm 0,3 điểm phần trăm.

Bên cạnh đó, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tại Việt Nam trong năm 2024 vẫn ghi nhận mức tăng trong nửa đầu năm. Cụ thể, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 940,5 nghìn người, tăng 27,3 nghìn người so cùng kỳ năm trước. Cũng trong giai đoạn này, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 2,05%, tăng 0,05 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đến hết quý III/2024, bức tranh lao động lạc quan hơn khi số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 914,1 nghìn người, giảm 8,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,99%, giảm 0,03 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng đầu năm 2024 không có nhiều biến động, được giữ ở mức 2,26%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính riêng quý III/2024, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của Việt Nam là 2,24%, giảm 0,05 điểm phần trăm so với quý trước và chỉ giảm 0,06 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực thành thị là 2,29%; khu vực nông thôn là 2,2%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) là 7,75%, giảm 0,26 điểm phần trăm so với quý trước. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 8,33%; khu vực nông thôn là 7,44%, tỷ lệ này thường cao hơn tỷ lệ thất nghiệp chung.

Điều đáng mừng là chất lượng nguồn lao động Việt Nam đang dần được nâng lên, điều này thể hiện qua tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ 9 tháng đầu năm 2024 là 28,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm. Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng với quy mô dân số trong độ tuổi lao động dồi dào và tăng hàng năm, đây là lợi thế để bổ sung lực lượng lao động, bao gồm cả lao động có việc làm. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp ở các quý của năm 2024 đã thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 3,98% trong quý III/2021.

### **Nguyên nhân và một số giải pháp giải quyết bài toán thất nghiệp**

Mặc dù thị trường lao động Việt Nam đã có khởi sắc, nhưng các chuyên gia dự đoán thị trường khó có thể tăng trưởng mạnh, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế còn ở trong thế bị “kìm kẹp” trước diễn biến suy thoái toàn cầu kéo dài từ năm 2023 vẫn đang diễn ra và tình trạng thất nghiệp còn cao.

Từ thực trạng thị trường lao động Việt Nam thời gian qua có thể chỉ ra một số nguyên nhân gây nên tình trạng thất nghiệp cao. Điển hình phải nhắc đến hạn chế về định hướng nghề nghiệp; trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thấp; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh... Bên cạnh đó, trong xu thế công nghệ và kỹ thuật hiện đại lên ngôi, vận hành sản xuất bằng máy móc đem lại năng suất lao động cao hơn, tiết kiệm chi phí hơn dẫn đến lao động thủ công dần dần bị thay thế. Việt Nam có nguồn lao động dồi dào nhưng chất lượng chưa cao, vì vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa và khoa học công nghệ phát triển thì trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động Việt chưa đạt yêu cầu.

Ngoài ra, mức lương ở thị trường lao động nội địa chưa thực sự hấp dẫn khiến nhiều lao động vẫn loay hoay tìm việc xứng đáng với trình độ của họ.

Ngoài các nguyên nhân vừa nêu, do những khó khăn chủ quan và khách quan đến từ trong nước và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, số doanh nghiệp giải thể, dừng hoạt động trong thời gian qua cũng kéo theo lượng lớn lao động bị mất việc làm, qua đó đặt ra những thách thức mới đối với vấn đề giải quyết việc làm. Số liệu thống kê cho thấy, 8 tháng năm 2024, Việt Nam có 82,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 15,3 % so với cùng kỳ năm trước; gần 38,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể; 13,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 18,0%. Bình quân một tháng có 16,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Riêng trong tháng 8/2024, có 5.334 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, mặc dù giảm so với tháng trước nhưng lại tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2023; 5.160 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục

giải thể; có 1.927 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 11,4% và tăng 26,0%.

Chính vì vậy, để giải quyết vấn đề này, cần tập trung đẩy mạnh các giải pháp then chốt nhằm kiểm soát tình trạng lao động thất nghiệp, ổn định thị trường lao động, hướng đến phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ nhất*, tiếp tục tăng cường hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước vào các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh có lợi thế, tạo ra giá trị gia tăng cao, thu hút nhiều lao động. Đồng thời, tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

*Thứ hai*, ưu tiên đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, thương mại, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tài chính - ngân hàng và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển



các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung. Tập trung hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu - cụm công nghiệp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế vào phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp. Ưu tiên phát triển các cụm liên kết công nghiệp tại các vùng có lợi thế về giao thông, địa lý, tài nguyên, lao động; trở thành động lực tăng trưởng và thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn. Di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư vào đầu tư mở rộng sản xuất tại các cụm công nghiệp.

Thứ ba, đối với lao động nông thôn, phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững trên cơ sở đẩy mạnh tái cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức kinh doanh, phương thức làm ăn mới cho người lao động, đặc biệt là hỗ trợ nông dân đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Phát triển bền vững các làng nghề truyền thống, ưu tiên cho các đối tượng lao động phải chuyển đổi nghề do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp...

Có thể thấy, trong bức tranh tổng thể lao động toàn cầu năm 2024, thị trường lao động Việt Nam không âm ảm như những nhận định về tình hình chung của thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn cần kiên trì thực hiện các chính sách kích cầu thị trường lao động. Những nỗ lực không ngừng nhằm giải quyết bài toán lao động là bước quan trọng tiếp theo trong hành trình hướng tới mục tiêu chung là thúc đẩy công bằng xã hội và việc làm bền vững cho tất cả mọi người, vì một xã hội phát triển phồn thịnh, không để ai bị bỏ lại phía sau./.

#### Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng năm 2024, Tổng cục Thống kê;
2. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2024, Tổng cục Thống kê;
3. Báo cáo "Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024" của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO).



# XÓA NHÀ DỘT NÁT, NHÀ TẠM: TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN

Thu Hường

**Những năm qua, công tác xóa nhà tạm, nhà đột nát đã trở thành một phong trào rộng khắp, trở thành "điểm sáng" của công tác giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống người dân đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.**

#### Chính sách nhân văn, thiết thực

Nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ luôn dành sự quan tâm đối với công tác giảm nghèo. Nhiều chủ trương, chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, đối tượng yếu thế đã được ban hành và thực hiện.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định rõ yêu cầu điều chỉnh chuẩn nghèo đa chiều, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản cho người dân; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020-2030.

Ngay trong Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 24/2021/QH15 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua ngày 28/7/2021. Nghị quyết 24 xác định mục tiêu đặt ra là: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 24, ngày 18/1/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg Phê duyệt

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương trình). Một trong những nội dung được đề cập liên quan đến các chỉ tiêu giảm mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó xác định rõ chiều thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 100.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, bảo đảm có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Năm 2023, Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 “xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu”.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 42-NQ/TW, nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ đã được triển khai đồng bộ như: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tại Dự án 5 của Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án thành phần 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ...

Có thể nói, các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong công tác giảm nghèo nói chung

và xóa nhà tạm, nhà dột nát nói riêng mang lợi ích thiết thực và ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Việc hỗ trợ nhà ở cho gia đình có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo thể hiện trách nhiệm và đạo lý “Đền ơn đáp nghĩa” và “Thương người như thể thương thân”, góp phần mang lại mái ấm tình thương cho người bị thiên tai, hỏa hoạn, biến đổi khí hậu cho người nghèo, người yếu thế để không ai bị bỏ lại phía sau.

Có thể khẳng định, công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát thời gian qua đã trở thành một phong trào toàn diện, huy động, tập trung được đa dạng các nguồn lực từ trung ương đến địa phương. Theo số liệu của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tính từ năm 2000-2023, đã có 1.762.938 căn nhà Đại đoàn kết được xây mới và sửa chữa cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Giai đoạn 2021-2023, cùng với sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước và sự trợ giúp của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã giúp đỡ xây mới và sửa chữa được 139.995 căn nhà Đại đoàn kết cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Những căn nhà khang trang, đầm ấm nghĩa tình được trao tặng, tạo động lực giúp người dân an cư lập nghiệp, vươn lên thoát nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **Lan tỏa những cách làm hay, sáng tạo**

Thời gian qua, nhiều địa phương với những đặc thù khác nhau đã tìm tòi, sáng tạo, có những cách làm mới, hay, hiệu quả cho công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, là điểm sáng trong giảm nghèo bền vững và tạo sức lan tỏa cho cả nước.

Tại tỉnh Sơn La, theo thống kê của UBND tỉnh Sơn La, trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh

có hơn 8.300 hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu hỗ trợ, trong đó, 7.178 hộ đề nghị hỗ trợ làm mới, 1.140 hộ đề nghị hỗ trợ sửa chữa. Trên cơ sở đó, tỉnh Sơn La đã ban hành Đề án “Huy động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở, giai đoạn 2021 - 2025”, huy động mọi nguồn lực, phấn đấu đến hết năm 2025 hoàn thành việc hỗ trợ 100% hộ nghèo có khó khăn về nhà ở.

Với tinh thần tương thân tương ái, không để ai bị bỏ lại phía sau, tỉnh Sơn La đã và đang huy động các nguồn lực triển khai chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho bà con vùng cao, biên giới. Tháng 12/2022, tỉnh Sơn La đã công bố hoàn thành công tác xóa nhà tạm huyện Bắc Yên. Đây là huyện vùng cao của tỉnh Sơn La với 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, 13/15 xã thuộc khu vực III, có 76 bản đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo còn 37,75%, hộ cận nghèo 12,16%. Toàn huyện có 313 hộ nghèo đồng bào các dân tộc cần được hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát giai đoạn 2021-2025. Để hoàn thành nhiệm vụ xóa nhà tạm, Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Yên đã thành lập Tổ công tác chỉ đạo, đôn đốc công tác xóa nhà tạm trên địa bàn các xã, thị trấn; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, phối hợp với các sở, ngành rà soát hiện trạng đất của các hộ xóa nhà tạm trên địa bàn các xã, thị trấn.

Để hoàn thành mục tiêu đặt ra đến năm 2025, Sơn La sẽ xóa 100% nhà tạm cho các hộ nghèo, hiện cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã phối hợp với MTTQ và các tổ chức đoàn thể chủ động rà soát kỹ lưỡng về khả năng đối ứng, nguồn lực của từng gia đình để có kế hoạch hỗ trợ cụ thể. Với quyết tâm cao nhất, MTTQ các cấp đang tập trung đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, huy động tối đa các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”, qua đó lan tỏa tinh thần giúp đỡ người nghèo, phấn đấu hoàn thành việc xóa nhà tạm cho 2 huyện Thuận Châu và huyện Mai Sơn.

Tại Cao Bằng, với nhiều cách làm chủ động, linh hoạt, Tỉnh đã tập trung thực hiện hiệu quả Đề án Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và trở thành điểm sáng trong triển khai đề án này. Với nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại 7 huyện nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo bền vững, tỉnh Cao Bằng được bố trí 380,430 tỷ đồng. Theo thống kê từ tháng 4/2021 đến cuối 2023, Tỉnh đã hỗ trợ về nhà ở cho 3.656/16.049 hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách (đạt tỉ lệ 22,78%), với tổng số tiền: 153.688 triệu đồng. Trong đó: Nguồn kinh phí huy động xã hội hóa: 1.199 hộ; số tiền hỗ trợ: 49.928 triệu đồng; Nguồn hỗ trợ từ Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.275 hộ, số tiền hỗ trợ: 98.980 triệu đồng (trong đó có 1.991 hộ được lồng ghép từ Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát của tỉnh với số tiền hỗ trợ: 74.702 triệu đồng); Nguồn được tạm ứng từ quỹ “Đền ơn

đáp nghĩa”: 182 hộ gia đình chính sách người có công với tổng số tiền: 4.780 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện đã có nhiều cách làm hay, sáng tạo được triển khai, nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh như: Giao lực lượng công an làm nòng cốt bám sát địa bàn, hỗ trợ trực tiếp đến từng hộ dân; ngoài kinh phí hỗ trợ của chương trình, các huyện, thành phố đã vận động, huy động thêm kinh phí, nguyên vật liệu, ngày công lao động hỗ trợ các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, già cả, neo đơn không nơi nương tựa; hướng dẫn, vận động các hộ gia đình xây dựng nhà ở kết hợp thực hiện “nhà tắm, tiêu hợp vệ sinh”...

Tại Tuyên Quang, phong trào xóa nhà dột, nhà tạm đã được triển khai hiệu quả tại xã Minh Hương - một xã vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn của huyện Hàm Yên. Xã Minh Hương có 20 thôn với trên 2.300 hộ, trên 10.400 khẩu, trong đó số hộ nghèo 652 hộ, chiếm 27,38%, một bộ phận bà con có trình độ dân trí thấp và không đồng đều, nhiều người dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, khiến công tác xóa đói, giảm nghèo còn gặp nhiều khó khăn, nhất là trong công tác xóa nhà tạm.

Trên cơ sở Đề án xóa nhà tạm, dột nát cho hộ nghèo giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Chấp hành Đảng bộ xã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xóa nhà tạm, dột nát cho hộ nghèo giai đoạn 2021-2025, ban hành Nghị quyết lãnh đạo xây dựng xã Minh Hương đạt chuẩn nông thôn mới.

Nhiều giải pháp cụ thể, chi tiết đã được triển khai, các cấp đã chỉ đạo công tác rà soát các hộ nghèo đang ở nhà tạm, dột nát cần được hỗ trợ về nhà ở, trên cơ sở số lượng được cấp trên phân bổ, xã chỉ đạo các thôn tổ chức bình xét theo thứ tự ưu tiên. Từ đó, tập trung huy động các nguồn vốn của các tổ chức và nguồn vốn lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị giúp đỡ ngày công hỗ trợ hộ nghèo làm mới nhà ở.

Kết quả giai đoạn 2021-2023, xã Minh Hương đã thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm cho 249 hộ nghèo, với tổng kinh phí trên 18 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ các nguồn trên 13 tỷ đồng, vốn huy động trong gia đình, dòng họ, nhân dân, tập thể, cá nhân trong xã (bằng tiền, vật liệu, ngày công) là trên 5 tỷ đồng.

Tại Điện Biên, từ năm 2020 đến nay, tỉnh đã tích cực vận động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ làm nhà cho trên 5.200 hộ gia đình chính sách, hộ nghèo với tổng kinh phí trên 245 tỷ đồng. Hướng đến kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 28/10/2022, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn



các huyện nghèo của tỉnh Điện Biên thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó có 2 chương trình đặc biệt có ý nghĩa là chương trình “Mái ấm nghĩa tình - an sinh xã hội” và “Bùng sáng Điện Biên”. Chương trình đã vận động và thực hiện hỗ trợ làm nhà ở cho 3.111 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, nhà Đại đoàn kết bằng nguồn vốn xã hội hóa.

Có thể nói, những cách làm hay, sáng tạo tại địa phương đã góp phần lan tỏa phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, cận nghèo trên cả nước, vừa góp phần ổn định, cải thiện đời sống của người dân, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội

### **Cả nước chung sức, đồng lòng giúp người nghèo có cuộc sống tốt đẹp hơn**

Thời gian qua, công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát đã được MTQT Việt Nam, các địa phương, các cấp các ngành tích cực quan tâm vào cuộc và đã đạt được những kết quả đáng mừng. Các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp cùng tích cực tiên phong trong xóa nhà tạm, nhà dột nát, nhất là Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Nhiều địa phương đã có những cách làm sáng tạo huy động nguồn lực lớn của Nhà nước và nhân dân để xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như: tỉnh Điện Biên đã xóa 5.000 căn hộ, Nghệ An đã xóa trên 5.600 căn hộ.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn khoảng 170.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa thuộc đối tượng hỗ trợ, phải sống trong những căn nhà tạm, nhà dột nát, một bộ phận người dân còn thiếu hạ tầng thiết yếu; các dịch vụ xã hội cơ bản như nước sạch, điện, phủ sóng

truyền thông, y tế, giáo dục... vẫn còn thiếu. Các hộ gia đình đang phải sinh sống trong những căn nhà tạm, nhà dột nát tập trung nhiều nhất ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Tây duyên hải miền Trung, vùng bãi ngang ven biển, nơi địa hình chia cắt, đi lại khó khăn, thường xuyên chịu tác động bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên phạm vi toàn quốc tại Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy, tổng số hộ nghèo, cận nghèo có nhà ở chưa đảm bảo 3 cứng theo chiều thiếu hụt về chất lượng là 315.029 hộ (trong đó: Hộ nghèo là 230.540 hộ; hộ cận nghèo là 84.489 hộ).

Thông tin về các chính sách và kết quả triển khai các chương trình hỗ trợ, Bộ Xây dựng cho biết, hiện nay, các địa phương đang triển khai hỗ trợ nhà ở cho khoảng 145.000 hộ nghèo, cận nghèo. Đối với việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tại Dự án 5 của Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, đến nay chương trình đã hỗ trợ được 28.040/126.780 hộ (đạt 22,12%).

Bên cạnh đó, việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi cũng đang được Ủy ban Dân tộc chủ trì thực hiện. Mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2021-2025 là hỗ trợ nhà ở cho khoảng 18.500 hộ nghèo. Mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương là 40 triệu đồng/hộ xây mới, 20 triệu đồng đối với hộ sửa chữa nhà ở, ngân sách địa phương hỗ trợ

tối thiểu 10% so với mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Ngoài ra, hộ gia đình còn được vay vốn ưu đãi về lãi suất để làm nhà ở từ Ngân hàng Chính sách xã hội với mức tối đa là 40 triệu đồng.

Với quyết tâm và sự vào cuộc quyết liệt của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tổ chức phát động Phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” trong phạm vi toàn quốc nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 42-NQ/TW. Mục tiêu của phong trào là huy động mọi nguồn lực mang tính toàn dân, toàn diện, thiết thực, phấn đấu xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát của người nghèo trong phạm vi toàn quốc vào cuối năm 2025 - sớm hơn so với mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết 42 của Trung ương.

Với quyết tâm cao của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, sự nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của cộng đồng doanh nghiệp, người dân, Thủ tướng tin rằng, phong trào cả nước thi đua chung tay “xóa nhà tạm, nhà dột nát” với ý nghĩa nhân văn sâu sắc, cao đẹp sẽ nhận được sự hưởng ứng, ủng hộ tích cực của các tổ chức, cá nhân, toàn xã hội, doanh nghiệp và của toàn dân với tinh thần toàn dân, toàn diện, chung sức đồng lòng vì người nghèo.

Dù còn nhiều khó khăn khi nguồn lực có hạn, số lượng cần hỗ trợ nhà ở còn nhiều, song với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự chung tay góp sức của những tấm lòng thơm thảo trên mọi miền đất nước, những căn nhà tạm, dột nát sẽ dần được thay thế bởi những căn nhà kiên cố, vững chắc, mang đến sự yên tâm để các hộ nghèo tiếp tục nỗ lực vươn lên, thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn./.



# Vai trò của Đà Nẵng

## TRONG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

**TS. Hoàng Thị Thu Thủy**

*Học viện Chính trị khu vực III*

**Tóm tắt:** Đà Nẵng là thành phố đô thị hạt nhân trong chuỗi đô thị động lực của vùng, là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước. Thực hiện hợp tác liên kết vùng, Thành phố đã chủ động phát huy nội lực, khai thác các tiềm năng, thế mạnh nhằm tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong Vùng, từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, là cực phát triển quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

**Từ khóa:** liên kết vùng, kinh tế, du lịch, công nghệ cao

### **Chủ trương, chính sách của Đảng về liên kết vùng**

Liên kết vùng là chủ trương lớn của Đảng, nhằm xác định rõ mô hình phát triển theo không gian lãnh thổ của quốc gia, khai thác tối ưu tiềm năng, thế mạnh của các vùng, ngành, địa phương để tạo ra các động lực tăng trưởng và giá trị mới cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về liên kết vùng đã từng bước được hoàn thiện, cụ thể hóa qua các giai đoạn. Thúc đẩy liên kết vùng luôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu và được nhắc đến trong các văn kiện từ Đại hội VIII đến Đại hội XIII của Đảng. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: “Nghiên cứu phân vùng phù hợp,

nâng cao chất lượng quy hoạch vùng theo hướng tích hợp, đa ngành; khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế-chính trị; tăng cường tính liên kết nội vùng và liên kết vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới”<sup>1</sup>. Điều 52 Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định: “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý

nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân”. Đây là nền tảng chính trị, pháp lý quan trọng để thúc đẩy các thể chế liên kết vùng được hoàn thiện và phát huy hiệu quả tích cực hơn đối với liên kết vùng.

Đại hội XIII của Đảng định hướng phát triển các vùng chủ yếu gồm: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Triển khai thực hiện nội dung này, trong năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành 06 nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 06 vùng: Nghị quyết

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, T2, tr114.



số 11-NQ/TW ngày 10-2-2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2-4-2022 về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6-10-2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7-10-2022 về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03-11-2022 về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23-11-2022 về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### **Tiềm năng, thế mạnh của thành phố Đà Nẵng trong hợp tác phát triển liên kết vùng**

Đà Nẵng là một trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, nằm trên trục giao thông huyết mạch Bắc Nam, là cửa ngõ giao thông quan trọng gắn với vùng duyên hải Trung bộ và Tây Nguyên; có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Chính vì vậy, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định:

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế-xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ. Nghị quyết nêu rõ tầm nhìn đến năm 2045: “Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á”. Đây là căn cứ chính trị quan trọng, là nền tảng để thành phố tiếp tục khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh tiếp tục tạo kỳ tích đột phá về phát triển kinh tế-xã hội, phát triển liên kết vùng trong tương lai.

Để làm được điều đó, Đà Nẵng tập trung vào ba trụ cột chính là du lịch, công nghiệp công nghệ cao và phát triển kinh tế, trong đó chú trọng kinh tế biển. Với ba trụ cột định hướng phát triển chính, Đà Nẵng đã có nhiều nỗ lực, từng bước vượt qua khó khăn, phục hồi và tạo tiền đề bứt phá trong phát triển, góp phần tạo sức lan tỏa, thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập quốc tế.

Về kinh tế, thành phố Đà Nẵng tập trung hơn 1/6 số doanh nghiệp trong toàn vùng, tạo ra gần 1/13 GRDP và hơn 1/9 tổng thu ngân sách trên địa bàn 19 tỉnh miền Trung-Tây Nguyên vào năm 2020. GRDP của Đà Nẵng đứng thứ 16 của cả nước, đứng thứ 4/5 thành phố lớn của cả nước với tổng GRDP theo giá hiện hành năm 2020 đạt 103,2 nghìn tỷ đồng. GRDP/người năm 2020 đạt 88,3 triệu đồng (thu nhập bình quân đầu người tính theo phương pháp PPP của Đà Nẵng đạt 11.462 USD), các chỉ tiêu bình quân về mức sống, tiếp cận y tế, giáo dục (thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ giường bệnh,

bác sĩ trên vạn dân, tỷ lệ sinh viên, giảng viên trên sinh viên...) đều ở mức cao nhất toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, nhiều chỉ tiêu nằm trong top các địa phương dẫn đầu cả nước.

Có được thành quả trên là do Đà Nẵng đẩy mạnh khai thác tiềm năng lợi thế thúc đẩy liên kết kinh tế với các địa phương trong khu vực miền Trung và cả nước. Giai đoạn 2019-2023, Thành phố thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của thành phố trong vùng và tăng cường liên kết để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu ngành, sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chủ động ký kết chương trình hợp tác, hỗ trợ, liên kết phát triển với các địa phương trong vùng trên các lĩnh vực, trọng tâm là hợp tác, phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam để hình thành vùng đô thị Đà Nẵng, bao gồm: Chân Mây (Lăng Cô) - Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An - Nam Hội An. Phối hợp với tỉnh Quảng Nam phát huy hiệu quả các diễn đàn đa phương trong hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, xúc tiến, huy động nguồn lực, trong đó tập trung vào kết nối giao thông, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, y tế, giáo dục - đào tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Năm 2023, mức độ tập trung kinh tế thành phố Đà Nẵng khá cao, gấp 3,4 lần mật độ kinh tế của cả nước, cao nhất vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ, ước đạt 104,5 triệu đồng/km<sup>2</sup> (gấp 1,2 lần so với năm 2019)<sup>2</sup>.

2. Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Thành phố cũng tập trung các nguồn lực để đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế biển và đã đạt được những thành tựu cơ bản, quan trọng, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo. Thành phố đã bước đầu tạo được chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển theo hướng tích cực, thúc đẩy tăng trưởng và đã hình thành một số ngành, lĩnh vực kinh tế biển mũi nhọn như: Du lịch-dịch vụ biển, hàng hải, logistics, thủy sản, công nghiệp công nghệ cao ven biển, phát triển khu đô thị ven biển và kinh tế đô thị. Thành phố chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển, xây dựng cảng Đà Nẵng thành cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế gắn với đa dạng hóa các dịch vụ cảng biển. Đầu tư nâng cấp mở rộng bến bãi, tăng năng suất khai thác, hiện đại hóa trang thiết bị cho bến cảng Tiên Sa để trở thành cảng container, cảng trung chuyển của khu vực. Cuối năm 2022, Đà Nẵng khởi công xây dựng bến cảng Liên Chiểu, tạo điểm nhấn thúc đẩy để phát triển kinh tế biển bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW, cũng như mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế-xã hội lớn của khu vực và cả nước.

Thành phố cũng chú trọng chuyển dịch cơ cấu thủy sản theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm tối đa khai thác gần bờ, duy trì diện tích nuôi ven biển quy mô nhỏ; đầu tư đồng bộ về số lượng và cơ cấu tàu thuyền đánh bắt hải sản, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ dịch vụ hậu cần nghề cá, phục vụ hiệu quả cho không chỉ ngư dân địa phương mà còn cho cả khu vực miền Trung. Thủy sản khai thác, chủ yếu từ biển xa bờ và chế biến thủy hải sản đã tạo ra những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Đà Nẵng, giúp thành phố duy trì được kim ngạch xuất khẩu thủy sản

qua nhiều năm. Khai thác, nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản đã gắn với nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; sản xuất các mặt hàng có hàm lượng công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Đà Nẵng và các địa phương vùng miền Trung là khu vực có vị trí trọng yếu của cả nước về kinh tế biển và an ninh trên biển, do vậy, nhận được nhiều sự quan tâm của Trung ương trong hành động phối kết hợp liên tỉnh để thực hiện có hiệu quả những phương án vừa phát triển kinh tế biển, vừa bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên biển.

Về phát triển công nghệ cao, Thành phố tiếp tục định hướng, ưu tiên thúc đẩy thu hút các ngành công nghệ cao. Cơ cấu các ngành công nghiệp của Đà Nẵng có sự chuyển biến tích cực, sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú hơn về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ của Đà Nẵng từng bước phát triển phục vụ cho nhu cầu sản xuất, lắp ráp các sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ở một số ngành. Các mặt hàng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Đà Nẵng.

Đà Nẵng đã hình thành và phát triển các địa bàn tập trung công nghiệp, hệ thống các khu, cụm công nghiệp. Cơ cấu sản phẩm công nghiệp xuất khẩu của Đà Nẵng đã có sự dịch chuyển tích cực, tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp

chế biến, chế tạo ngày càng tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Nhiều mặt hàng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ có vị trí xếp hạng xuất khẩu cao so với cả nước. Bên cạnh đó, Thành phố tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để thu hút các ngành công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Đà Nẵng đang từng bước nỗ lực để trở thành một trung tâm dịch vụ khoa học công nghệ tiên tiến của khu vực. Để đảm bảo thực hiện thành công vai trò này, Đà Nẵng tiếp tục đẩy nhanh hơn các liên kết với các trung tâm công nghệ, tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, thu hút nhân lực và đầu tư hạ tầng công nghệ, nhất là hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn...

Du lịch đang ngày càng khẳng định là ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế chung của Thành phố. Sự phát triển của du lịch đã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên. Du lịch - dịch vụ biển phát triển ấn tượng, trở thành ngành kinh tế biển mũi nhọn, có khả năng cạnh tranh quốc tế, góp phần đưa Đà Nẵng trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn cả nước, khu vực và quốc tế. Đặc biệt, du lịch đã gắn kết các giá trị văn hóa biển, giá trị di sản, kiến thức bản địa dựa vào cộng đồng, cũng như các giá trị của một đô thị biển đáng sống. Từ thực tế đó, Thành phố đặt ra mục tiêu đến năm 2030 trở thành trung tâm du lịch và dịch vụ chất lượng cao, điểm đến sáng tạo của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; tầm nhìn đến năm 2045, thành phố trở thành điểm đến du lịch hàng đầu châu Á, là một trong những trung tâm

du lịch nghỉ dưỡng biển, sinh thái cao cấp, sáng tạo, xanh, thông minh và tổ chức hội nghị, sự kiện lễ hội mang tầm quốc tế<sup>3</sup>.

Đánh giá chung sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW trên 3 phương diện trụ cột cho thấy, thành phố Đà Nẵng vẫn tiếp tục khẳng định là trung tâm kinh tế- xã hội lớn của cả nước, từng bước trở thành Thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế. Kinh tế Thành phố tiếp tục phát triển, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại. Dịch vụ, du lịch từng bước phục hồi và phát triển. Công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh gắn với thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt nhiều kết quả quan trọng. Đà Nẵng là đơn vị 13 năm liên tục (2009-2022) dẫn đầu bảng xếp hạng khối các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông Việt Nam; năm thứ tư liên tiếp đạt giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam. Thành phố nhận được danh hiệu “Thành phố hấp dẫn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Hoạt động hợp tác, liên kết với các địa phương trong và ngoài vùng tiếp tục được thúc đẩy.

#### **Một số vấn đề đặt ra**

Dù đạt được những thành tựu nhất định song kết quả đánh giá trên 3 trụ cột phát triển của Đà Nẵng cho thấy, phát triển kinh tế Thành phố vẫn chưa tương xứng với vai trò trung tâm kinh tế của cả nước. Theo đánh giá của các sở ban ngành Thành phố, quy mô kinh tế của Đà Nẵng có tỷ trọng

còn thấp, chất lượng tăng trưởng chưa cao, năng suất lao động tăng chậm và thấp hơn so với tốc độ tăng năng suất lao động chung của cả nước. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ngày một tăng nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình cả nước. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiệu quả thấp, chưa tạo ra được sự phát triển ổn định và bền vững. Việc thu hút đầu tư vào các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ cao còn chậm, đóng góp vào GRDP còn hạn chế, chưa đảm bảo chỉ tiêu đặt ra. Công nghiệp công nghệ cao chưa thực sự là động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp. Năng lực nội sinh của ngành công nghiệp Thành phố nhìn chung còn thấp, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên còn ít. Liên kết, hợp tác phát triển giữa các doanh nghiệp còn nhỏ lẻ, rời rạc, chưa hình thành các cụm liên kết ngành. Liên kết tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo chuỗi giá trị còn khó khăn, việc gắn kết giữa sản xuất với tiêu dùng còn hạn chế. Thành phố chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư tại địa phương. Lợi thế về kinh tế biển, vai trò thành phố cảng biển, đầu mối trung chuyển, quá cảnh, giao lưu hàng hóa ở khu vực chưa được khai thác và phát huy hiệu quả. Cơ chế, chính sách, cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch thông minh chưa hoàn thiện. Sự liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Đà Nẵng và các địa phương trong khu vực chưa mang tính ổn định, bền vững. Liên kết giữa thành phố Đà Nẵng với các địa phương trong vùng còn nhiều bất cập, vai trò trung tâm vùng của Thành phố

chưa được phát huy. Các thỏa thuận liên kết còn mang tính hình thức, hành chính, thiếu phối hợp thực chất, chủ yếu đồng thuận về nguyên tắc, chưa quan tâm nhiều đến triển khai cụ thể.

#### **Một số giải pháp phát huy vai trò của thành phố Đà Nẵng trong chuỗi liên kết vùng**

Với ba trụ cột phát triển gồm du lịch, công nghiệp công nghệ cao và phát triển kinh tế biển, thành phố Đà Nẵng cần lựa chọn các vấn đề trọng tâm kết hợp đồng bộ, tương hợp các bước đi để thúc đẩy các hợp tác liên kết. Nhằm tiếp tục phát huy vai trò và vị thế của Thành phố trong chuỗi liên kết vùng, Đà Nẵng cần hướng tới các mục tiêu, giải pháp sau:

*Một là*, tiếp tục nghiên cứu để ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển Thành phố giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chú trọng các cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin; dịch vụ du lịch và dịch vụ vận tải, logistics, cảng biển; đổi mới sáng tạo, kinh tế tri thức và chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Với chủ trương thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng và phát triển Thành phố, tạo động lực cho phát triển khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, các cơ chế, chính sách đặc thù cần được nghiên cứu thấu đáo, cụ thể, bảo đảm tính tương quan, tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

*Hai là*, cần tiếp tục đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối miền Trung - Tây Nguyên,

3. <https://congan.danang.gov.vn/-/inh-huong-phat-trien-du-lich-a-nang-en-nam-2030-trung-tam-du-lich-iem-en-sang-tao-cua-khu-vuc>.



phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây. Quy hoạch Thành phố cần theo hướng khai thác tối đa lợi thế là nút giao trung chuyển của hàng hóa, giao lưu giữa hai miền đất nước và các khu vực kinh tế, cũng như cần có cơ chế phối hợp phát triển kinh tế hiệu quả trong liên kết giữa các địa phương, tạo ra sức mạnh tổng hợp phát triển thành phố trong giai đoạn tới. Hợp tác với các địa phương trong vùng và ngoài vùng để tăng cường kết nối vùng và liên vùng, kết nối với thị trường toàn cầu tạo đột phá cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, phát huy vai trò đầu tàu, trung tâm của vùng, của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Phát triển cụm liên kết kinh tế biển ở Trung Trung bộ (thuộc vùng biển và ven biển Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi) với khu vực trọng điểm phát triển ở Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế gắn với xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á dựa trên những ngành lĩnh vực ưu tiên. Bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi về thuế, tín dụng, sử dụng đất, mặt nước, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ để thu hút doanh nghiệp, thành phần kinh tế đầu tư hoạt động và liên kết hợp tác với nhau hình thành cụm liên kết ngành kinh tế biển. Trước hết, nhanh chóng bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù cho thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn làm hạt nhân thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành.

Ba là, đầu tư phát triển văn hóa, du lịch đồng bộ, ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, đưa hình ảnh thành phố Đà Nẵng văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc đến gần hơn với bạn bè quốc tế. Phát triển con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện, làm nền tảng

xây dựng thành phố bình an, đáng sống, hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, lịch sử, văn hóa của người Đà Nẵng. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, các di tích, danh lam, thắng cảnh. Phát triển công nghiệp văn hóa để góp phần xây dựng và phát triển thương hiệu, quảng bá văn hóa Đà Nẵng, văn hóa Việt Nam ra thế giới, đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật của vùng và tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu. Trao đổi lợi thế riêng của Cụm du lịch biển Miền Trung với Cụm du lịch núi rừng của Vùng Tây Nguyên, tạo lợi thế về đa dạng hóa sản phẩm cho du lịch miền Trung - Tây Nguyên. Tập trung hình thành cụm ngành kinh tế biển mạnh, trong đó du lịch biển định hướng trở thành trung tâm du lịch và nghỉ dưỡng cao cấp, trung tâm giải trí, mua sắm và điểm đến du lịch thể thao biển.

Bốn là, trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, trước hết Đà Nẵng phải tạo được lợi thế về nguồn nhân lực công nghệ nhằm tạo hấp dẫn, hội tụ các doanh nghiệp công nghệ cao trong và ngoài nước. Đồng thời chuẩn bị sẵn các điều kiện hạ tầng, ưu đãi nhằm xúc tiến các tập đoàn công nghệ quốc tế đóng chân trên địa bàn Thành phố. Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao phục vụ các ngành kinh tế biển. Kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

Năm là, về bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Phối hợp, liên kết với các địa phương giải quyết những vấn đề an ninh hàng hải, bảo vệ ngư dân và hoạt động kinh tế hợp pháp, phù hợp theo công ước quốc tế trên biển Đông. Đẩy mạnh phát triển kinh tế

gắn với đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố, bảo đảm vừa thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế, vừa tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; đổi mới tư duy và cách làm, năng động, sáng tạo, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hội nhập quốc tế. Củng cố, phát huy quan hệ hữu nghị hợp tác với các địa phương và đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ với các đối tác tiềm năng theo hướng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tranh thủ tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên để Đà Nẵng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế./.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 2021, T2.
2. Bộ Chính trị khóa XIII (2019), Nghị quyết số 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
3. UBND thành phố Đà Nẵng, Kế hoạch số 4844/KH-UBND ngày 18/7/2019 về thực hiện Chương trình số 29-CTr/TU ngày 10/5/2019 của Thành ủy triển khai Nghị quyết 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
4. UBND thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc ban hành Đề án định hướng phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. <https://congan.danang.gov.vn/-/inh-huong-phat-trien-du-lich-a-nang-en-nam-2030-trung-tam-du-lich-iem-en-sang-tao-cua-khu-vuc> truy cập ngày 15/7/2024

# NHIỀU KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

**ThS. Phạm Thị Thu Tâm**  
*Trường Đại học Khánh Hòa*

**Cùng với sự cải thiện và phát triển cả về chất lượng và hiệu quả sản xuất của ngành nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa trong năm 2023 vừa qua, sản xuất ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Diên Khánh đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc nâng cao giá trị và xây dựng thương hiệu nông sản cho Tỉnh.**

**L**à một huyện nằm ở trung tâm của tỉnh Khánh Hòa, cách trung tâm thành phố Nha Trang 10 km về phía Tây, Diên Khánh được định hướng phát triển theo hướng đô thị sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ.

Theo số liệu từ Chi cục Thống kê Huyện Diên Khánh, từ đầu năm đến 15/9/2024, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước thực hiện 9 177,7ha, đạt 95% kế hoạch.

Đối với cây lương thực, có diện tích trồng là 7.443ha, đạt 96% kế hoạch. Trong đó, diện tích đất trồng lúa vụ mùa Đông Xuân năm 2023 - 2024 là 3.954ha, giảm nhẹ 0,1% do chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất chuyên dùng, đạt năng suất bình quân 68 tạ/ha và cho tổng sản lượng đạt 26.914,4 tấn, so với vụ Đông xuân 2022 - 2023 năng suất tăng 10,6% và sản lượng tăng 10,4%. Riêng vụ Hè Thu 2024, diện tích trồng là 3.611 ha nhưng do thời tiết khô hạn, thiếu nước kéo dài nên không sản xuất 157 ha, ước tính năng suất bình quân đạt 64 tạ/ha, giảm 0,8% so với vụ Hè Thu năm trước và mức sản lượng chỉ đạt 23.065,6 tấn, giảm 0,9%.



Đối với cây ngô, chủ yếu là trồng ngô thương phẩm với diện tích gieo trồng giảm 12,1%, do hiệu quả kinh tế không cao nên người dân chuyển sang cây trồng hàng năm khác. Cây ngô thu hoạch đạt 103,5ha, cho năng suất bình quân 32,2tạ/ha.

Đối với các loại cây trồng khác, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm là 1.187 ha, bao gồm: Cây chất bột có củ 20 ha, đạt 105,3% kế hoạch; cây thực phẩm 347 ha, đạt 54% kế hoạch; cây công nghiệp hàng năm 733,5ha (trong đó mía 727 ha), cây hàng năm khác 129,8 ha, tăng 13,4% là do tăng diện tích trồng cây thức ăn gia súc để chủ động nguồn thức ăn dùng cho chăn nuôi.

Tổng diện tích thu hoạch cây hàng năm là 1.041 ha/1.187 ha

đạt 87,7%, trong đó: Cây khoai lang 4,5ha, sản lượng đạt 27,9 tấn; Cây mía 727ha, sản lượng 37.077 tấn; Cây sắn 5,5ha, sản lượng 96,3 tấn; Cây đậu tương 2ha, sản lượng 5,2 tấn; Cây lạc 4,5 ha, sản lượng 7,3 tấn; Cây rau các loại 286 ha, sản lượng 5357,7 tấn; Đậu các loại 11,5 ha, sản lượng 30 tấn (số liệu Phòng Kinh tế huyện Diên Khánh).

Đối với cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm, diện tích ước tính 9 tháng đầu năm 2024 là 3.145,3ha. Trong 6 tháng đầu năm 2024 cho sản lượng thu hoạch đạt 9.760 tấn (trong đó, sản lượng thu hoạch cây ăn quả là 8.600 tấn; sản lượng thu hoạch cây công nghiệp lâu năm là 1.160 tấn), đạt 105,4% so với kế hoạch của Huyện (số liệu Phòng Kinh tế huyện Diên Khánh).



Kết quả của 9 tháng năm 2024 cho thấy, tỷ lệ sản lượng lúa và các loại cây trồng khác tăng không nhiều so cùng kỳ năm 2023 và năng suất, hiệu quả sản xuất vẫn được duy trì và đạt kế hoạch đề ra. Đạt được kết quả này là do người dân trên địa bàn Huyện đã mạnh dạn chủ động chuyển đổi các cây trồng kém hiệu quả sang những cây trồng ngắn ngày mang lại giá trị kinh tế cao và sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ cho người sản xuất ứng dụng công nghệ cao và tạo được sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Bên cạnh các kết quả trên, lĩnh vực chăn nuôi cũng được UBND Huyện đặc biệt quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả. Nhờ đó, tình hình chăn nuôi của Huyện cơ bản ổn định, không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc, gia cầm. Tính đến tháng 9/2024, tổng đàn trâu, bò có 4.095 con, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2023; đàn lợn có 40.250 con, tăng 4,5%; đàn gia cầm có 387.700 con, tăng 2,3% do các hộ chăn nuôi bắt đầu tập trung tái đàn chuẩn bị dịp Tết Nguyên đán.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, năm 2023, Huyện đã triển khai chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, tổ chức trồng 53.800 cây phân tán với tổng kinh phí gần 87 triệu đồng, bảo vệ tốt hơn 6.057ha rừng tự nhiên và sử dụng hiệu quả gần 3.825ha rừng trồng.

Trong những tháng đầu năm 2024, Huyện triển khai tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và giao nhiệm vụ cho 11 xã có diện tích trồng rừng sản xuất thực hiện rà soát tiềm năng đất đai tại địa phương và đăng ký số lượng cây giống trồng cây phân tán, trong đó chọn loài cây trồng phù hợp với mục đích, cảnh quan

và điều kiện sinh thái, tập quán canh tác của từng địa phương, khu vực cụ thể, ưu tiên trồng cây bản địa, loại cây thân gỗ, cây đa mục đích có giá trị bảo vệ môi trường, tác dụng phòng hộ cao.

Đặc biệt, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) triển khai trên địa bàn Huyện đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trong năm 2023, toàn huyện Diên Khánh có 8 sản phẩm OCOP được UBND Huyện công nhận đạt hạng 3 sao của 6 chủ thể. Trong 9 tháng năm 2024, Huyện có 24 sản phẩm từ các xã tham gia chương trình (gồm 07 công ty, 01 Hợp tác xã, 02 hộ cá thể), tăng gấp đôi so với năm 2022, trong đó có 19 sản phẩm OCOP được UBND công nhận sản phẩm đạt 3 sao.

Các sản phẩm OCOP của Huyện chủ yếu là các sản phẩm truyền thống, chủ lực của địa phương như: Gạo tươi RVT (Diên Tân), mía nước (Diên Phước), bánh tráng, nước uống đóng chai, rau tươi, nấm ăn, các sản phẩm từ yến (tổ yến chưng đường phèn, tổ yến chưng mật ong, nước yến mật ong, súp tổ yến hải sản, sữa chua sấy khô có tổ yến...).

Các sản phẩm ngày càng khẳng định được vị thế khi ứng dụng công nghệ vào sản xuất để nâng cao chất lượng, mẫu mã, truy xuất nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường... Các sản phẩm OCOP của Huyện được phân phối qua nhiều kênh, thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, giao lưu kinh tế với các địa phương lân cận như Đắk Lắk, Lâm Đồng, Phú Yên, Ninh Thuận... và được nhiều người tiêu dùng biết đến.

Từ năm 2017 đến nay, nhiều phiên chợ nông sản và sản phẩm OCOP tỉnh Khánh Hòa được tổ chức, làm cầu nối giúp Diên Khánh

kết nối, tiêu thụ các nông sản chất lượng, đạt tiêu chuẩn sao OCOP của các hộ sản xuất, HTX đến với người tiêu dùng. Đây cũng là dịp để các hộ sản xuất, HTX giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, tăng cường liên kết trong quảng bá tiêu thụ sản phẩm, tạo đầu ra ổn định cho nông sản.

Một trong những động lực để nông nghiệp huyện Diên Khánh phát triển trong thời gian qua là sự liên kết giữa “4 nhà” (nhà nông dân, nhà doanh nghiệp và nhà khoa học dưới sự hỗ trợ của nhà nước) được đẩy mạnh, góp phần ổn định giá bán các loại nông sản trên địa bàn Huyện, mang lại lợi nhuận đáng kể cho người dân khi tham gia vào chuỗi cung ứng. Điển hình là trong vụ Đông Xuân vừa qua, giá bán lúa tăng cao (tăng từ 3.000 - 4.000đ so với cùng kỳ 2023), lợi nhuận sau trừ chi phí sản xuất của người dân đạt 20 triệu đồng/ha.

Cũng nhờ sự liên kết giữa “4 nhà”, kênh tiêu thụ, phân phối các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Huyện đa dạng hơn, qua sự phối hợp giữa các doanh nghiệp, các siêu thị.

Trong sự bùng nổ của công nghệ, song song với tiêu thụ qua các kênh truyền thống như chợ, các cửa hàng bán lẻ, người bán hàng và các HTX nhanh chóng nắm bắt xu hướng, đẩy mạnh phát triển các kênh bán hàng qua mạng xã hội (facebook, zalo, shopee, tiktok...). Trong năm, UBND huyện đã phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn 2.460 hộ tham gia và kỹ năng bán hàng trên sàn thương mại điện tử như: Khanhhoalink; Postmart.vn, Voso.vn. Huyện Diên Khánh hiện có 115 loại nông sản được hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, ký hợp đồng tiêu thụ qua sàn thương mại điện tử.



Đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn cũng là một trong những giải pháp được Lãnh đạo huyện Diên Khánh chú trọng thực hiện để phát triển nông nghiệp địa phương. Từ đầu năm đến nay, đã có 3.100 lớp tập huấn liên quan đến những kiến thức, kỹ năng về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật được tổ chức, đào tạo cho hơn 155.000 lượt hội viên, người nông dân. Tổ chức 80 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho hơn 4.200 người tham gia sản xuất để tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất có hiệu quả, như: Quy trình canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP; Xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm OCOP; kỹ thuật nuôi bò; ứng dụng tưới nước tự động tiết kiệm... nhằm đáp ứng theo nhu cầu của thị trường tiêu dùng về sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Nhìn chung, ngành nông nghiệp huyện Diên Khánh trong 9 tháng đầu năm 2024 đã có những bước tiến đáng ghi nhận so với cùng kỳ năm 2023. Huyện đang nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển Diên Khánh thành thị xã trước năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Để đạt được mục tiêu này, Diên Khánh xác định ngành nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng và trong thời gian tới sẽ chú trọng hơn nữa trong việc ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, chủ động tiếp cận những hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cùng với đó, tăng cường tổ chức các lớp đào tạo nghề để nâng cao hơn nữa các nghiệp vụ, kỹ năng đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng khi phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn.

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và sự đồng lòng của người dân, kỳ vọng ngành nông nghiệp huyện Diên Khánh sẽ khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo đà cho địa phương bứt phá và phát triển bền vững trong thời gian tới./.

**N**gày 18/01/2022 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu tổng quát là giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Để giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia, năm 2021, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo (viết gọn Thông tư 07).

Chuẩn nghèo sử dụng giai đoạn 2021-2025 là chuẩn nghèo đa chiều, ứng dụng của các quốc gia trên thế giới tương đối khác nhau, có quốc gia xác định đa chiều chỉ gồm các chiều cạnh về dịch vụ xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam yếu tố thu nhập được đưa vào chuẩn nghèo đa chiều và coi là một chiều cạnh của nghèo đa chiều kết hợp cùng với các chiều cạnh về dịch vụ xã hội. Có thể thấy đây là một bước chuyển từ sử dụng thước đo tiền tệ đo lường nghèo đói sang sử dụng thang đo đa chiều.

Ngày 30/3/2022, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 07 (viết gọn Thông tư 02). Điểm sửa đổi lớn nhất đó là Bảng quy ước điểm các yếu tố của hộ gia đình để đánh giá thu nhập. Thông tư 02 khắc phục hạn chế của Thông tư 07, đặc biệt là dựa trên nguồn số liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình mới nhất năm 2020 để cập nhật mô hình xác định điểm các yếu tố hộ gia đình tương ứng với mức thu nhập và tỷ lệ nghèo.

Đối với phương pháp trong Thông tư 02, tỷ lệ nghèo xác định chung theo vùng và khu vực. Như vậy hiểu là tỉnh, thành phố thuộc vùng nào sẽ có tỷ lệ nghèo được tính theo đúng quy định của vùng đó. Tuy nhiên, nhu cầu của mỗi địa phương mong muốn xác định chuẩn nghèo phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2022-2025, trong đó mức thu nhập theo điều kiện của địa phương xác định không tương đồng với mức thu nhập trong Thông tư 07 quy định.

Chuẩn nghèo hay điểm cắt trong đo lường nghèo đói là ngưỡng giá trị của tiêu chí xem xét, nếu hộ gia đình/cá nhân có giá trị của tiêu chí xem xét dưới mức này sẽ được gọi là hộ nghèo/người nghèo. Muốn xác định được điểm cắt/ngưỡng giá trị, đầu tiên ta cần nghiên cứu, mô phỏng được đặc điểm phân phối của tiêu chí cần xem xét. Tiêu chí cần xem xét ở đây thường là tiêu chí về thu nhập, chi tiêu hay một số chỉ tiêu khác thay thế đại diện cho phúc lợi của hộ gia đình. Việc xác định đặc điểm phân phối của thu nhập/chi tiêu qua điều tra trực tiếp yêu cầu rất lớn

# NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐIỂM CẮT

## theo các tiêu chí thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025

Nhóm tác giả Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường - TCTK\*

về mặt kỹ thuật, thời gian và tài chính, không quá phù hợp trong điều kiện hạn chế về nguồn lực. Vì vậy, phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu để xác định nhóm đối tượng mục tiêu về nghèo đói là “đo lường thu nhập (hoặc nghèo đói) dựa vào các yếu tố thay thế”, gọi là phương pháp Proxy Mean Test (viết gọn là phương pháp PMT). Phương pháp này dựa trên kết quả điều tra hộ gia đình quốc gia với thông tin về tài sản của hộ và một số chỉ tiêu khác thay thế để ước lượng phúc lợi của hộ gia đình (phúc lợi ở đây có thể hiểu là thu nhập, chỉ tiêu hay mức độ giàu nghèo).

### Giới thiệu phương pháp đo lường các chỉ tiêu phúc lợi của hộ gia đình

Khi đo lường mức độ giàu có hay tình trạng kinh tế của cá nhân, hộ gia đình người ta thường nghĩ ngay đến thu nhập (hoặc chi tiêu) của cá nhân đó, hoặc của hộ gia đình đó. Một hộ gia đình có thể có nhiều nguồn thu như: Thu tiền làm công ăn lương, tự làm nông nghiệp, từ kinh doanh buôn bán, cho thuê bất động sản hoặc tài sản và thu từ được người nhà, họ hàng cho...

Thực tế thu thập số liệu cho thấy, không phải lúc nào hộ gia đình

cũng trả lời chính xác cho cơ quan Thống kê biết thu nhập thực của họ. Điều này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: (i) Tâm lý e ngại về thông tin cung cấp của người trả lời - họ muốn dấu đi khả năng tài chính của mình; (ii) Văn hóa của địa phương không chia sẻ những thông tin riêng tư; (iii) Kỹ năng của điều tra viên khai thác thông tin; (iv) Nhiều yếu tố khác tác động như môi trường phỏng vấn, thời gian, cách đặt câu hỏi và thiết kế điều tra.

Các cuộc điều tra hộ gia đình có thu thập thông tin về thu nhập (hoặc chi tiêu) và các đặc điểm của hộ gia đình là những cuộc điều tra khá điển hình về nhân khẩu học để nghiên cứu về hộ gia đình tại các quốc gia. Từ kết quả điều tra và kết hợp với mô hình hồi quy tương quan, nhiều nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ tương quan chặt chẽ giữa “phúc lợi” của hộ gia đình và các đặc điểm nhân khẩu học, đặc trưng của hộ gia đình. Từ đó, tác giả có ý tưởng xây dựng mô hình ước lượng “phúc lợi” hộ gia đình dựa trên thông tin về các đặc điểm của hộ và hệ số tương quan.

Phương pháp đo lường phúc lợi hộ gia đình sử dụng phương pháp PMT mang lại hiệu quả thiết thực, đó là thay vì liên tục thực hiện các cuộc điều tra thu thập thông tin trực tiếp để đo lường “phúc lợi” của hộ (thu nhập và chi tiêu) tốn kém nhiều thời gian, tiền bạc và nhân lực thì có thể dựa vào mô hình

của một năm điều tra gần nhất để tiến hành khảo sát thông tin đơn giản hơn, đó là các thông tin về đặc điểm của hộ từ đó suy ra “phúc lợi” của hộ mà đề tài này sẽ đề cập đến đó là “thu nhập bình quân đầu người của hộ”.

Về cơ bản phương pháp PMT là ước lượng dựa trên hồi quy tương quan đa biến, trong đó biến đầu ra thường sẽ là một chỉ tiêu khó đo lường hoặc cần nhiều nguồn lực để đo lường trong khi khả năng không cho phép. Để ứng dụng được phương pháp PMT, các nghiên cứu đều cần giả định rằng sai số của mô hình gây ra là các sai số ngẫu nhiên, với điều kiện mô hình xây dựng đã bao gồm những yếu tố có tương quan chặt chẽ với chỉ tiêu cần ước lượng, mô hình xây dựng đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật và số liệu đủ tin cậy đảm bảo tính ngẫu nhiên của mẫu được chọn.

### Ứng dụng phương pháp PMT

Phương pháp PMT được ứng dụng chủ yếu đánh giá các chương trình xã hội đối với các đối tượng mục tiêu của chương trình xã hội, mà trong đó chủ yếu là đo lường nghèo đói, bởi đây là những nhóm đối tượng cần có thông tin về tình trạng kinh tế, để xác định họ có thuộc đối tượng cần bảo trợ xã hội không. Việc đo lường chỉ tiêu về thu nhập qua điều tra yêu cầu bảng hỏi dài, tốn nhiều thời gian và công sức của người đi thu thập cũng như số liệu có thể sai số nhiều

\* Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thị Quỳnh Lợi; Các thành viên: Nguyễn Thế Quân, Nguyễn Đức Hạnh, Tô Thúy Hạnh, Nguyễn Việt Cường, Phạm Minh Thu, Ngô Doãn Thắng, Cao Thanh Sơn, Phạm Thị Hạnh, Nguyễn Thị Khánh Huyền

do thông tin khai báo của người trả lời, vì vậy phương pháp PMT là giải pháp phù hợp để đo lường thường xuyên (hàng năm) đối với nhóm đối tượng này.

### **Phương pháp PMT ứng dụng đo lường chủ yếu là vấn đề nghèo đói**

Xác định hộ nghèo: Nghèo theo chuẩn quốc tế là những người có mức chi tiêu bình quân đầu người dưới ngưỡng nghèo (1,9 USD/người/ngày - chuẩn nghèo của Ngân hàng Thế giới tính theo giá PPP 2011 hoặc 3,65 USD/người/ngày - chuẩn nghèo Ngân hàng Thế giới tính theo giá PPP 2017 cho những nước thu nhập trung bình thấp). Để xác định một hộ gia đình nghèo hay không cần xác định chi tiêu bình quân đầu người của hộ có dưới ngưỡng nghèo hay không. Thay vì khảo sát chi tiêu của hộ, người ta có thể đo lường các đặc trưng của hộ gia đình và sử dụng phương pháp PMT để ước lượng chi tiêu của hộ và xác định khả năng hộ rơi vào cảnh nghèo.

Tại Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (viết gọn Bộ LĐTBXH) ứng dụng phương pháp PMT để thực hiện rà soát hộ nghèo, theo đó chỉ tiêu được chọn là thu nhập bình quân đầu người, bởi theo Chuẩn nghèo đa chiều của Việt Nam thu nhập là một chiều đóng góp vào xác định tình trạng nghèo của hộ gia đình.

Tại các quốc gia đang phát triển, phương pháp PMT được coi là một phương pháp sử dụng phổ biến ước lượng thu nhập, nhận dạng người nghèo. Tuy nhiên các nghiên cứu cho thấy sai số sẽ phát sinh nhiều hơn khi tỷ lệ nghèo quá thấp. Một trong những yếu điểm gây ra sai số cho phương pháp PMT chính là sự phân hóa rõ rệt của quốc gia.

Việc sử dụng phương pháp PMT bước đầu là để xác định đối tượng nghèo, từ đó có các chương trình chính sách với đối tượng được xác định. Chính vì vậy ứng dụng của phương pháp PMT có thể hiểu là để nhằm tìm và xác định hộ nghèo, người nghèo hoặc cũng có thể hiểu là ứng dụng để thực hiện các chương trình trợ giúp xã hội.

### **Thử nghiệm phương pháp xác định điểm cắt theo các mức thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo riêng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

Căn cứ vào tình hình số liệu thực tế, đề tài sẽ thực hiện các công việc như sau:

(1) Căn cứ vào các biến chấm điểm và điểm số tương ứng của các biến trong Phiếu quy ước điểm B1 của Thông tư 02 để xây dựng lại 6 mô hình hồi quy cho khu vực nông thôn của 6 vùng và 1 mô hình hồi quy cho khu vực thành thị chung của toàn quốc.

Việc xem xét chất lượng các mô hình hồi quy và ý nghĩa các hệ số trong mô hình của từng vùng sẽ giúp đánh giá mức độ tương quan của tổng điểm tài sản rà soát theo Thông tư 02 với thu nhập thực tế của các hộ theo số liệu điều tra.

(2) Xây dựng 6 mô hình mới cho 6 vùng kinh tế-xã hội, từ đó tính các điểm cắt nghèo cho từng vùng.

(3) Lựa chọn Hà Nội (là 1 trong 9 địa phương đã ban hành chuẩn nghèo riêng) để thử nghiệm xây dựng mô hình theo phương pháp PMT cấp tỉnh và xác định điểm cắt nghèo riêng cho địa phương.

Kết quả thử nghiệm sử dụng phương pháp PMT để xác định điểm cắt thu nhập như sau:

*Điểm cắt chung cho cả nước được tính như sau:*

- Sử dụng bộ số liệu Khảo sát mức sống dân cư biến thu nhập chi tiêu, tạo các biến tương ứng như trong Bảng quy ước chấm điểm Thông tư 02. Trong 15 biến, từ bảng câu hỏi Khảo sát mức sống dân cư có thể tạo được 13 biến hoàn toàn trùng khớp với Bảng quy ước chấm điểm. Còn 2 biến thiếu thông tin cần thay thế là hộ có ít nhất 1 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 3 tháng trở lên trong 12 tháng qua) và thông tin về chăn nuôi của hộ.

- Áp điểm của Bảng quy ước chấm điểm để tính ra điểm tài sản cho từng hộ.

- Với mỗi mức thu nhập, dựa vào thu nhập của hộ điều tra thực tế để tài sẽ tính được tỷ lệ hộ có thu nhập bình quân dưới mức thu nhập dự kiến (x%) riêng theo thành thị và nông thôn. Sử dụng bảng quy ước điểm để tính điểm tài sản của từng hộ và xác định nhóm hộ thuộc x% điểm tài sản thấp nhất. Điểm tài sản cao nhất trong nhóm hộ này chính là mức điểm tương ứng với mức thu nhập cần tính.

**Bảng 1. Kết quả tính toán điểm cắt chung cho cả nước**

|    | <b>Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng)</b> | <b>Chung cả nước (điểm)</b> |                  |
|----|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------|
|    |                                         | <b>Nông thôn</b>            | <b>Thành thị</b> |
| 1  | 1.600                                   | 150                         |                  |
| 2  | 1.700                                   | 155                         |                  |
| 3  | 1.800                                   | 160                         |                  |
| 4  | 1.900                                   | 165                         |                  |
| 5  | 2.000                                   | 170                         |                  |
| 6  | 2.100                                   | 175                         | 185              |
| 7  | 2.200                                   |                             | 190              |
| 8  | 2.300                                   |                             | 190              |
| 9  | 2.400                                   |                             | 195              |
| 10 | 2.500                                   |                             | 195              |
| 11 | 2.600                                   |                             | 200              |

Xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc 6 vùng

Trước tiên, nhóm tác giả xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng. Kết quả hồi quy mô hình xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng có biến phụ thuộc là logarit nepe của thu nhập bình quân hộ có  $R^2=0,34$ , các hệ số đều có ý nghĩa thống kê ( $pvalue<0.1$ ) và có ý nghĩa thực tế. Đồng thời các hệ số mang dấu dương để có thể quy điểm.

Hệ số các biến độc lập trong mô hình đóng vai trò là quyền số và là căn cứ để tính điểm quy ước cho các chỉ tiêu. Sau khi điều chỉnh điểm các chỉ tiêu để tỷ lệ nghèo thu nhập của cả vùng tính từ biến thu nhập bình quân thống nhất với tỷ lệ nghèo tính từ tổng điểm của hộ. Dựa vào điểm điều chỉnh, điểm cắt chung cho các tỉnh Vùng Đồng bằng sông Hồng như Bảng 2.

**Bảng 2. Điểm cắt tương ứng mức thu nhập Vùng Đồng bằng sông Hồng**

|    | Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng) | Vùng Đồng bằng Sông Hồng (điểm) |           |
|----|----------------------------------|---------------------------------|-----------|
|    |                                  | Nông thôn                       | Thành thị |
| 1  | 1.600                            | 90                              |           |
| 2  | 1.700                            | 94                              |           |
| 3  | 1.800                            | 96                              |           |
| 4  | 1.900                            | 103                             |           |
| 5  | 2.000                            | 105                             |           |
| 6  | 2.100                            | 106                             | 120       |
| 7  | 2.200                            |                                 | 125       |
| 8  | 2.300                            |                                 | 130       |
| 9  | 2.400                            |                                 | 132       |
| 10 | 2.500                            |                                 | 136       |
| 11 | 2.600                            |                                 | 141       |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Tương tự, tác giả xác định điểm cắt của các tỉnh thuộc các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả hồi quy mô hình của các tỉnh thuộc Trung du và miền núi phía Bắc có  $R^2$  cao 0,61, các hệ số đều có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.05$ . Kết quả hồi quy mô hình của các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có  $R^2$  là 0,38, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.05$ . Kết quả hồi quy mô hình của các tỉnh thuộc Tây Nguyên có  $R^2$  là 0,46, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.1$ . Kết quả hồi quy mô hình của các tỉnh thuộc

Đông Nam Bộ có  $R^2$  là 0,36, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.05$ . Kết quả hồi quy mô hình của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long có  $R^2$  là 0,32, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.05$ .

Xây dựng mô hình và xác định điểm cắt cho Hà Nội

Hà Nội là 1 trong các tỉnh có thu nhập bình quân đầu người cao nhất cả nước. Tính tới năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn toàn quốc ở Hà Nội là 0%. Kết quả hồi quy mô hình xây dựng riêng cho Hà Nội có  $R^2$  là 0,30, các hệ số đều mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức  $pvalue<0.05$ . Dựa vào điểm điều chỉnh, điểm cắt chung cho Hà Nội như Bảng 3.

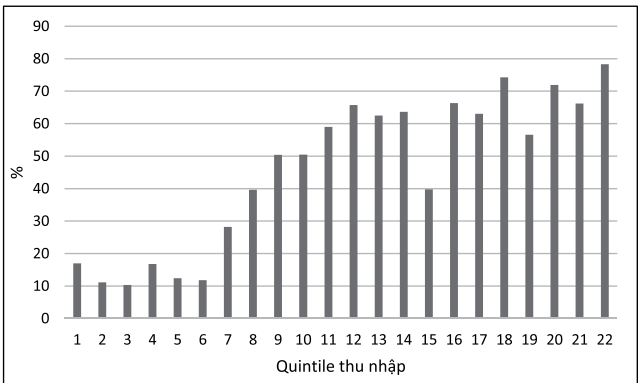
**Bảng 3. Điểm cắt tương ứng mức thu nhập của Hà Nội**

|    | Mức thu nhập dự kiến (1000 đồng) | Hà Nội (điểm) |           |
|----|----------------------------------|---------------|-----------|
|    |                                  | Nông thôn     | Thành thị |
| 1  | 1.600                            | 34            |           |
| 2  | 1.700                            | 37            |           |
| 3  | 1.800                            | 40            |           |
| 4  | 1.900                            | 42            |           |
| 5  | 2.000                            | 45            |           |
| 6  | 2.100                            | 47            | 62        |
| 7  | 2.200                            |               | 64        |
| 8  | 2.300                            |               | 67        |
| 9  | 2.400                            |               | 70        |
| 10 | 2.500                            |               | 73        |
| 11 | 2.600                            |               | 76        |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

**Đánh giá kết quả thử nghiệm xác định điểm cắt theo mức thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo riêng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

**Biểu đồ 01: Phân bố tỷ lệ rò rỉ theo quintile thu nhập**



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả



Đánh giá kết quả thử nghiệm xác định điểm cắt chung cho toàn quốc

Tỷ lệ bao phủ của thử nghiệm xác định điểm cắt chung cho toàn quốc (tại mức thu nhập thành thị 2,5 triệu đồng/người/tháng và nông thôn 2 triệu đồng/người/tháng) khá cao, ở mức 59,95%. Tỷ lệ này có nghĩa là trong 100 hộ nghèo thu nhập, bộ công cụ PMT sẽ xác định được đúng 60 hộ. Biểu đồ 01 trình bày các tỷ lệ rò rỉ tương ứng với từng nhóm quintile ứng với 22% dân số có thu nhập thấp nhất. Các hộ có thu nhập càng ở gần với điểm cắt nghèo thu nhập càng dễ bị “rò rỉ” tức là đánh giá nhầm thành không nghèo. Vẫn có tỷ lệ hộ ở nhóm thu nhập thấp nhất (quintile  $\leq 6\%$ ) cũng bị đánh giá không chính xác tình trạng thu nhập.

Tỷ lệ bao phủ khác biệt lớn giữa các vùng. Tỷ lệ bao phủ cao ở Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên (75,98% và 79,71%). Đây là 2 vùng có tỷ lệ nghèo cao nhất cả nước, đồng thời giá trị R2 của mô hình PMT cũng cao nhất. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là 2 vùng có tỷ lệ nghèo thấp nhất cả nước và tập trung 8/9 địa phương ban hành chuẩn nghèo riêng lại có tỷ lệ bao phủ thấp (dưới 50%). Điều này chứng tỏ việc sử dụng điểm cắt chung cho 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên cả nước dựa trên 1 mô hình không hiệu quả, đặc biệt đối với những địa phương có thu nhập cao, tỷ lệ nghèo thấp.

**Bảng 4. Tỷ lệ bao phủ và tỷ lệ rò rỉ theo vùng (%)**

| Vùng kinh tế                         | Tỷ lệ bao phủ | Tỷ lệ rò rỉ  | Tổng       |
|--------------------------------------|---------------|--------------|------------|
| A                                    | 1             | 2            | 3          |
| Đồng bằng sông Hồng                  | 38,30         | 61,70        | 100        |
| Trung du và miền núi phía Bắc        | 75,98         | 24,02        | 100        |
| Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung | 58,33         | 41,67        | 100        |
| Tây Nguyên                           | 79,71         | 20,29        | 100        |
| Đông Nam Bộ                          | 37,70         | 62,30        | 100        |
| Đồng bằng sông Cửu Long              | 41,23         | 58,77        | 100        |
| <b>Chung</b>                         | <b>59,95</b>  | <b>40,05</b> | <b>100</b> |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Đánh giá kết quả thử nghiệm xác định điểm cắt theo vùng

Tỷ lệ bao phủ theo mô hình xây dựng cho từng vùng tại mức thu nhập thành thị 2,5 triệu đồng/người/tháng và nông thôn 2 triệu đồng/người/tháng được trình bày dưới bảng sau. Quan sát vẫn thấy

sự khác biệt của tỷ lệ bao phủ theo vùng có tương quan thuận với R2 của mô hình PMT. Tuy nhiên, tỷ lệ bao phủ của từng vùng có cải thiện hơn so với tính toán có được từ điểm cắt chung cho toàn quốc.

**Bảng 5. Tỷ lệ bao phủ theo mô hình xây dựng cho từng vùng tại mức thu nhập của thành thị và nông thôn**

| Vùng kinh tế                         | Tỷ lệ bao phủ | Tỷ lệ rò rỉ | Tổng |
|--------------------------------------|---------------|-------------|------|
| A                                    | 1             | 2           | 3    |
| Đồng bằng sông Hồng                  | 40.2          | 59.8        | 100  |
| Trung du và miền núi phía Bắc        | 78.1          | 21.9        | 100  |
| Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung | 60.5          | 39.5        | 100  |
| Tây Nguyên                           | 79.9          | 20.1        | 100  |
| Đông Nam Bộ                          | 38.3          | 61.7        | 100  |
| Đồng bằng sông Cửu Long              | 41.8          | 58.2        | 100  |

Đánh giá kết quả thử nghiệm xác định điểm cắt Hà Nội

Tỷ lệ bao phủ theo mô hình xây dựng riêng cho Hà Nội tại mức thu nhập thành thị 2,5 triệu đồng/người/tháng và nông thôn 2 triệu đồng/người/tháng là 39,3%, xấp xỉ tỷ lệ bao phủ chung nếu xác định điểm cắt chung cho cả vùng Đồng bằng sông Hồng./.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Jules Gazeaud (2020), Proxy Means Testing Vulnerability to Measurement Errors? The Journal of Development Studies.
2. AusAID (September 2011), Targeting the Poorest: An assessment of the proxy means test methodology.
3. Nguyen, Cuong and Lo, Duc (December 2016), Testing Proxy Means Tests in the Field: Evidence from Vietnam.
4. Chính phủ (2021), Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.
5. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2021), Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.
6. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2022), Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 07.
7. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023) Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
8. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2024) Quyết định số 134/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

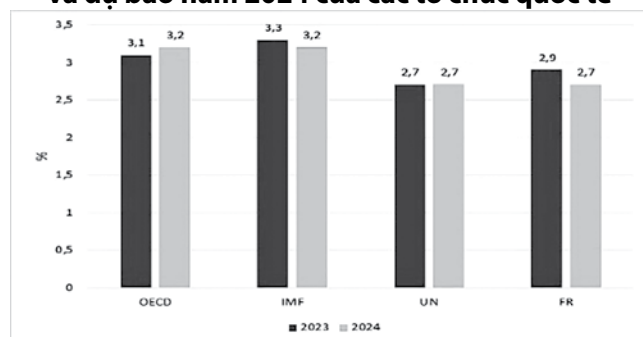
# Dự báo tình hình kinh tế thế giới Quý III và 9 tháng đầu năm 2024

## Dự báo kinh tế toàn cầu

### Các tổ chức quốc tế lạc quan về triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024

Đến tháng 9/2024, đa số các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó. Cụ thể, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2024; Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) giữ nguyên mức dự báo trong tháng 4/2024, khi nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 3,2% năm 2024; Liên Hợp Quốc (UN) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2024, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024; Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,7%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2024.

**Hình 1. Đánh giá tăng trưởng toàn cầu năm 2023 và dự báo năm 2024 của các tổ chức quốc tế**



Nguồn: OECD, IMF, UN và FR

Hình 1 cho thấy, hầu hết các tổ chức quốc tế (OECD, IMF và UN) đều nhận định tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2024 sẽ tương đương mức tăng năm 2023, đạt từ 2,7% đến 3,2%. Riêng FR dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 2,7 nhưng giảm 0,2 điểm phần trăm so với năm 2023.

### Tổng quan biến động thị trường thế giới

*Thương mại hàng hóa toàn cầu cải thiện dần trong nửa cuối năm 2024*

Thước đo thương mại hàng hóa của WTO tháng 9/2024 đạt 103,0, trong đó phần lớn các chỉ số thành phần của thước đo đều bằng hoặc trên xu hướng, ngoại trừ chỉ số thành phần điện tử (95,4). Các chỉ số thành phần của sản phẩm ô tô (103,3), vận chuyển container (104,3) và vận tải hàng không (107,1) đều đang vững chắc trên xu hướng. Đơn hàng xuất khẩu mới (101,2) có xu hướng giảm. Chỉ số nguyên vật liệu thô (99,3) có dấu hiệu giảm trong thời gian tới.

UN và OECD cùng nhận định thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi từ nửa đầu năm 2024 do gia tăng xuất khẩu của khu vực châu Á và Bắc Mỹ. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) chế biến, chế tạo toàn cầu tăng trong nửa đầu năm 2024, tuy nhiên, sử dụng các biện pháp hạn chế thương mại nhiều hơn, chi phí vận chuyển hàng hóa cao hơn và địa chính trị bất ổn cũng đe dọa sự phục hồi của thương mại và giá trị sản xuất công nghiệp toàn cầu.

### Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm về mức mục tiêu

UN và OECD đều nhận định lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm trong nửa đầu năm 2024. Ở nhiều nước phát triển, lạm phát đang dần tiến gần đến mức mục tiêu của ngân hàng trung ương, ngay cả khi tăng trưởng

tiền lương và lạm phát giá dịch vụ vẫn ở mức cao. Lạm phát ở nhiều nền kinh tế đang phát triển cũng đã giảm nhưng vẫn cao hơn so với các nền kinh tế phát triển, trừ Trung Quốc đang đối mặt với lạm phát thấp trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng yếu.

WB nhận định giá năng lượng tiếp tục giảm trong tháng 9/2024 sau khi giảm 3% trong tháng 8/2024. Giá dầu thô Brent giảm từ 81 đô la Mỹ/thùng trong tháng 8/2024 xuống còn 73 đô la Mỹ/thùng vào giữa tháng 9/2024. Giá một số kim loại công nghiệp tăng nhẹ trong tháng 9/2024, khi nhu cầu tăng lên nhờ các biện pháp kích cầu kinh tế ở Trung Quốc. Giá vàng lập đỉnh mới vào giữa tháng 9/2024 do nhu cầu cao của ngân hàng trung ương và căng thẳng địa chính trị. Giá nông sản trong tháng 9/2024 tăng trở lại sau khi giảm 1,4% trong tháng 8/2024. Giá cà phê và lúa mì đều tăng do tác động của điều kiện thời tiết khắc nghiệt và gián đoạn nguồn cung. Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của FAO (FFPI)<sup>1</sup> đạt 120,7 điểm vào tháng 8/2024, giảm nhẹ so với tháng trước, khi chỉ số giá đường, thịt và ngũ cốc giảm nhiều hơn so với mức tăng của dầu thực vật và các sản phẩm từ sữa. Chỉ số FFPI trong tháng 8/2024 thấp hơn 1,1% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn 24,7% so với mức đỉnh 160,3 điểm của tháng 3/2022.

*Điều kiện tài chính vẫn còn hạn chế nhưng đang tiếp tục nới lỏng*

OECD cho rằng các điều kiện tài chính toàn cầu vẫn còn hạn chế nhưng đang tiếp tục nới lỏng và lãi suất chính sách sẽ tiếp tục giảm nhanh hơn dự kiến. Lãi suất thực dài hạn vẫn ở mức cao so với thập kỷ trước tại Hoa Kỳ, khu vực đồng Euro, Vương quốc Anh và các thị trường mới nổi như Bra-xin. Tuy nhiên, lợi suất trái phiếu danh nghĩa dài hạn đã giảm và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã tăng lên. Giá cổ phiếu đã tăng ở Hoa Kỳ cũng như một số thị trường mới nổi. Khủng hoảng nợ công vẫn tiếp diễn ở một số nền kinh tế thị trường mới nổi, đặc biệt ở các nền kinh tế có thu nhập thấp.

UN nhận định áp lực lạm phát giảm đã tạo điều kiện nới lỏng tiền tệ ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, do lạm phát cơ bản và lạm phát giá dịch vụ giảm không nhiều nên các cơ quan tiền tệ nhìn chung vẫn thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất. Tốc độ nới lỏng tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn tại các nước phát triển trong các quý tới sẽ phụ thuộc

vào diễn biến của giảm lạm phát và những thay đổi tiềm ẩn trong triển vọng tăng trưởng và việc làm.

*Áp lực thị trường lao động giảm một phần do tăng cung lao động*

Theo OECD, áp lực thị trường lao động đã giảm do nguồn cung lao động tăng. Tình trạng thiếu hụt lao động cũng tiếp tục giảm nhẹ ở nhiều nền kinh tế phát triển, phản ánh nhu cầu lao động đang giảm nhẹ, với tốc độ tăng trưởng việc làm chậm lại ở một số quốc gia.

*Các nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới*

*Thứ nhất*, rủi ro lạm phát tăng do giá dịch vụ giảm chậm và áp lực giá phát sinh từ căng thẳng thương mại hoặc địa chính trị. Rủi ro lạm phát dai dẳng trong lĩnh vực dịch vụ gắn liền với việc thiết lập mặt bằng tiền lương và giá cả vì chi phí cho lao động chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí của lĩnh vực dịch vụ. Căng thẳng thương mại leo thang có thể làm tăng thêm rủi ro lạm phát trong ngắn hạn do làm tăng chi phí hàng hóa nhập khẩu theo chuỗi cung ứng.

*Thứ hai*, nguy cơ lãi suất tăng cao hơn trong thời gian dài hơn do rủi ro lạm phát gia tăng, từ đó làm tăng rủi ro tài chính. Đồng đô la Mỹ tăng giá do chênh lệch lãi suất có thể làm gián đoạn dòng vốn và cản trở chính sách nới lỏng tiền tệ theo kế hoạch, có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Lãi suất cao liên tục có thể làm tăng thêm chi phí vay và ảnh hưởng đến ổn định tài chính nếu những cải thiện về tài chính không bù đắp được lãi suất thực cao hơn trong bối cảnh tăng trưởng tiềm năng thấp hơn.

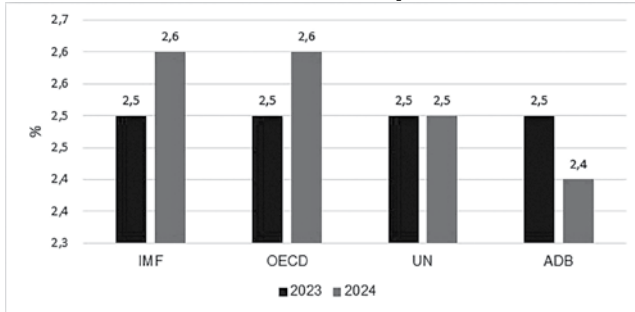
*Thứ ba*, có thể có những thay đổi đáng kể trong chính sách kinh tế xuất phát từ kết quả của các cuộc bầu cử năm nay, với những tác động tiêu cực đến phần còn lại của thế giới. Những thay đổi tiềm ẩn kéo theo rủi ro tài chính sẽ làm trầm trọng thêm gánh nặng nợ và đẩy mạnh chủ nghĩa bảo hộ. Thuế quan thương mại, cùng với việc mở rộng các chính sách công nghiệp trên toàn thế giới, có thể tạo ra những tác động tiêu cực lan tỏa xuyên biên giới, cũng như kích hoạt sự trả đũa, dẫn đến một cuộc chạy đua tốn kém.

### **Tăng trưởng của một số nền kinh tế**

**Hoa Kỳ:** IMF và OECD dự báo tăng trưởng năm 2024 của Hoa Kỳ cao hơn mức 2,5% của năm 2023, đạt 2,6%. Trong khi đó, UN dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,5%, bằng với mức tăng của năm 2023. Riêng ADB dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,4%, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2023.

1. FAO (Tháng 9/2024), "Chỉ số giá lương thực thực phẩm", <https://www.fao.org/worldfoodsituation/foodpricesindex/en/>, truy cập ngày 26/9/2024.

**Hình 2. Đánh giá tăng trưởng của Hoa Kỳ năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo các tổ chức quốc tế**



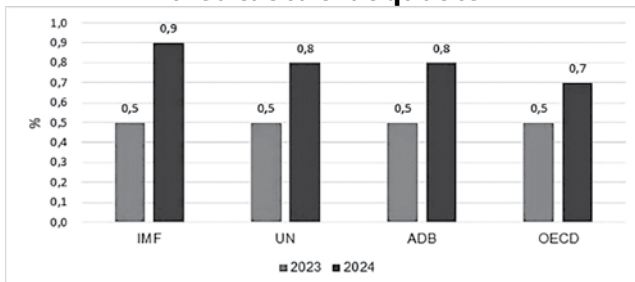
Nguồn: IMF, OECD UN và ADB

Chỉ số PMI tổng hợp của Hoa Kỳ tháng 9/2024 đạt 54,4 điểm, giảm nhẹ so với mức 54,6 điểm trong tháng 8/2024. PMI dịch vụ đạt 55,4 điểm (giảm 0,3 điểm so với mức 55,7 điểm trong tháng 8/2024). PMI chế biến, chế tạo chỉ đạt 47,0 điểm (giảm sâu so với mức 47,9 điểm của tháng 8/2024), đánh dấu tháng giảm thứ 3 liên tiếp trong hoạt động của các nhà máy sản xuất do đơn hàng mới giảm mạnh nhất kể từ tháng 12/2022 và niềm tin kinh doanh giảm.

Trading Economics dự báo tăng trưởng GDP Quý III/2024 của Hoa Kỳ tăng 1,2% so với quý trước và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2023.

**Khu vực đồng Euro:** Các tổ chức quốc tế (IMF, UN, ADB và OECD) đều nhận định tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro dự báo sẽ phục hồi từ mức tăng trưởng thấp, khoảng 0,5% năm 2023 lên mức 0,7% - 0,9% năm 2024, trong đó OECD và UN giữ nguyên dự báo như đã đưa ra trong tháng 4 và tháng 5/2024, trong khi ADB và IMF điều chỉnh tăng thêm 0,1 điểm phần trăm.

**Hình 3. Đánh giá tăng trưởng của khu vực đồng Euro năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo các tổ chức quốc tế**



Nguồn: IMF, UN, ADB và OECD

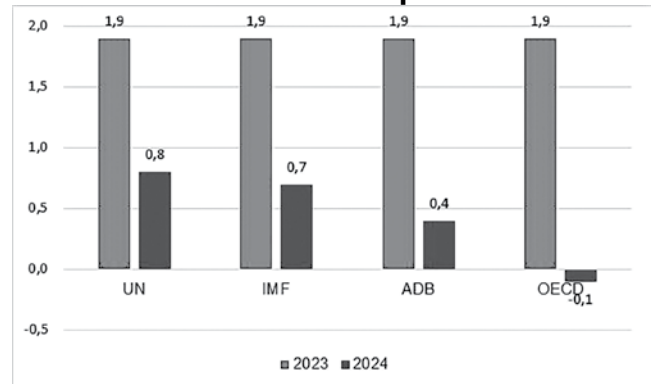
Chỉ số PMI tổng hợp của khu vực đồng Euro trong tháng 9/2024 đạt 48,9 điểm, giảm 2,1 điểm

so với mức 51,0 điểm của tháng 8/2024, phản ánh mức thấp nhất kể từ tháng 01/2024 và tháng thứ tư giảm liên tiếp. Chỉ số PMI chế biến, chế tạo đạt 44,5 điểm (giảm 0,4 điểm so với tháng 8/2024), là tháng thứ 18 giảm liên tiếp, PMI dịch vụ chỉ đạt 50,5 điểm (giảm 2,4 điểm so với 52,9 điểm của tháng 8/2024) là những nguyên nhân khiến PMI tổng hợp của khu vực đồng Euro giảm sâu.

Trading Economics dự báo GDP Quý III/2024 của khu vực đồng Euro tăng 0,3% so với Quý II/2024 và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước.

**Nhật Bản:** Hầu hết các tổ chức quốc tế (UN, IMF, ADB) đều dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản năm 2024 thấp hơn từ 1,1 đến 1,5 điểm phần trăm so với tăng trưởng năm 2023, chỉ đạt từ 0,6% - 0,8% trong năm 2024 so với mức 1,9% của năm 2023. Riêng OECD nhận định kinh tế Nhật Bản tăng trưởng âm trong năm 2024, ở mức -0,1%, giảm 2,0 điểm phần trăm so với tăng trưởng của năm 2023.

**Hình 4. Đánh giá tăng trưởng của Nhật Bản năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo các tổ chức quốc tế**



Nguồn: UN, IMF, ADB và OECD

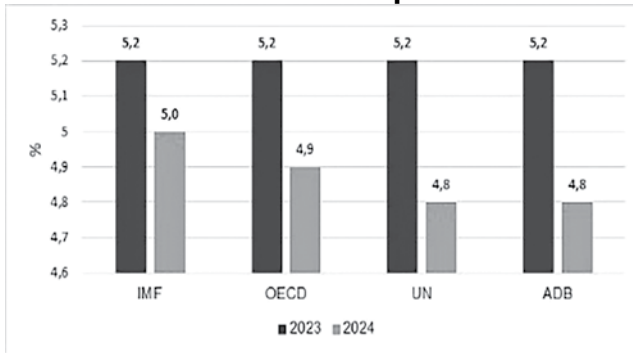
Chỉ số PMI tổng hợp tháng 9/2024 của Nhật Bản đạt 52,5 điểm, giảm 0,4 điểm so với mức 52,9 điểm của tháng 8/2024 (mức cao nhất trong 15 tháng qua) do hoạt động sản xuất, chế biến, chế tạo giảm (PMI chế biến, chế tạo đạt 49,6 điểm, giảm 0,2 điểm so với mức 49,8 điểm của tháng 8/2024). Lĩnh vực dịch vụ tăng nhẹ, PMI dịch vụ đạt 53,9 điểm trong tháng 9/2024, tăng 0,2 điểm so với mức 53,7 điểm của tháng 8/2024.

Trading Economics dự báo GDP Quý III/2024 của nền kinh tế Nhật Bản tăng 0,3% so với quý trước và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Trung Quốc:** Các tổ chức quốc tế (IMF, OECD, UN và ADB) đều nhận định tăng trưởng của Trung Quốc

năm 2024 sẽ chậm lại, đạt khoảng 4,8% - 5,0%, thấp hơn mức 5,2% của năm 2023. Cụ thể, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2024 đạt 5,0%, điều chỉnh tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 4/2024, OECD giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 của Trung Quốc ở mức 4,9% như đã đưa ra trong tháng 5/2024, trong khi đó cả ADB và UN đều dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2024 đạt 4,8%, giữ nguyên như dự báo trước đó.

**Hình 5. Đánh giá tăng trưởng của Trung Quốc năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo các tổ chức quốc tế**



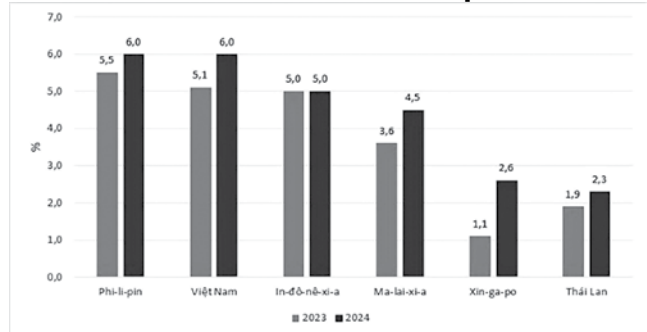
Nguồn: IMF, OECD, UN và ADB

Chỉ số PMI tổng hợp của Trung Quốc trong tháng 9/2024 đạt 50,3 điểm, giảm 0,9 điểm so với mức 51,2 điểm của tháng 8/2024, phản ánh mức điểm thấp nhất kể từ tháng 10/2023 do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh hơn dự kiến trong khi ngành dịch vụ tăng thấp nhất trong một năm trở lại đây. Chỉ số PMI chế biến, chế tạo giảm từ mức 50,4 điểm của tháng 8/2024 xuống 49,3 điểm của tháng 9/2024 do đơn hàng mới, việc làm và đơn hàng tồn đọng đều giảm. Chỉ số PMI dịch vụ cũng giảm mạnh từ mức 51,6 điểm của tháng 8/2024 xuống 50,3 điểm trong tháng 9/2024, giảm 1,3 điểm.

Trading Economics dự báo GDP Quý III/2024 của nền kinh tế Trung Quốc tăng 0,7% so với Quý II/2024 và tăng 5,0% so với cùng kỳ năm 2023.

Đông Nam Á: ADB dự báo tăng trưởng năm 2024 của khu vực Đông Nam Á (bao gồm Timo-Leste) đạt 4,5%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tăng trưởng đưa ra vào tháng 4/2024. Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam và Phi-li-pin được dự báo cao nhất khu vực, đạt 6,0%, theo sau là In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a ở mức 5,0% và 4,5%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Xin-ga-po, Thái Lan được dự báo thấp hơn nhiều so với Việt Nam và Phi-li-pin, lần lượt đạt 2,6% và 2,3%.

**Hình 6. Đánh giá tăng trưởng của các quốc gia ASEAN năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo các tổ chức quốc tế**



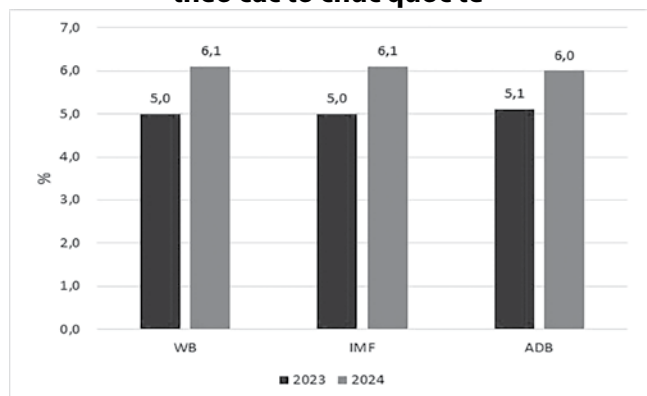
Nguồn: ADB

Theo Trading Economics, dự báo tăng trưởng Quý III/2024 so với cùng kỳ năm trước của Phi-li-pin đạt 6,4%; In-đô-nê-xi-a 5,0%; Ma-lai-xi-a 3,3%; Thái Lan 2,7%, Xin-ga-po 2,5%. Tăng trưởng Quý III/2024 so với quý trước của các quốc gia trên lần lượt là 1,4%; 2,8%; 0,6%; 0,6% và 1,6%.

**Việt Nam:** Các tổ chức quốc tế đều nhận định tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 cao hơn năm 2023 từ 0,9-1,1 điểm phần trăm. Cụ thể, IMF và WB nhận định tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 6,1% trong năm 2024, tăng lần lượt 0,3 và 0,6 điểm phần trăm so với dự báo của hai tổ chức này trong tháng 4 và tháng 6/2024. ADB giữ nguyên dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 ở mức 6,0% so với nhận định trong tháng 4/2024.

Theo Trading Economics, tăng trưởng Quý III/2024 của Việt Nam so với cùng kỳ năm trước dự báo đạt 4,8%.

**Hình 7. Đánh giá tăng trưởng năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 của Việt Nam theo các tổ chức quốc tế**



Nguồn: ADB, WB và IMF

(Nguồn: Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK)



# Cao Bằng: Nỗ lực vượt khó TÍCH CỰC CHĂM LO CHO SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

**Nguyễn Ngọc Thư**

*Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng*



*Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng Trần Hồng Minh trò chuyện với cán bộ quản lý, giáo viên tỉnh Cao Bằng*

Cao Bằng là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 95%. Những năm qua, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung và giáo dục dân tộc nói riêng ngày càng được hoàn thiện, có nhiều ưu tiên để phát triển giáo dục miền núi, hướng tới đảm bảo công bằng trong giáo dục. Công tác phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh Cao Bằng luôn nhận được sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Nhận thức của Nhân dân về tầm quan trọng của giáo dục và đổi mới giáo dục ngày càng được nâng cao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của Tỉnh có tinh thần trách nhiệm, bám trường, bám lớp. Thế hệ trẻ Cao Bằng ham học hỏi, có ý chí và nghị lực vươn lên trong học tập. Qua đó, góp phần giúp ngành Giáo dục và Đào tạo

tỉnh Cao Bằng gặt hái được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Về quy mô, mạng lưới trường, lớp của tỉnh Cao Bằng được quy hoạch, sắp xếp hợp lý và từng bước hoàn thiện, hệ thống trường nội trú, bán trú ngày càng được củng cố và phát triển. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm, đẩy mạnh, đến nay đã đạt 93,33% chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025. Tỷ lệ trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm trên 95%. Chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì và nâng cao. Đặc biệt, chất lượng giáo dục mũi nhọn của Tỉnh có nhiều khởi sắc, số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi quốc gia hàng năm đều tăng. Học sinh tỉnh Cao Bằng hiện nay tự tin, mạnh dạn tham gia các sân chơi trí tuệ của khu vực, quốc gia và quốc tế về Robotics, đạt được một số kết quả nổi bật, tạo sự lan tỏa tích cực trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt.

Năm học 2023-2024, toàn Tỉnh có 508 trường học với 6.069 phòng học (4.602 kiên cố, 1.404 bán kiên cố và 63 phòng học tạm) tổ chức 5.646 lớp học cho 133.594 học sinh. Toàn Tỉnh đã có 182 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 35%). Nhìn chung, mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu dạy và học của địa phương. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất ngày càng được được quan tâm và tạo điều kiện tốt hơn, góp phần thực hiện các mục tiêu giáo dục đối với từng cấp học, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Hiện, Tỉnh vẫn còn 829 điểm trường, nhiều nhất ở cấp mầm non; số phòng học bán kiên cố và tạm còn khá cao, giao thông và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn khó khăn... đã ảnh hưởng đến công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Toàn tỉnh hiện có 11.860 cán bộ quản lý và giáo viên; tỷ lệ trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm trên 95%. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học công nghệ đã trở thành một trong những nhiệm vụ bắt buộc đối với giáo viên và cán bộ quản lý trong công tác dạy học và quản lý, điều hành, giúp nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Tuy nhiên, đội ngũ giáo viên vẫn chưa đảm bảo về số lượng và cơ cấu. Tình trạng thiếu giáo viên kéo dài, đặc biệt là thiếu giáo viên các môn học mới (tiếng Anh, Tin học), thiếu nhiều ở các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Công tác đầu tư cho lĩnh vực giáo dục trên địa bàn Tỉnh được thực hiện từ nguồn lực



Nhà nước, nguồn ngân sách địa phương và huy động thêm từ các nguồn vốn xã hội hóa. Dự kiến, sau khi hoàn thành công tác mua sắm năm 2024, nhu cầu về thiết bị dạy học phục vụ công tác triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đạt khoảng 75%. Cơ sở vật chất, thiết bị ngày càng được tăng cường, hiện đại hóa; hệ thống phòng học, phòng học bộ môn, chức năng và các hạng mục phụ trợ dần được kiên cố hóa; trang thiết bị dạy học từng bước được bổ sung, đáp ứng nhu cầu dạy học, sinh hoạt của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục trung học cũng phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở có chức năng hướng nghiệp trên địa bàn Tỉnh tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp giúp học sinh có thông tin và nhận thức đúng về hướng nghiệp. Nhờ vậy, góp phần tăng tỷ lệ học sinh tham gia học tập, đào tạo giáo dục nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Trong thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng xác định tiếp tục tăng cường công tác truyền thông nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị, sự đồng thuận của mọi tầng lớp Nhân dân đối với các hoạt động đổi mới của ngành Giáo dục. Tập trung xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới. Tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp căn cơ, lâu dài để khắc phục hiệu quả tình trạng thiếu giáo viên, đặc biệt là đối với các môn học đặc thù và tại các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng khoa học và hiệu quả. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Mở rộng hệ thống các trường phổ dân tộc bán trú; củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển trường Trung học phổ thông Chuyên, trường phổ thông chất lượng cao, tạo nền tảng nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Tỉnh. Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và định hướng trên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng đang tích cực tham mưu cho Tỉnh xây dựng và triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030” nhằm tạo sự chuyển biến đột phá, chiến lược về chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh Cao Bằng./.

## Đầu tư hạ tầng giao thông để phát triển kinh tế - xã hội

Là huyện miền núi biên giới của tỉnh Cao Bằng, Thạch An có vị trí khá thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật với trung tâm thành phố Cao Bằng và các huyện trong Tỉnh, lưu thông với các tỉnh bạn và nước bạn Trung Quốc qua lối mở Nà Lạn - Đức Long. Hệ thống đường giao thông tương đối hoàn chỉnh gồm tỉnh lộ, huyện lộ và đường liên xã, liên thôn; có đường Quốc lộ 4A, 34B đi qua, đây là con đường chiến lược về kinh tế - quốc phòng; Đồng thời là tuyến đường quan trọng để thông thương giao lưu kinh tế - văn hóa, xã hội với cả nước và phát triển kinh tế - xã hội.



Từ nguồn vốn vay ưu đãi tín dụng chính sách xã hội, nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Thạch An đầu tư phát triển mô hình trồng cây hồi, chè hữu cơ

Giai đoạn 2021-2023, tình hình thời tiết, dịch bệnh, giá cả thị trường biến động và nhiều yếu tố chủ quan, khách quan... tác động không nhỏ đến công tác chỉ đạo điều hành chung của Huyện. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, huyện Thạch An đã tập trung rà soát, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra; các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn được UBND huyện chú trọng chỉ đạo và triển khai thực hiện, đem lại hiệu quả thiết thực đến đời sống Nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo của Huyện giảm qua các năm, đầu giai đoạn 2021-2025 là 46,81%, đến cuối năm 2023 là 34,37%; Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia năm 2023 đạt 98,05%.

Bên cạnh đó, tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước, huyện Thạch An đã tập trung rà soát, ưu tiên đầu tư những dự án, công trình giao thông trọng điểm có tính quy mô, liên kết xóm, xã



# Huyện Thạch An

## ĐẠT NHIỀU THÀNH TỰU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

**Ngô Thế Mạnh**

Phó Chủ tịch UBND huyện Thạch An

Những năm qua, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã và đang phát huy nội lực, tận dụng những tiềm năng và các lợi thế sẵn có của địa phương, nỗ lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội. Huyện xác định công tác xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng, quá trình triển khai thực hiện luôn gắn liền với thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) Xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đem lại cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc cho người dân nơi đây.

để thực hiện đầu tư. Đến nay, hạ tầng giao thông trên toàn Huyện cơ bản đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã, đảm bảo phục vụ chuyên chở hàng hóa và đi lại của Nhân dân trên địa bàn; 73/95 xóm có đường ô tô đến trung tâm xóm được cứng hóa. Các dự án, công trình triển khai hoàn thành, góp phần tăng cường khả năng lưu thông và đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân.

### **Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới**

Huyện Thạch An có vị trí địa lý, điều kiện thổ nhưỡng cũng như khí hậu phù hợp cho phát triển một số cây nông nghiệp có đặc tính riêng biệt và có giá trị kinh tế cao, đem lại nguồn thu nhập tương đối ổn định cho Nhân dân như: Cây thạch đen, cây lê vàng, cây hồi, cây quế, bí hương. Đảng bộ Huyện đã xác định nông nghiệp là trụ cột; và phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới là đột phá chiến lược của kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, huyện Thạch An luôn xác định công tác xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ

quan trọng, quá trình thực hiện gắn liền với thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Huyện đã triển khai đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo như chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, dạy nghề tạo việc làm; chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo; chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo quy định của Trung ương... Từ đó, giúp người nghèo từng bước nâng cao thu nhập và được tiếp cận với các dịch vụ xã hội tốt hơn.

Nguồn vốn từ 3 Chương trình MTQG đã góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, miền núi, cũng như cách nghĩ, cách làm trong phát triển kinh tế và đời sống tinh thần; kéo gần khoảng cách phát triển đối với các địa phương vùng thấp. Với mục tiêu đó, huyện Thạch An đã chỉ đạo quy hoạch sản xuất, phát huy thế mạnh từng vùng và có kế hoạch phát triển phù hợp với từng địa phương, thúc đẩy sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.

Qua 4 năm triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm, huyện Thạch An đã có 12 sản phẩm OCOP được xếp hạng 3 sao, trong đó chủ yếu là các sản phẩm nông sản thực phẩm chủ lực của Huyện, mở ra thị trường tiêu thụ rộng lớn cho các chủ thể tham gia sản phẩm OCOP. Hiện nay, Huyện đang đẩy mạnh

ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp quan trọng trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông nghiệp sạch trên địa bàn.

Giai đoạn 2024-2025 là giai đoạn có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đối với việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã đề ra, huyện Thạch An tập trung chỉ đạo tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp cũng như các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh, của Huyện. Đặc biệt, Huyện tập trung vào các chương trình MTQG và các Chương trình trọng tâm của Tỉnh, của Huyện. Trong đó, đẩy mạnh thực hiện tốt Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của huyện, theo Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm - OCOP"; Thực hiện có hiệu quả các chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Đồng thời, tiếp tục ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước để đầu tư các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án trọng điểm. Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung danh mục thu hút đầu tư vào các lĩnh vực giao thông, nông nghiệp, du lịch, hạ tầng số./



# BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢNG HÒA: Đáp ứng sự hài lòng của người bệnh



Một ca phẫu thuật tại BVĐK huyện Quảng Hòa

**B**ệnh viện Đa khoa (BVĐK) huyện Quảng Hòa là bệnh viện hạng II tuyến huyện trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng với chức năng, nhiệm vụ chính là khám, chữa bệnh (KCB); cấp cứu, điều trị nội trú, ngoại trú theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật...; Hiện, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện gồm: 02 phòng chức năng, 13 khoa chuyên môn, 126 giường bệnh thực kê với 120 cán bộ, nhân viên y tế; trong đó, có 33 bác sĩ, 6 dược sĩ, 41 điều dưỡng, còn lại là kỹ thuật y, hộ sinh... Với phương châm: “Lấy người bệnh làm trung tâm - Tất cả vì sự hài lòng của người bệnh”, thời gian qua, BVĐK huyện Quảng Hòa đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phục vụ tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn.

Bác sĩ Phùng Thị Vân, Giám đốc BVĐK huyện Quảng Hòa cho biết: Được sự quan tâm lãnh đạo,

chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, đặc biệt, sự chỉ đạo sát sao về chuyên môn của Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, Bệnh viện đã từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Năm 2023, Bệnh viện thu hút trên 24.000 lượt bệnh nhân đến khám bệnh, gần 5000 bệnh nhân điều trị nội trú; thực hiện hơn 7.800 thủ thuật các loại. Các dịch vụ kỹ thuật được thực hiện theo phân tuyến chuyên môn, đảm bảo đúng quy trình. Bệnh viện thường xuyên duy trì chế độ thường trực cấp cứu 24/24 giờ, đặc biệt là công tác phẫu thuật cấp cứu Ngoại - Sản, nhờ đó, công tác phẫu thuật cấp cứu luôn được củng cố và thực hiện theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật. Việc sắp xếp, điều tiết nhân lực và các phòng khám phù hợp với nhu cầu khám bệnh của người dân

nhất là vào các giờ cao điểm giúp giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Bên cạnh đó, Bệnh viện thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế. Hiện, Bệnh viện đang duy trì thực hiện kê đơn thuốc điện tử tại Khoa Khám bệnh.

Xác định nâng cao tỷ lệ hài lòng của người bệnh là một chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu phát triển, hoạt động của đơn vị. Bệnh viện thường xuyên quán triệt tới toàn thể cán bộ, viên chức trong đơn vị phương châm: “Lấy người bệnh làm trung tâm”, tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp ứng xử của cán bộ y tế. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện quy chế giao tiếp của nhân viên y tế, thành lập tổ công tác xã hội sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ khi người bệnh cần, đặc biệt đối với những trường hợp người bệnh có hoàn cảnh khó khăn. Thay đổi, cải tiến quy trình khám bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh. Tranh thủ các nguồn kinh phí hợp pháp để trang bị những tiện nghi, tiện ích trong bệnh viện để phục vụ người bệnh... Nhờ vậy, tỷ lệ hài lòng của bệnh nhân nội trú và ngoại trú đều đạt trên 90%.

Bác sĩ Phùng Thị Vân chia sẻ thêm: Song song với hoạt động chuyên môn, BVĐK huyện Quảng Hòa chú trọng nâng cao ý thức cho cán bộ, nhân viên toàn đơn vị; thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, y bác sĩ đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác nghiên cứu khoa học cũng luôn được quan tâm, Bệnh viện đã xây dựng



kế hoạch và tổ chức thực hiện tập huấn phương pháp nghiên cứu khoa học cho cán bộ, viên chức. Nhờ vậy, các kỹ thuật chuyên môn mới thường xuyên được áp dụng trong công tác khám, chẩn đoán, điều trị nhằm đáp ứng yêu cầu KCB ngày càng cao của Nhân dân. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo quyền lợi và các chế độ chính sách đối với người bệnh, Bệnh viện còn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện công tác KCB bảo hiểm y tế tại đơn vị, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm tránh phiền hà cho người bệnh và đảm bảo quyền lợi cho họ. Đồng thời, tăng cường công tác phòng, chống trục lợi quỹ Bảo hiểm y tế; giám sát việc kê đơn, sử dụng thuốc, chống lạm dụng thuốc, lạm dụng xét nghiệm và dịch vụ kỹ thuật gây tốn kém, ảnh hưởng không có lợi đến sức khỏe người bệnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, hoạt động khám, chữa bệnh tại BVĐK huyện Quảng Hòa còn gặp nhiều khó khăn do một số danh mục kỹ thuật theo phân tuyến chưa được triển khai thực hiện; một số thiết bị y tế được trang bị sử dụng đã lâu, xuống cấp, thường xuyên xảy ra lỗi, hỏng... nên có lúc bị gián đoạn, phải chờ sửa chữa, khắc phục. Công tác cung ứng thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm... có lúc chưa được kịp thời do công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm còn gặp khó khăn, khi tổ chức đấu thầu có mặt hàng không có nhà thầu tham dự hoặc không đáp ứng các điều kiện của hồ sơ mời thầu.

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; xây dựng cơ sở y tế "Xanh - Sạch - Đẹp", Bệnh viện tiếp tục các giải pháp giảm thiểu chất thải nhựa; sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất sẵn có để thêm Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; hoàn thiện hồ sơ GSP công bố cơ sở bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Đồng thời, chú trọng công tác thi đua khen thưởng; đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo trong toàn đơn vị; kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, các tập thể khoa, phòng và cá nhân điển hình tiên tiến.

Cùng với sự nỗ lực của tập thể đơn vị, Bệnh viện mong muốn Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ, giám sát, hỗ trợ, tạo điều kiện cho đơn vị phát triển theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện hạng II tuyến huyện; có kế hoạch đào tạo, tập huấn chuyên môn, kỹ thuật cho cán bộ, viên chức để Bệnh viện đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân./.

**P.V**

## TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM CAO BẰNG: Nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động

**Những năm qua, Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối cung - cầu lao động thông qua các sàn giao dịch việc làm cố định, lưu động, online... Thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp và người lao động.**

**H**àng năm, Trung tâm thường xuyên cập nhật thông tin thị trường lao động trong nước và ngoài nước để tư vấn, hướng nghiệp cho người lao động; các em học sinh Trung học phổ thông khối 12, trước khi tốt nghiệp phổ thông; định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho bộ đội xuất ngũ; người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương. Bên cạnh đó, công tác giải quyết Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Trung tâm triển khai, thực hiện kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như giúp họ có chỗ dựa ổn định cuộc sống khi bị mất việc làm.



*Tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên và người lao động có nhu cầu tìm việc làm*

Bà Đặng Thị Long Biên - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng cho biết: Hàng năm, Trung tâm đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giao cho các phòng chuyên môn trực tiếp đi đến cơ sở để tư vấn cho người lao động; tổ chức các phiên giao dịch việc làm và hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách việc làm, thông tin thị trường lao động, tư vấn tuyển dụng lao động, bảo hiểm thất nghiệp.



Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng tổ chức Ngày hội việc làm, tư vấn - định hướng nghề nghiệp năm 2024

Đến nay, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Cao Bằng đã chủ trì tổ chức được 10 Ngày hội việc làm; 9 phiên giao dịch việc làm lưu động tại cụm xã; phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm các tỉnh khu vực phía Bắc tổ chức 16 phiên giao dịch việc làm online; 75 hội nghị tư vấn chính sách việc làm, tư vấn việc làm.

Qua đó, Trung tâm đã tiếp cận và tư vấn chính sách pháp luật lao động, tư vấn việc làm và học nghề cho hơn 32.134 lượt người; định hướng nghề nghiệp cho 3.956 học sinh các trường THPT. Số lao động được giới thiệu việc làm, cung ứng thông qua Trung tâm là 2.017 người (trong đó, giới thiệu việc làm trong nước cho 1.891 người, giới thiệu việc làm ngoài nước cho 126 người). Đặc biệt, các trang thông tin điện tử như: Website, Facebook và Zalo của Trung tâm hoạt động ngày càng hiệu quả, số lượng tin bài phong phú, được nhiều doanh nghiệp và người lao động quan tâm biết đến. Đây cũng là kênh để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng tuyển dụng lao động, người lao động truy cập tìm hiểu về thị trường lao động...nhờ đó, góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở địa phương.

Ngoài ra, với chức năng hỗ trợ lao động làm hồ sơ hưởng trợ cấp

thất nghiệp, Trung tâm tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hưởng chế độ BHTN cho 100% lao động, khi đến đăng ký đủ điều kiện theo quy định. Theo thống kê, giai đoạn từ năm 2021 đến hết tháng 6/2024, Trung tâm đã thẩm định và tham mưu cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng ban hành hơn 8.800 Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, chuyển cơ quan BHXH chi trả trợ cấp thất nghiệp hằng tháng với số tiền hơn 120 tỷ đồng. Việc chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động được thực hiện 100% qua thẻ ATM. Đạt được những kết quả khả quan như trên là do Trung tâm đã bám sát chương trình công tác, các kế hoạch phù hợp với thực tiễn về nhiệm vụ của đơn vị; thực hiện tốt quy chế công khai dân chủ, phát huy sức mạnh của tập thể, đoàn kết nhất trí trong nội bộ; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc và đôn đốc các phòng chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bà Đặng Thị Long Biên chia sẻ thêm: Để có nguồn thông tin việc làm phong phú và chất lượng, Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng tiếp tục khai thác hiệu quả thông tin thị trường lao động trong và ngoài tỉnh, các doanh nghiệp

có nhu cầu sử dụng lao động ổn định. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và phòng Lao động, Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động, các hội nghị phổ biến thông tin thị trường lao động. Đồng thời, Trung tâm cũng duy trì thường xuyên giao dịch việc làm trực tuyến với các tỉnh phía Bắc; tích cực đăng tin "Việc tìm người" trên các trang Website và Facebook, Zalo của Trung tâm, nhằm đưa thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời và hiệu quả đến với người lao động.

Mặt khác, Trung tâm tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về xuất khẩu lao động tại các địa phương, nhất là tại các huyện nghèo; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh vừa học xong chương trình Trung học phổ thông. Đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin về việc làm, học nghề cho người lao động thất nghiệp, giúp họ tìm được việc làm mới. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chế độ chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 100% lao động đủ điều kiện theo quy định.

Trong thời gian tới, để thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở Lao Động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng, Cục Việc làm và sự quan tâm vào cuộc quyết liệt hơn nữa của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác cung cấp dịch vụ việc làm, nhằm giải quyết việc làm, giúp người lao động có thu nhập ổn định, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./

**Trọng Nghĩa**



## Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thạch An:

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN



Bế giảng lớp sửa chữa máy nông nghiệp và trao chứng chỉ tốt nghiệp cho các học viên

**T**rung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch An được sáp nhập từ Trung tâm Dạy nghề huyện Thạch An và Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Thạch An theo Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng. Trung tâm trực thuộc UBND huyện Thạch An quản lý và thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định trên hai lĩnh vực: Đào tạo nghề và Giáo dục thường xuyên. Cùng với sự phát triển chung của ngành Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch An đã và đang góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trung tâm là nơi mang đến cơ hội học tập cho tất cả mọi người, đặc biệt những người có hoàn cảnh khó khăn; tỷ lệ học viên sau khi hoàn thành Chương trình GDTX cấp THPT tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học nâng cao tay nghề trình độ cao đẳng ngày càng tăng.

Về cơ sở vật chất, Trung tâm hiện có 6 phòng học lý thuyết, 6 phòng làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên và các tổ chuyên môn; 2 nhà xưởng thực hành nghề, 1 nhà ký túc xá 3 tầng. Trung tâm được cấp trang thiết bị của các nghề: May công nghiệp, hàn, sửa chữa xe máy, sửa chữa điện dân dụng và một số trang thiết bị nghề sửa chữa máy nông nghiệp, trồng và khai thác rừng trồng và nghề kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến cây thạch đen..., cơ bản đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất để giảng dạy và học tập tại Trung tâm.

Bằng việc thường xuyên tuyên truyền sâu rộng tới người học và Nhân dân về lợi ích của việc học văn hóa kết hợp với học Trung cấp nghề, nhận thức của Nhân dân và phụ huynh học viên về Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch An dần có sự thay đổi theo hướng tích cực. Công tác tuyển sinh, chất lượng đầu vào của Trung tâm

từng bước được cải thiện, học viên học tại Trung tâm sau khi tốt nghiệp được nhận 2 bằng (Bằng tốt nghiệp THPT và bằng Trung cấp nghề). Trong 3 năm học gần đây, Trung tâm đã phối kết hợp với Trường Trung cấp nghề Cao Bằng tổ chức đào tạo nghề hệ trung cấp các ngành: Trồng trọt, Điện công nghiệp, Nghề lâm sinh cho trên 130 học viên. Bên cạnh đó, Trung tâm định hướng và tạo điều kiện cho các em học viên sau khi tốt nghiệp THPT năm 2024 và tốt nghiệp Trung cấp nghề tiếp tục học liên thông lên trình độ Cao đẳng.

Bên cạnh đó, Trung tâm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ngay từ đầu năm 2023, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch An đã phối hợp với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Thạch An khảo sát nhu cầu học nghề trên địa bàn toàn Huyện; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề trong năm 2023 đối với Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Năm 2023, tổ chức đào tạo 9 lớp/12 lớp với 274 học viên gồm các nghề: Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn; Sửa chữa máy nông nghiệp; Trồng và khai thác rừng trồng; Trồng rau an toàn. Đặc biệt, Trung tâm đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng tuyên truyền, lồng ghép các buổi tư vấn tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phối hợp tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu tìm việc làm trong và ngoài tỉnh; tuyên truyền tư vấn cho người lao động có nhu cầu



đi thực tập và làm việc tại các doanh nghiệp khai thác than tỉnh Quảng Ninh thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam...

Bên cạnh những thuận lợi, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Thạch An vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn chưa đầy đủ về nội dung của các Chương trình Mục tiêu quốc gia, trong đó, có Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân giúp họ hiểu được vai trò, tầm quan trọng của việc học nghề để xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội; định hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế. Đặc biệt, người dân tại các địa phương huyện Thạch An trong độ tuổi lao động phần lớn đi làm việc tại các công ty trong và ngoài tỉnh dẫn đến công tác tuyển sinh đào tạo nghề rất khó khăn. Vẫn còn một số người học chủ yếu đi học theo chỉ tiêu số lượng cần tuyển của thôn hoặc học để nhận tiền hỗ trợ, do đó kết quả học tập chưa cao.



*Cán bộ, giáo viên Trung tâm tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, phối hợp tư vấn giới thiệu việc làm cho học viên*

Mặt khác, còn thiếu giáo viên cơ hữu giảng dạy các nghề nông thôn; một số nghề khi địa phương có nhu cầu thì không có giáo viên; cơ sở Giáo dục nghề nghiệp phải đi hợp đồng với giáo viên thỉnh giảng có đủ điều kiện giảng dạy bên ngoài.

Bà Hoàng Thị Dao, Giám đốc Trung tâm cho biết: Trong thời gian tới, để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, Trung tâm GDNN-GDTH huyện Thạch An sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy và học; xây dựng môi trường học tập đa chiều; tăng cường liên kết với cộng đồng và doanh nghiệp; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập và thực hành và tìm việc làm của học viên./.

**Minh Hằng**

Những năm qua, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đã chủ động đổi mới công tác quản lý, triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình một cơ sở giáo dục với nhiều loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

**T**rong tâm GDNN-GDTH Nguyên Bình được thành lập tháng 4/2016, trên cơ sở sáp nhập giữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Nguyên Bình và Trung tâm Dạy nghề huyện Nguyên Bình. Trung tâm hiện có tổng số 14 cán bộ, giáo viên, nhân viên; Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ nhiệt tình, tâm huyết với nghề; có trình độ chuyên môn vững vàng; 100% cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đáp ứng mọi nhiệm vụ được giao.

Ông Nguyễn Văn Thông - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm cho biết: Hằng năm, để thu hút học viên theo học, Trung tâm đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức chu đáo công tác tuyển sinh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học viên và Nhân dân về tinh thần học tập suốt đời. Xây dựng xã hội học tập trong nền kinh tế số, xã hội số và phát triển các mô hình học tập trong cộng đồng. Đồng thời, Trung tâm còn tổ chức nhiều hoạt động: Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam; Tuyên truyền Hội sách trực tuyến chào mừng Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam tại Trung tâm. 100% cán bộ quản lý, giáo viên và học viên được tham gia các buổi ngoại khóa, hiểu được ý nghĩa của việc học tập suốt đời, cùng ra sức quyết tâm học tập và công tác, đưa văn hóa đọc sách đến với mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và học viên.

Về kết quả dạy văn hóa Chương trình GDTX cấp THPT: Năm học 2023-2024, Trung tâm GDNN- GDTX huyện Nguyên Bình có 4 lớp học với tổng số 116 học viên. Trung tâm tổ chức thực hiện công tác dạy học theo đúng công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng. Các tổ chuyên môn, giáo viên các bộ môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, kế hoạch dạy học, điều chỉnh khung phân phối chương trình phù hợp với đặc thù từng bộ môn. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin một cách hợp lý vào công tác giảng dạy. Đặc biệt, Trung tâm tích cực dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học viên. Đội ngũ giáo viên của Trung tâm tổ chức dạy phụ đạo học viên yếu kém, đồng thời giáo dục cho học viên



## TRUNG TÂM GDNN - GDTX HUYỆN NGUYỄN BÌNH: Tăng cường giáo dục gắn với đào tạo nghề



Học viên Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nguyễn Bình thực hành lắp đặt thiết bị điện dân dụng



Thực hành chăm sóc và phòng bệnh cho gia cầm

có ý thức thái độ đúng đắn, có phương pháp và thời gian học tập thích hợp.

Bên cạnh đó, công tác chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, gắn với đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học tại đơn vị được Trung tâm quan tâm, chú trọng. Học viên được tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học, kiến thức pháp luật thông qua các buổi ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, thông qua Zalo, trang Fanpage... của Trung tâm. Đặc biệt, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của Trung tâm được quan tâm, phối hợp chặt chẽ. Nhiều Hội nghị phụ huynh được tổ chức, kịp thời thông báo và kết hợp chặt chẽ với phụ huynh trong giáo dục học viên và thực hiện kế hoạch giáo dục của Trung tâm.

Tuy điều kiện cơ sở vật chất và nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, song với tinh thần đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Trung tâm, sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác quản lý, giáo dục học viên,

các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2023-2024 cơ bản hoàn thành theo kế hoạch, Chương trình nội dung hệ GDTX cấp THPT hoàn thành đúng tiến độ; nề nếp dạy học được duy trì nghiêm túc; chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao. Tỷ lệ học viên lên lớp thẳng đạt 100%; 100% học viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

Về công tác giáo dục nghề nghiệp, ngay từ đầu năm 2023, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nguyễn Bình đã chủ động tham mưu cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân huyện Nguyễn Bình ban hành các văn bản chỉ đạo công tác dạy nghề. Phối hợp với các cơ quan liên quan cấp huyện, cấp ủy chính quyền phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên đến xã, thị trấn tuyên truyền, khảo sát nhu cầu học nghề lao động nông thôn. Đồng thời, tiến hành tổng hợp về công tác tuyển sinh lao động nông thôn đăng ký tham gia học nghề ngắn hạn. Các lớp đào tạo nghề tập trung do Trung tâm tổ chức chủ yếu đào tạo nghề Chăn nuôi thú y và Trồng trọt.

Bên cạnh đó, Trung tâm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất tại các địa phương; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và truyền thông về giáo dục nghề nghiệp năm 2023. Trung tâm liên kết đào tạo với trường Trung cấp nghề Cao Bằng tổ chức 3 lớp Trung cấp cho học viên vừa học văn hóa, vừa học nghề.

Trong thời gian tới, để thực hiện tốt công tác giáo dục văn hóa và đào tạo nghề, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nguyễn Bình tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, ổn định nề nếp, hạn chế thấp nhất các tác động khách quan ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm học. Tiếp tục tạo điều kiện để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và viên chức gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng của địa phương và xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp giữa Trung tâm với các tổ chức đoàn thể, Hội cha mẹ học viên trong việc giáo dục lý tưởng, mục đích, ý thức học tập của học viên. Cùng với đó, Trung tâm sẽ thường xuyên tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Xác định thế mạnh và mô hình đào tạo cho phù hợp, thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo các ngành nghề cho người lao động, góp phần nâng cao tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm và làm đúng ngành, nghề được đào tạo./.

T.N

## CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 10/2024 (679) Ra hàng tháng. Năm thứ 63  
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN  
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971  
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn  
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản  
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc  
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

# TRONG SỐ NÀY

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội cả nước quý III và 9 tháng năm 2024
2. Đoàn Thanh niên Tổng cục Thống kê tiếp và làm việc với Đoàn Thanh niên Hàn Quốc
3. Khai giảng Khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho người làm công tác thống kê ở các Bộ, ngành Trung ương
4. Hội thảo sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia

## KINH TẾ - XÃ HỘI

6. Bức tranh kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2024: Những điểm sáng nổi bật
9. Bảo Yagi không cản trở đà tăng trưởng quý III năm 2024

Nguyễn Thị Mai Hạnh

12. Lạm phát bình quân 9 tháng năm 2024 trong tầm kiểm soát

Nguyễn Thu Oanh

14. Sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu

ThS. Lê Thị Loan - ThS. Nguyễn Thu Hiền

17. Chăm sóc người cao tuổi - Giải pháp ứng phó với xã hội già hóa ở Việt Nam

Quang Vinh

20. Bức tranh lao động Việt Nam trong xu hướng gia tăng thất nghiệp toàn cầu

Minh Hà

23. Xóa nhà dột nát, nhà tạm: Từ chính sách đến thực tiễn

Thu Hương

## TƯ LIỆU ĐỊA PHƯƠNG

27. Vai trò của Đà Nẵng trong hợp tác phát triển liên kết vùng miền Trung - Tây Nguyên

TS. Hoàng Thị Thu Thủy

32. Nhiều kết quả tích cực trong phát triển nông nghiệp tại huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

ThS. Phạm Thị Thu Tâm

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

34. Nghiên cứu xây dựng phương pháp xác định điểm cắt theo các tiêu chí thu nhập phục vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025

Nhóm tác giả Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

## QUỐC TẾ

39. Dự báo tình hình kinh tế thế giới quý III và 9 tháng đầu năm 2024

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG

43. Cao Bằng: Nỗ lực vượt khó tích cực chăm lo cho sự nghiệp giáo dục

Nguyễn Ngọc Thư

44. Huyện Thạch An: Đạt nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

Ngô Thế Mạnh

46. Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hòa: Đáp ứng sự hài lòng của người bệnh

P.V

47. Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng: Nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động

Trọng Nghĩa

49. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thạch An: Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Minh Hằng

51. Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nguyên Bình: Tăng cường giáo dục gắn với đào tạo nghề

T.N

## TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẢO LÂM:

# Vì mục tiêu nâng cao sức khỏe cộng đồng



Bác sĩ CKII Lý Văn Chuyên  
Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm

**Bảo Lâm là huyện vùng cao, biên giới xa xôi nhất của tỉnh Cao Bằng. Trước đây, do điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển, một bộ phận người dân vẫn giữ tập quán lạc hậu, tự chữa bệnh tại nhà theo kinh nghiệm dân gian, điều đó đã gây nhiều trở ngại cho công tác y tế tại địa phương. Tuy nhiên, được sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước cho hệ thống y tế cơ sở, Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm đã vượt qua mọi khó khăn, từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và niềm tin vững chắc cho Nhân dân trong việc "gửi gắm" sức khỏe cho hệ thống y tế cơ sở.**

**B**ác sĩ CKII Lý Văn Chuyên, Giám đốc Trung tâm cho biết: Năm 2023, Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm đã thực hiện tốt công tác khám bệnh, chữa bệnh; đảm bảo cấp cứu người bệnh kịp thời. Trong đó, phẫu thuật cấp cứu, đặc biệt là phẫu thuật nội soi được thực hiện thường quy với các loại bệnh thường gặp. Từ đó, tăng khả năng cứu sống nhiều bệnh nhân trên địa bàn và các vùng lân cận, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên.

Bên cạnh đó, Trung tâm thực hiện nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, thay đổi thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh; Đồng thời, thực hiện

công bằng trong khám chữa bệnh; thực hiện đúng chế độ cho người bệnh, đặc biệt quan tâm đến trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, người nghèo. Các kíp trực thường xuyên có mặt tại vị trí trực, giải quyết kịp thời tất cả những trường hợp cấp cứu, không để xảy ra sơ xuất và sai sót trong chuyên môn làm ảnh hưởng đến chất lượng khám, chữa bệnh. Các khoa lâm sàng tổ chức tốt việc tiếp nhận, chăm sóc, điều trị người bệnh. Kết quả công tác khám, chữa bệnh ước thực hiện năm 2023: Tổng số lần khám bệnh 49.500 lượt bệnh nhân, đạt 101,4%; Tổng số lượt điều trị nội trú 5.520 lượt bệnh nhân, đạt 117,4%; Tổng số lần xét nghiệm 26.600 lượt bệnh nhân; Tổng số lần chụp X – quang 6.650 lượt bệnh nhân; Tổng số phẫu thuật 410 ca, đạt 117%; Công suất sử dụng giường bệnh đạt 110%...

Công tác phòng chống dịch bệnh cũng được Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện có hiệu quả. Các khoa phòng; Trạm Y tế các xã, thị trấn luôn sẵn sàng chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh tại địa phương. Đẩy mạnh tổ chức thực hiện các chiến dịch tiêm chủng vắc xin Covid-19 trên địa bàn Huyện theo các lứa tuổi với kết quả đạt được như sau: Tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên 35.779 người; tổng số đối tượng đủ 12 đến dưới 18 tuổi 7.672 người; tổng số đối tượng từ đủ 5 đến dưới 12 tuổi 111.77 người. Thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số như:

Tiêm chủng mở rộng, lao, sốt rét, HIV, vệ sinh an toàn thực phẩm, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, truyền thông - giáo dục sức khỏe; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván 725/1078, đạt 67,2%; tỷ lệ tiêm viêm gan B tại bệnh viện 413/555, đạt 74,4%; số người mới sử dụng các biện pháp tránh thai trong năm 2023 được duy trì đảm bảo các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Trong thời gian tới, để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm của Tỉnh, huyện, sự chỉ đạo sát sao của ngành Y tế. Đồng thời, triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: Thực hiện tốt công tác cung ứng thuốc, vật tư tiêu hao đảm bảo tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tham gia dự án khám chữa bệnh từ xa do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng và Bệnh viện Bạch Mai tổ chức nhằm nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị. Nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và phát huy tối đa công suất sử dụng trang thiết bị, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế. Chú trọng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện dịch sớm, báo cáo kịp thời, sẵn sàng ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh./.

**M.H**



Ê kíp các y bác sĩ Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm trong một ca phẫu thuật cho bệnh nhân

# Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI



Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền

Là bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, hiện Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng hoạt động với quy mô: 4 phòng chức năng, 9 khoa chuyên môn; 150 giường bệnh kế hoạch, tổng số viên chức, người lao động tính đến 30/9/2024 là 126 người. Nhằm đem lại chất lượng phục vụ tốt nhất cho người dân đến khám và điều trị, Bệnh viện đã tổ chức thực hiện tốt việc cấp cứu, khám bệnh, điều trị ngoại trú, thực hiện công khai giá dịch vụ y tế, áp dụng công nghệ thông tin trong tiếp đón và giải quyết thủ tục ra viện, giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Các chỉ tiêu về công tác khám chữa bệnh như: số lượt người bệnh điều trị ngoại trú, người bệnh điều trị nội trú, xét nghiệm, chụp X-quang, Điện tim... đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.

Để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân, trong những năm qua, Bệnh viện đã cử nhiều viên chức tham gia các lớp đào tạo dài hạn, ngắn hạn trong và ngoài tỉnh. Bệnh viện đã cử viên chức đi đào tạo sau đại học là 11 người; Cử hơn 120 lượt viên chức tham gia đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức chuyên môn với các nội dung như: phương pháp giảng dạy lâm sàng; phục hồi chức năng thần kinh sau đột quỵ; cập nhật

**Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng có chức năng thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về khám chữa bệnh đa khoa và phục hồi chức năng (PHCN) bằng y học cổ truyền (YHCT), kết hợp YHCT với y học hiện đại; nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; đào tạo, chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật và là cơ sở thực hành về y, dược cổ truyền, PHCN của các cơ sở đào tạo, y dược và các đơn vị có nhu cầu.**

kiến thức chuyên môn dược về xây dựng danh mục thuốc và phân tích sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tập huấn an toàn người bệnh; công tác xã hội trong bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng cháy chữa cháy... Ngoài ra, Bệnh viện còn thường xuyên tổ chức sinh hoạt Khoa học định kỳ cho bác sĩ, điều dưỡng và người lao động trong toàn đơn vị.

Mặt khác, công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y dược cổ truyền thường xuyên được Bệnh viện triển khai nhằm áp dụng các đề tài, sáng kiến đã được nghiệm thu ứng dụng vào việc điều trị bệnh. Năm 2023, Bệnh viện đăng ký thực hiện 06 đề tài nghiên cứu

khoa học cấp cơ sở, trong đó, có 04 đề tài đã được Hội đồng khoa học Sở Y tế nghiệm thu. Công tác tiếp nhận chỉ đạo tuyến từ các bệnh viện tuyến trên được Bệnh viện nỗ lực triển khai. Trong năm 2023, chuyên gia của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương đến khám bệnh, tư vấn miễn phí cho người bệnh; Viện Y Dược học dân tộc thành phố Hồ Chí Minh đến khảo sát cơ sở vật chất, nhân lực để chuyển giao Kỹ thuật Tiêm xơ búi trĩ tại Bệnh viện. Đồng thời, Bệnh viện cũng cử các bác sĩ luân phiên hỗ trợ chuyên môn về y học cổ truyền và phục hồi chức năng tại Trung tâm Y tế các huyện.

ThS. Bác sĩ CKII Nguyễn Quỳnh Anh, Giám đốc Bệnh viện chia sẻ: Trong thời gian tới, để thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh về YHCT và PHCN, xứng đáng là địa chỉ tin cậy của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Cao Bằng, sự chỉ đạo sát sao của Sở Y tế, sự giúp đỡ của các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để Bệnh viện ngày càng phát triển, đáp ứng tốt nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trong tình hình mới./.

**Trọng Nghĩa**



Điều trị bằng oxy cao áp tại Bệnh viện